BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

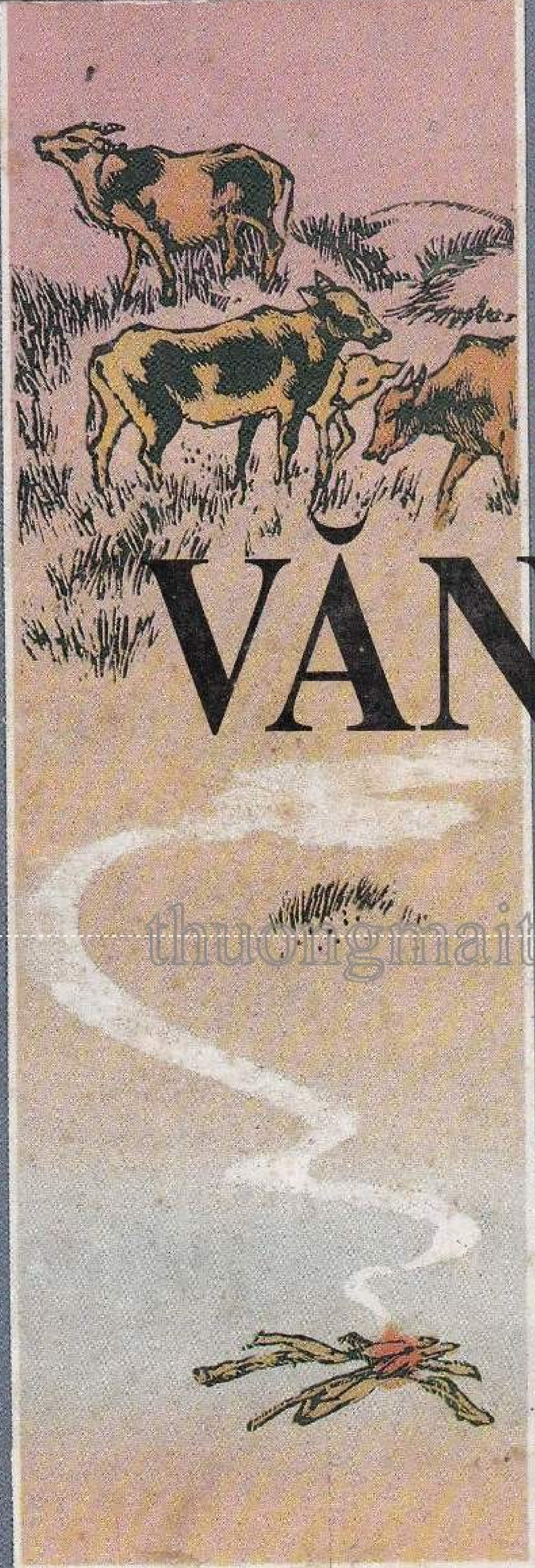

VĂN HỌC

6

TẬP MỘT

thuongmaitr

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Biên soạn :
HUỲNH LÝ - VÕ PHI HỒNG - NGUYỄN QUỐC TÚY
Chỉnh lí :
ĐỖ BÌNH TRỊ (chủ biên)
NGUYỄN VĂN LONG - PHÙNG VĂN TỬU - HOÀNG NGỌC HIẾN

VĂN HỌC

truongxua.vn

6

TẬP MỘT

(Tái bản lần thứ mười bốn)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Chịu trách nhiệm xuất bản :

NGÔ TRẦN ÁI

VŨ DƯƠNG THỤY

Biên tập lần đầu :

NGUYỄN THÀNH CHƯƠNG

Biên tập tái bản :

HOÀNG PHÙNG

Biên tập mĩ thuật :

TRẦN TIỂU LÂM

Trình bày bìa :

MINH HIỀN

Minh họa :

TRƯƠNG HIẾU

Chế bản :

PHÒNG CHẾ BẢN (NXB GIÁO DỤC)

8(075) / GD - 01 1105/131 - 00 Mã số : 2H623t1

thuongmaitr

BÀI MỞ ĐẦU

I – ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM – DÂN TỘC VIỆT NAM ĐẶC ĐIỂM LỊCH SỬ VÀ NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM

1. Đất nước Việt Nam

– Đất nước ta không rộng, nhưng thiên nhiên đa dạng và hợp thành một thể thống nhất hoàn chỉnh : có đồng bằng màu mỡ (nhất là vùng châu thổ[1] sông Hồng và sông Cửu Long) ; có núi rừng trùng điệp và những vùng cao nguyên tươi tốt ; có sông nước dồi dào ; có biển cả bao la. Tài nguyên thiên nhiên cũng như cây trồng, vật nuôi, tuy trữ lượng không thật lớn, sản lượng không thật nhiều, nhưng cũng thuộc loại phong phú : có than, sắt, dầu khí, a-pa-tit[2], thiếc, vàng và hàng chục thứ khoáng sản khác ; có đến hơn hai trăm thứ cây và mấy chục loại vật nuôi, v.v... Cảnh vật không lắm kì quan hùng vĩ[3], nhưng đâu đâu cũng xinh đẹp, bốn mùa xanh tươi.

– Nhưng tạo hóa cũng không dành cho nước ta toàn những ưu đãi. Đất nhiều vùng nếu không chua, mặn thì cũng cằn cỗi, "cày lên sỏi đá". Nước thì nơi thừa, nơi thiếu, lúc hạn lúc úng. Khí hậu có những mặt khắc nghiệt. Mưa gió thất thường. Quanh năm dân hết lo chống hạn lại lo chống lụt, chống bão, chống sâu bệnh, chống ẩm ướt, ...

2. Dân tộc Việt Nam

– Việt Nam được coi là "một trong những quê hương của loài người"[*]. Đây cũng là một trong những "mặt tiền" của châu Á nhìn ra Thái Bình Dương, ở vào một trong những ngã ba đường

---

[*] *Lịch sử Việt Nam*, tập I, NXB Khoa học xã hội, H, 1971, tr. 31.

truongxua.vn

của Đông Nam Á, nên cũng là nơi sinh trưởng, gặp gỡ, tiếp xúc của nhiều dân tộc khác nhau.

Dân tộc Việt Nam, hình thành trong hoàn cảnh địa lí và lịch sử đó, là một cộng đồng gồm 54 thành phần dân tộc. Đó là một dân tộc thống nhất, với người Việt (Kinh) là nòng cốt và là trung tâm đoàn kết, đã cùng nhau sát cánh kề vai, chung lòng chung sức trong lao động dựng nước và chiến đấu giữ nước suốt mấy ngàn năm lịch sử. Đó là "người chủ tự nhiên và muôn thuở" của đất nước Việt Nam thống nhất.

– Từ thời các vua Hùng, dân tộc ta đã lấy nghề nông làm nghề nghiệp chính. Với điều kiện tự nhiên nước ta như đã nói ở trên, làm ruộng không chỉ có mặt thuận lợi. Con người phải vừa ra sức khắc phục những trở ngại của thiên nhiên, vừa phải tìm cách thích nghi với tính chất phức tạp của nó. Đời sống người nông dân nước ta từ xưa đến nay là đời sống lao khổ. Hoàn cảnh và điều kiện sinh sống ấy đã un đúc nên những phẩm chất được coi là nổi bật ở người Việt Nam : cần cù, bền bỉ, khéo léo, thiết thực, quý người, yêu đời...

3. Đặc điểm lịch sử Việt Nam

thuongmaitr

– Dân tộc Việt Nam bắt đầu dựng nước thì cũng bắt đầu phải giữ nước. Nạn ngoại xâm đến rất sớm, đến rất nhiều lần và luôn đe dọa.

– Nhưng chính tai họa đó đã khiến người Việt Nam sớm phát triển tinh thần dân tộc và ý thức coi sự thống nhất, đoàn kết dân tộc là lẽ sống còn. Lịch sử Việt Nam đầy những trang đau thương, khổ nhục. Nhưng đó cũng là bản anh hùng ca vĩ đại của một dân tộc bất khuất. Câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh : "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" đã nêu đúng đặc điểm tiêu biểu nhất của nhân phẩm Việt Nam, truyền thống Việt Nam mà lịch sử Việt Nam đã tỏ rõ.

4. Văn hóa Việt Nam

– Văn hóa là một khái niệm rất rộng. Văn hóa tinh thần bao gồm tổng thể những biểu hiện của đời sống tinh thần : khoa học, nghệ thuật, đạo đức, pháp luật, phong tục, tôn giáo , ... đặc trưng

cho một xã hội, một dân tộc. Lõi cốt của một nền văn hóa dân tộc là ở những giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc thể hiện xuyên suốt những thành tựu về những mặt nói trên. Những giá trị này kết tinh những đặc tính dân tộc, thường in dấu rất sâu ở phong tục, lối sống của dân tộc ; ở những gì mà trong mọi hoàn cảnh người ta vẫn luôn coi là cái tốt, cái hay, cái đẹp, là cái thiêng liêng, là cái quý hơn cả.

– Vào thời đại Hùng Vương, đã xuất hiện trên đất nước ta một nền văn hóa đặc sắc, thể hiện những bản sắc riêng của cộng đồng người Việt và trở thành nền tảng của văn hóa Việt Nam.

Trải qua quá trình lịch sử, dựa trên nền tảng vững chắc có sẵn của mình, dân tộc ta, vốn rất trọng thực tế, đã biết tiếp thụ với tinh thần độc lập và óc sáng tạo những cái hay của người ngoài để bồi bổ cho vốn văn hóa của mình. Điều này có thể thấy rõ, chẳng hạn, ở cách ông cha ta tiếp nhận và Việt hóa chữ Hán và văn học Hán của Trung Quốc, đạo Phật của Ấn Độ, v.v... Nhờ vậy, chúng ta đã thực sự có một nền văn hóa Việt Nam với những đặc tính tiêu biểu, không thể lẫn lộn với văn hóa nào khác, tuy có tiếp thụ ảnh hưởng tốt của nhiều nền văn hóa khác.

uongxua.vn

Để hiểu sâu văn học Việt Nam, cần biết rộng về văn hóa Việt Nam xưa và nay.

II – TIẾNG NÓI VÀ CHỮ VIẾT

1. Tiếng nói

– Tiếng Việt – tiếng phổ thông của cộng đồng các dân tộc Việt Nam – có nguồn gốc rất cổ. Trải qua hơn mười thế kỉ bị phong kiến Trung Quốc đô hộ và dùng mọi thủ đoạn đồng hóa[4], tiếng nói dân tộc cùng bản sắc văn hóa dân tộc của ta vẫn được bảo tồn và phát triển. Tiếng Việt vẫn là tiếng nói duy nhất của dân tộc ta và nó ngày càng trở nên phong phú nhờ hấp thụ nhiều từ ngữ Hán. Sang thời tự chủ, chữ Hán được sử dụng phổ biến hơn, từ ngữ Hán nhập vào tiếng Việt nhiều hơn, nhưng trước sau ngôn ngữ Hán nhập vào tiếng Việt đều đã bị Việt hóa về cả ba mặt : âm đọc, ý nghĩa và cách sử dụng, biến thành những yếu

tố thuộc hệ thống tiếng Việt, phục vụ cho hoạt động ngôn ngữ của người Việt.

– Đến thời Pháp thuộc, tiếng Pháp dần dần trở thành tiếng của Nhà nước thực dân dùng trong giấy tờ hành chính, công vụ và trong giáo dục sau bậc Sơ học. Nhưng người Việt vẫn ngày càng lấy tiếng nước Nam làm trọng. Nhờ tiếp thụ ảnh hưởng tích cực của tiếng Pháp, văn hóa Pháp và, đặc biệt, từ khi chữ quốc ngữ được nhân dân ta sử dụng rộng rãi, tiếng Việt ngày càng trở nên tinh luyện và có sức phát triển dồi dào trên đường hiện đại hóa.

2. Chữ viết

– Cho đến nay, ý kiến cho rằng chúng ta đã từng có một thứ chữ viết riêng, trước khi bị nhà Hán chinh phục, vẫn chỉ là một giả thuyết. Trong suốt hơn một ngàn năm Bắc thuộc, việc dùng ngôn ngữ văn tự Hán là bắt buộc.

– Từ khi nước ta giành lại được độc lập, chủ quyền, chữ Hán vẫn được Nhà nước dùng trong các lĩnh vực học hành, thi cử, luật lệ, giấy tờ việc quan. Trải qua các triều Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lí, Trần, Lê, Nguyễn, các nhà học thức nước ta vẫn viết sách, sáng tác văn thơ, v.v... bằng chữ Hán. Chữ Hán đã được ông cha ta sử dụng làm một phương tiện để xây dựng nền văn hiến[5] Việt Nam trong suốt gần một ngàn năm xây dựng và bảo vệ quốc gia phong kiến độc lập, từ thế kỉ X đến cuối thế kỉ XIX.

Nhưng chữ Hán, xét chung, không thể ghi được tiếng Việt. Cho nên, ngay từ buổi đầu của thời tự chủ (từ thế kỉ XI - đời Lí), chữ Nôm (chữ của người Nam) đã chính thức xuất hiện và dần dần được hoàn thiện, phát triển. Chữ Nôm là một hệ thống chữ viết ghi âm tiếng Việt. Hệ thống chữ viết này dùng chữ Hán làm chất liệu để cấu tạo hoặc sử dụng từng mặt nhằm ghi tiếng Việt theo âm tiết (từng tiếng một). Chữ Nôm, do đó, có mặt thuận đối với những ai đã thạo chữ Hán ; nhưng lại có mặt rắc rối là phải biết chữ Hán mới học được chữ Nôm. Thêm nữa, nó còn là một hệ thống thiếu chặt chẽ và thống nhất. Nhưng chữ Nôm đã đóng vai trò to lớn trong quá trình phát triển tiếng Việt, phát triển và truyền bá bộ phận văn học viết bằng tiếng Việt[6] và cả nền văn học truyền miệng.

– Chữ quốc ngữ ra đời vào khoảng giữa thế kỉ XVII. Đó là thứ chữ dùng con chữ La-tinh[7] để ghi âm tiếng Việt. Ban đầu, nó phục vụ việc truyền đạo của các giáo sĩ phương Tây. Rồi Nhà nước của thực dân Pháp cũng đã dùng nó làm một thứ phương tiện phục vụ chế độ cai trị của họ. Nhưng, xét chung, từ đầu thế kỉ XX về sau, đối với nhân dân ta, chữ quốc ngữ có tác dụng hết sức quan trọng trong sự nghiệp mở mang dân trí, phát triển văn hóa và xây dựng nền văn học Việt Nam hiện đại.

III – VĂN HỌC VIỆT NAM

1. Văn học dân gian và văn học viết

Văn học Việt Nam, cũng như văn học của các nước khác, gồm hai bộ phận : văn học dân gian và văn học viết. Văn học dân gian là văn học truyền miệng của nhân dân. Văn học viết gồm văn học chữ Hán, văn học chữ Nôm và văn học chữ quốc ngữ.

2. Văn học của cộng đồng các dân tộc Việt Nam

truongxua.vn

Văn học Việt Nam là nền văn học của các thành phần dân tộc hợp thành dân tộc Việt Nam. Văn học của các dân tộc anh em chủ yếu là văn học dân gian. Trước năm 1945, cũng có một vài tác giả văn học viết người dân tộc (viết bằng chữ của dân tộc mình), nhưng văn học viết Việt Nam chủ yếu là nền văn học của người Việt (Kinh). Sau Cách mạng tháng Tám 1945, đội ngũ tác giả văn học viết (tiếng Việt) người các dân tộc anh em ngày càng tăng ; trong đó có một số tên tuổi có vị trí trong nền văn học hiện đại.

IV – MỤC TIÊU CỦA MÔN HỌC

1. Mục tiêu của môn Văn học

– Môn Văn học là một môn học có vai trò, tác dụng rất quan trọng trong việc giáo dục, đào tạo học sinh về nhiều mặt, đặc biệt là về mặt tư tưởng, tình cảm, đạo đức, cũng như về mặt tư duy.

– Qua việc học những tác phẩm văn học (văn học dân gian và văn học viết ; văn học Việt Nam và văn học nước ngoài) được lựa chọn tương đối có hệ thống, học sinh sẽ thu nhận được một *vốn tri thức sơ lược về văn học*, trong đó có những tri thức chung về văn học dân gian, về một số thành tựu tiêu biểu của các thời kì của lịch sử văn học Việt Nam, của văn học nước ngoài, và một số khái niệm cơ bản cần dùng trong việc tìm hiểu, phân tích tác phẩm văn học.

– Học những tác phẩm văn học, những đoạn văn trích, học sinh sẽ được hướng dẫn để tự mình cảm thụ được *cái hay, cái đẹp của văn học*. Từ đó :

+ Học sinh được tiếp xúc với *những giá trị tinh thần phong phú, nhiều vẻ của văn học* ; tiếp xúc với *một nguồn hiểu biết đặc sắc về cuộc sống, về sự sống con người* được biểu đạt theo cách riêng của nghệ thuật ngôn từ ;

+ Học sinh sẽ được rèn luyện về *năng lực văn* – một năng lực tổng hợp, bao gồm năng lực cảm thụ văn học, khả năng phân tích đánh giá văn học và năng lực diễn tả những cảm nghĩ của mình bằng nói và viết tiếng Việt một cách chính xác, sáng sủa, mạch lạc.

thuongmaitr

– Đạt được những yêu cầu trên, học sinh sẽ tự bồi bổ cho mình những tư tưởng, tình cảm cao đẹp như lòng yêu nước, thương dân, tinh thần trọng lẽ phải, sự công bằng, có chí học hành và rèn luyện để trở thành người hữu ích – có ích cho bản thân mình, cho gia đình và cho xã hội, ...

2. Học môn Văn học và học môn Tiếng Việt

Giữa môn Văn học và môn Tiếng Việt (gồm Tiếng Việt và Làm văn) có mối quan hệ chặt chẽ vì văn học (đối tượng của môn Văn học) là nghệ thuật ngôn từ, và vì tác phẩm văn học được dùng làm một chất liệu chính để dạy và học tiếng Việt. Như vậy học sinh cần có ý thức thường trực "học tiếng trong học văn", đồng thời, luôn có ý thức vận dụng những hiểu biết thu nhận được trong môn học Tiếng Việt để học môn Văn học được tốt hơn.

Chú giải

(1) *Châu thổ :* vùng cát bồi ở cửa sông. Ở đây chỉ vùng đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long rộng lớn do hai con sông này tạo nên.

(2) *A-pa-tit :* thứ khoáng sản có chứa chất phôt-phat can-xi ; nghiền ra, được dùng làm phân bón.

(3) *Kì quan hùng vĩ :* cảnh lạ mà to lớn (thường chỉ những cảnh vật thiên nhiên). Ở nước ta, vịnh Hạ Long được coi là một kì quan của thế giới.

(4) *Đồng hóa :* (có nhiều nghĩa) ở đây nói về âm mưu của bọn đô hộ nhằm dần dần biến người Việt thành người dân tộc họ : nói tiếng của họ, theo phong tục của họ...

(5) *Văn hiến :* ở đây dùng với nghĩa tương tự như *văn hóa.*

(6) Còn được gọi là văn thơ quốc âm.

(7) *Chữ La-tinh :* chữ La Mã cổ. Ở đây nói về việc dùng những chữ cái của thứ chữ này để tạo ra chữ quốc ngữ ghi âm tiếng Việt.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

truongxua.vn

1. Hãy tóm tắt những đề mục chính của bài học. Tại sao trước khi học về văn học Việt Nam lại phải nắm sơ qua những vấn đề như : Đất nước Việt Nam, Dân tộc Việt Nam, v.v... ?

2. Em hiểu như thế nào về khái niệm *văn học Việt Nam ?*

3. Em hiểu như thế nào về mục tiêu của môn Văn học ? Em có thể nói đôi điều về tác dụng của việc học văn học (trong học Tiếng Việt ở Tiểu học) đối với bản thân em không ? Em có thấy hứng thú trong học văn học không ? Nếu có thì tại sao ? Nếu chưa thấy có hứng thú thì tại sao ?

PHẦN MỘT

VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM

Bài 1. VĂN HỌC DÂN GIAN LÀ GÌ ?

I – ĐỊNH NGHĨA CHUNG

Văn học dân gian là những sáng tác nghệ thuật truyền miệng của nhân dân.

– Gọi là *những sáng tác nghệ thuật truyền miệng* vì đó là những tác phẩm dùng *ngôn từ nói* làm chất liệu để sáng tạo những hình tượng về cuộc sống, và những tác phẩm ấy được sử dụng, trình diễn lưu truyền *bằng miệng*, cụ thể là bằng các hình thức *nói, kể, hát, diễn.* Ví dụ : tục ngữ được nói ; truyện cổ tích được kể ; ca dao được hát ; chèo được diễn.

thuongmaitr

– Gọi đó là *những sáng tác nghệ thuật của nhân dân* vì đó là những tác phẩm *do nhân dân sáng tác, được nhân dân tiếp nhận, sử dụng, lưu truyền.* Đó là những sáng tác nghệ thuật truyền miệng đã thuộc về nhân dân và sống trong dân gian (tức là trong chỗ dân chúng).

II – NHỮNG THỂ LOẠI CỦA VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM

– Văn học dân gian là tên gọi chung các sáng tác nghệ thuật truyền miệng của nhân dân. Các sáng tác nghệ thuật này tồn tại trong đời sống thực tế dưới dạng *tác phẩm cụ thể* thuộc *thể loại cụ thể*. Đó là một câu tục ngữ, một câu đố, một truyện cổ tích, một bài ca dao, một vở chèo, v.v...

– Văn học dân gian của cộng đồng các dân tộc Việt Nam *là một hệ thống thể loại* phong phú. Gọi nó là *một hệ thống* vì các thể loại trong

đó đều có quan hệ gắn bó với nhau và cùng mang những đặc điểm chung về nội dung và về hình thức nghệ thuật. Những đặc điểm này thể hiện sâu đậm bản sắc dân tộc của văn học dân gian Việt Nam.

– Hệ thống thể loại văn học dân gian Việt Nam bao gồm những thể loại chính sau đây (*) :

1) *Thần thoại* – là những truyện kể về sự tích các "thần" của người thời cổ.

2) *Sử thi* – là những truyện kể về cả thời dựng nước, về buổi đầu của lịch sử một số dân tộc thời cổ.

3) *Truyền thuyết* – là những truyện kể về những sự kiện, những nhân vật lịch sử thời quá khứ.

4) *Truyện cổ tích* – là những truyện kể về những cuộc phiêu lưu tưởng tượng[1] của một số kiểu nhân vật.

5) *Truyện ngụ ngôn* – là những truyện kể được đặt ra với ngụ ý răn dạy.

6) *Truyện cười* – là những truyện kể về những cái đáng cười để gây cười.

uongxua.vn

7) *Tục ngữ* – là những câu nói xuôi tai ghi lại những kinh nghiệm về thiên nhiên, về con người và xã hội của nhân dân.

8) *Câu đố* – là những câu nói vần vè mô tả sự vật quen thuộc một cách nửa kín nửa hở để ... đánh đố người ta.

9) *Vè* – là những câu chuyện kể bằng văn vần về : chuyện làng, chuyện nước, chuyện thân phận con người, chuyện sự vật.

10) *Ca dao – Dân ca* – là những câu hát dân gian, những câu thơ dân gian để hát.

11) *Truyện thơ* – là những truyện kể bằng thơ.

12) *Sân khấu dân gian* – chủ yếu gồm một số hình thức ca kịch (= kịch hát) dân gian như *Chèo, Tuồng đồ*.

(*) Đây chỉ là những định nghĩa rất đơn giản. Sau này, các em sẽ học đầy đủ hơn ở phần *Tiểu dẫn* của từng thể loại.

Theo chương trình Trung học cơ sở, chúng ta học hầu hết các thể loại kể trên, chỉ trừ *Sử thi, Truyện thơ, Sân khấu dân gian* (sẽ học ở Trung học phổ thông), *Câu đố* (đã học nhiều ở Tiểu học), và chủ yếu học văn học dân gian truyền thống, tức là văn học dân gian trước Cách mạng tháng Tám 1945.

Chú giải

(1) *Phiêu lưu :* có hai nghĩa chính : 1) lưu lạc nơi xa, 2) những nỗi gian truân, những mạo hiểm, những biến cố bất ngờ. Những cuộc phiêu lưu trong truyện cổ tích mang cả hai nghĩa này.

Tưởng tượng : ở đây có nghĩa là không có thực.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Em hãy nhắc lại định nghĩa chung về văn học dân gian và giải thích các khái niệm sau :

- Sáng tác nghệ thuật truyền miệng ;
- Sáng tác nghệ thuật truyền miệng của nhân dân.

2. Em hãy kể tên những thể loại văn học dân gian Việt Nam. Những thể loại nào em chưa biết ? Về mỗi thể loại em đã biết, em hãy nêu tên một tác phẩm làm ví dụ (không cần phải kể lại).

thuongmaitr

Bài 2. THẦN THOẠI

Tiểu dẫn

Thần thoại là truyện kể về sự tích các "thần" do người thời cổ tưởng tượng ra để giải thích nguồn gốc, ý nghĩa một số hiện tượng tự nhiên và xã hội được coi là có liên quan trực tiếp đến sự sống còn của tập thể thị tộc, bộ lạc (như : nguồn gốc của trời, đất, núi sông, mưa gió, hạn hán, lũ lụt, v.v ... ; nguồn gốc của muôn loài, của loài người và các dân tộc ; nguồn gốc của một số nghề nghiệp, công cụ, vũ khí,...).

Những truyện kể đó cũng nói lên ước mơ của loài người ở thời thơ ấu của mình muốn chinh phục, chi phối các sức mạnh tự nhiên, chiến thắng các lực lượng thù địch, để có cuộc sống no đủ, yên vui.

1. THẦN TRỤ TRỜI [1]

Thuở ấy, chưa có muôn vật và loài người. Trời đất chỉ là một vùng hỗn độn [2], tối tăm. Bỗng xuất hiện một vị thần khổng lồ,

cao lớn vô cùng, chân dài không sao tả xiết. Mỗi bước thần đi là băng từ vùng này qua vùng khác, vượt từ núi nọ sang núi kia.

Một hôm, thần vươn vai đứng dậy, ngẩng đầu đội trời lên. Thần đào đất, khuân đá, đắp thành một cái cột vừa to, vừa cao để chống trời. Cột đắp lên cao chừng nào thì trời như tấm màn mênh mông được nâng dần lên chừng ấy. Thần một mình hì hục đào, đắp, cột đá cứ cao dần, cao dần và đẩy vòm trời lên tận mây xanh.

Từ đó, trời đất mới phân đôi. Đất bằng như cái mâm vuông, trời tròn như cái bát úp[3], chỗ trời đất giáp nhau ấy là chân trời.

Khi trời đã cao và khô cứng, thần liền phá tan cột đi, lấy đất đá ném tung ra khắp nơi. Mỗi hòn đá văng đi biến thành một hòn núi hay một hòn đảo, đất tung tóe ra mọi nơi thành gò, đống, thành những dải đồi cao. Vì thế, mặt đất ngày nay không còn bằng phẳng mà có chỗ lõm, chỗ lồi. Chỗ thần đào sâu để lấy đất đá đắp cột, ngày nay là biển cả mênh mông.

Cột trụ trời bây giờ không còn nữa. Người ta kể rằng vết tích cột đó ở núi Thạch Môn, vùng Hải Dương (...). Núi ấy còn gọi là Kình Thiên Trụ tức Cột Chống Trời.

truongxua.vn

Sau khi thần Trụ Trời chia ra trời đất thì có những thần khác nối tiếp công việc xây dựng nên cõi thế gian[4] này. Các vị thần đó rất nhiều, như thần Sao, thần Sông, thần Núi, thần Biển...

Vì vậy, dân gian có câu hát còn truyền đến ngày nay :

Ông đếm cát
Ông tát bể (biển)
Ông kể sao
Ông đào sông
Ông trồng cây
Ông xây rú (núi)
Ông trụ trời...

(Theo NGUYỄN ĐỔNG CHI)

Chú giải

(1) *Trụ :* nghĩa là cái cột. Ở đây, còn có nghĩa là chống đỡ.

(2) *Hỗn độn :* lộn xộn, chưa phân định ranh giới rõ ràng.

(3) *Mâm vuông, bát úp* : người xưa quan niệm trời tròn, đất vuông.

(4) *Thế gian* : cõi đời.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Hình ảnh thần Trụ Trời trong truyện này có những nét nào kì lạ, phi thường ? (Gợi ý : Thần xuất hiện thuở nào ? Từ đâu ? Thân hình ra sao ? Làm những công việc gì ? Những công việc ấy có tầm cỡ, tính chất gì ?)

2. Những chi tiết nào khiến ta hình dung thần Trụ Trời và các thần khác (thần Sao, thần Sông, thần Núi, thần Biển...) trong truyện này là hình ảnh một tập thể những người lao động khổng lồ lao động cần cù, nhẫn nại, xây dựng nên những công trình vĩ đại ?

3. Người thời cổ tưởng tượng ra câu chuyện có tính chất hoang đường này nhằm giải thích hiện tượng gì trong thiên nhiên ?

4. Tóm tắt truyện (nói hay viết) bằng 5 – 7 câu ngắn gọn.

thuongmaitr

2. ĐI SAN MẶT ĐẤT

(Thần thoại dân tộc LôLô)

Ngày xưa, từ rất xưa...
Người già không nhớ nổi
Mấy năm mấy nghìn đời
Ngày xưa từ rất xưa...
Người trẻ không biết tới
Mấy nghìn, mấy vạn năm
Người mặt đất ăn chung
Cùng đi và cùng ở
Trồng bắp[1] trên núi cao
Uống nước từ bụng đá
Người mặt đất sống chung
Cùng ở và cùng đi ...

ruongxua.vn

... Bầu trời nhìn chưa phẳng
Mặt đất còn nhấp nhô
Phải đi san[2] bầu trời
Phải đi san mặt đất
Kiếm con trâu sừng cong
Chọn con trâu sừng dài
Đèo con trâu cái ách
Đục lỗ ách luồn dây
Chão[3] dẻo làm dây cày
Thừng dài làm dây bừa
Trâu cày, bừa san đất
Chẳng quản gì nhọc mệt
San đất là việc chung
Người tìm hang Chuột Chũi [4]

Gọi hắn, hắn rung râu :
" – Suốt ngày trong lòng đất
Tôi có thấy trời đâu !"
Người lại tìm Cóc, Ếch
Đứa tặc lưỡi ngồi nhìn
Đứa thì kêu ộp oạp :
" – Chân tay tôi đều ngắn
San mặt đất sao nên ?
Để chúng tôi gọi lên
Xin trời đổ nước xuống !"
Giống nào cũng không đi
Người gọi nhau làm lấy
Nhiều sức, chung một lòng
San mặt đất cho phẳng
Nhiều tay chung một ý
San mặt đất, làm ăn...

(*Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập VI,
NXB Văn học, 1979)

thuongmaitr

Chú giải

(1) *Bắp* : ngô.

(2) *San* : làm cho bằng phẳng. Cũng nói san bằng, san phẳng (nhiều vùng miền Nam nói : ban, ban bằng).

(3) *Chão* : thừng to và dài, dẻo.

(4) *Chuột Chũi* : động vật có vú, to như chuột cống, hình thù giống chuột (nhưng có đuôi teo, bé) ; ở hang, ban ngày không lên mặt đất, ăn sâu bọ. Đồng bào Tây Bắc thường gọi là con dúi.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Truyện này kể về những việc gì ? Ở thời nào ? Những việc ấy lớn lao như thế nào ? Việc gì con người làm được ? Việc gì không làm được ?

2. Truyện này có những chi tiết, sự việc gì kì lạ, hoang đường ? Những chi tiết, sự việc ấy phản ánh công việc gì và thể hiện ước mơ gì của con người ngày xưa ?

3. Em hãy tìm những ví dụ về việc con người ngày nay tiếp tục thực hiện ước mơ của người xưa : "San mặt đất, làm ăn".

4. Câu trả lời của Cóc, Ếch gợi cho ta nghĩ đến một truyện thần thoại nào khác ?

Bài 3. NHỮNG TRUYỀN THUYẾT VỀ THỜI CÁC VUA HÙNG

Tiểu dẫn

Những truyện kể về thời các vua Hùng đều tập trung kể về nguồn gốc dân tộc và đất nước, về cuộc sống xã hội và công cuộc sáng tạo văn hóa, dựng nước và giữ nước "dưới thời các vua Hùng". Mọi sự kiện được kể lại đều gắn với các đấng tổ tiên thần thoại Cha Rồng - Mẹ Tiên, với các vua Hùng và các em, các con trai, con gái, con nuôi, con rể và các tướng lĩnh của các vua Hùng.

Những truyện kể ấy còn mang đậm tính chất thần thoại nhưng đã có cái lõi là sự thật lịch sử. Người ta gọi đó là : *Những truyền thuyết về thời các vua Hùng.*

1. CON RỒNG, CHÁU TIÊN

Ngày xưa, ở miền đất Lạc Việt, cứ như bây giờ là Bắc Bộ nước ta, có một vị thần thuộc nòi rồng, con trai thần Long Nữ, tên là Lạc Long Quân. Thần mình rồng, thường ở dưới nước, thỉnh thoảng lên sống trên cạn, sức khỏe vô địch, có nhiều phép lạ. Thần giúp dân diệt trừ Ngư Tinh, Hồ Tinh, Mộc Tinh[1] là những loài yêu quái bấy lâu làm hại dân lành. Thần dạy dân cách trồng trọt, chăn nuôi và cách ăn ở. Xong việc, thần thường về thủy cung[2] với mẹ, khi có việc cần, thần mới hiện lên.

uongxua.vn

Bấy giờ, ở vùng núi cao phương Bắc, có nàng Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông, xinh đẹp tuyệt trần, nghe tiếng vùng đất Lạc có nhiều hoa thơm cỏ lạ, bèn tìm đến thăm. Âu Cơ và Lạc Long Quân gặp nhau, đem lòng yêu nhau rồi trở thành vợ chồng, cùng nhau chung sống trên cạn ở cung điện Long Trang.

Ít lâu sau, Âu Cơ có mang, đến kì sinh nở, chuyện thật lạ, nàng sinh ra một cái bọc trăm trứng nở ra một trăm con trai, con nào con ấy hồng hào, đẹp đẽ lạ thường. Đàn con không cần bú mớm mà tự lớn lên như thổi, mặt mũi khôi ngô[3] khỏe mạnh như thần.

Thế rồi một hôm, Lạc Long Quân vốn quen ở nước cảm thấy mình không thể sống mãi trên cạn được, đành từ biệt Âu Cơ và đàn con để trở về thủy cung. Âu Cơ ở lại một mình nuôi con,

tháng ngày chờ mong, buồn tủi. Cuối cùng nàng gọi chồng lên và than thở :

– Sao chàng bỏ thiếp[4] mà đi, không cùng thiếp nuôi đàn con nhỏ?

Lạc Long Quân nói :

– Ta vốn nòi rồng ở miền nước thẳm, nàng là dòng tiên ở chốn non cao. Kẻ ở cạn, người ở nước, tính tình tập quán[5] khác nhau, khó mà ăn ở cùng nhau một nơi lâu dài được. Nay ta đưa năm mươi con xuống biển, nàng đưa năm mươi con lên núi, chia nhau cai quản các phương. Kẻ miền núi, người miền biển, khi có việc gì thì giúp đỡ lẫn nhau, đừng quên lời hẹn.

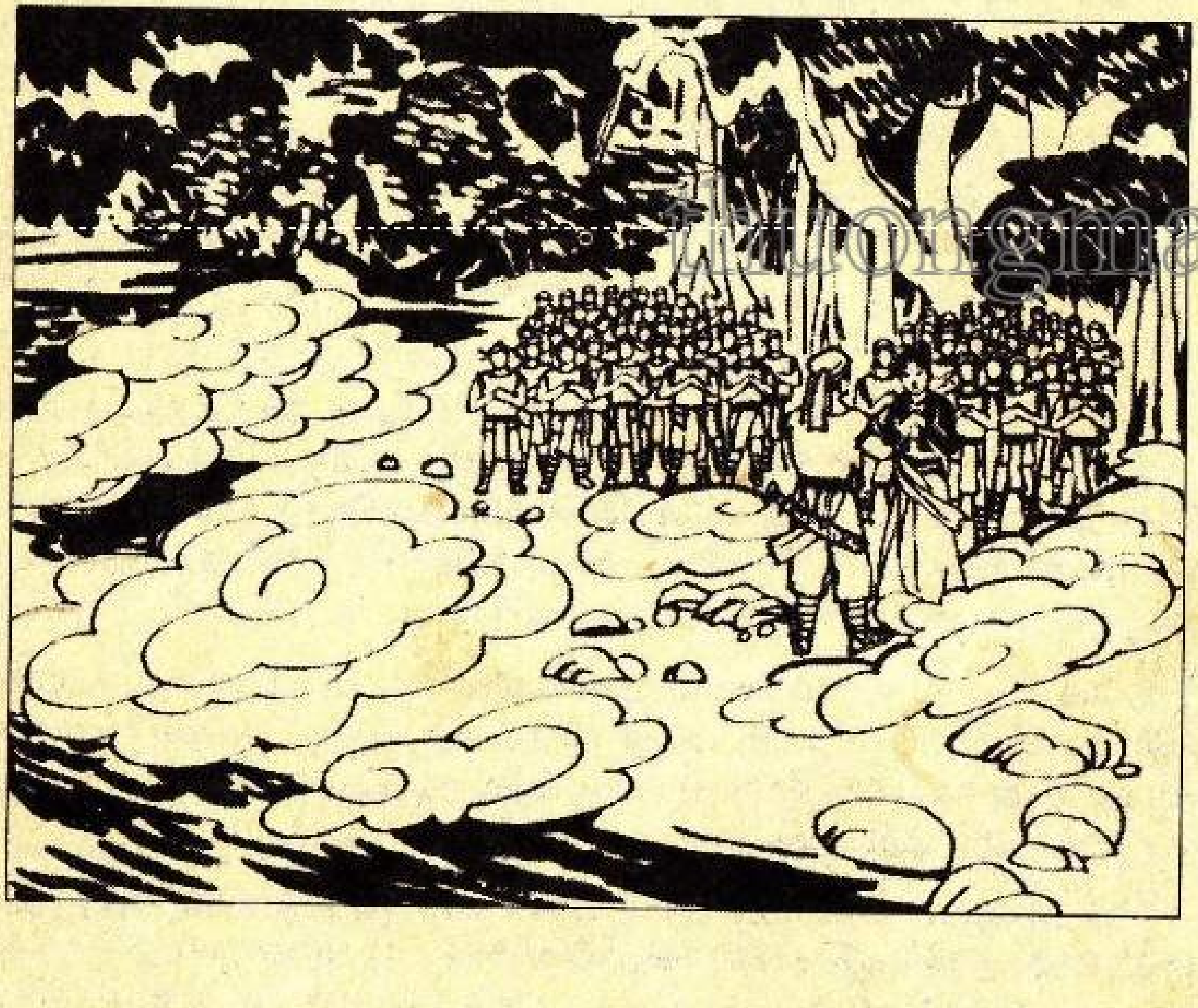

thuongmaitr

Âu Cơ và trăm con nghe theo, rồi cùng nhau chia tay lên đường.

Người con trưởng được tôn lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô(6) ở đất Phong Châu, đặt tên nước là Văn Lang. Triều đình có tướng văn, tướng võ ; con trai vua gọi là quan lang, con gái là mệ nàng ; khi cha chết thì truyền ngôi cho con trưởng, mười mấy đời truyền nối ngôi vua đều lấy danh hiệu Hùng Vương, không hề thay đổi.

Cũng bởi sự tích này mà về sau, người Việt Nam ta, con cháu vua Hùng, thường nhắc đến nguồn gốc của mình là con Rồng, cháu Tiên.

(Theo NGUYỄN ĐỔNG CHI)

Chú giải

(1) *Ngư Tinh* : con cá sống lâu năm thành tinh (ở đây chỉ yêu quái ở biển) ; *Hồ Tinh* : con cáo sống lâu năm thành tinh (chỉ yêu quái ở đồng bằng) ; *Mộc Tinh* : cây sống lâu đời thành tinh (chỉ yêu quái ở rừng).

(2) *Thủy cung* : cung điện dưới nước.

truongxua.vn

(3) *Khôi ngô* : ý nói mặt mũi sáng sủa, thông minh.

(4) *Chàng, thiếp* (từ cũ) : ngày xưa, người phụ nữ gọi chồng hoặc bạn trai là "chàng" và tự xưng mình là "thiếp".

(5) *Tập quán* : thói quen (nói về thói quen của một tập thể, một địa phương, hoặc một dân tộc).

(6) *Đóng đô* : *đô* (hoặc *kinh đô*) : chỉ chỗ vua ở ; *đóng đô* : lập kinh đô.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Hình ảnh Lạc Long Quân và Âu Cơ trong truyện này có những nét nào có tính chất lớn lao, kì lạ, đẹp đẽ ?

2. Chuyện Âu Cơ sinh nở có gì kì lạ ? Lạc Long Quân và Âu Cơ chia con như thế nào, đi về phương nào và làm gì ? Theo truyện này thì người Việt Nam ta là con cháu của ai ? Việc đề cao nguồn gốc dân tộc ta của người xưa có ý nghĩa gì ?

3. Kể lại truyện này bằng lời văn của bản thân mình (khi kể, cần giữ nguyên cốt truyện và những chi tiết chủ yếu).

2. SƠN TINH, THỦY TINH

Hùng Vương thứ 18 có một người con gái là Mị Nương người đẹp như hoa, tính nết hiền dịu. Vua cha yêu thương Mị Nương rất mực, muốn kén cho con một người chồng thật xứng đáng.

Một hôm có hai chàng trai đến cầu hôn [1]. Một người ở vùng núi Tản Viên [2] có tài lạ : vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi, vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. Người ta gọi chàng là Sơn Tinh. Một người ở miền biển, tài năng cũng không kém : gọi gió, gió đến, hô mưa, mưa về. Người ta gọi chàng là Thủy Tinh. Một người là chúa miền non cao, một người là chúa vùng nước thẳm, cả hai đều xứng đáng làm rể vua Hùng. Vua Hùng băn khoăn, không biết nhận lời ai, từ chối ai, bèn cho vời các Lạc hầu[3] vào bàn bạc. Xong, vua phán [4] :

– Hai ngài đều vừa ý ta, nhưng ta chỉ có một người con gái, biết gả cho ngài nào ? Thôi thì ngày mai, ai đem sính lễ[5] đến trước, ta sẽ cho cưới con ta.

Hai chàng tâu[6] hỏi sính lễ cần sắm những gì, vua bảo : "Một trăm ván cơm nếp, một trăm nệp bánh chưng và voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao [7], mỗi thứ một đôi".

Hôm sau, mới tờ mờ sáng, Sơn Tinh đã đem đầy đủ lễ vật đến rước Mị Nương về núi.

Thủy Tinh đến sau, không lấy được vợ, đùng đùng nổi giận, đem quân đuổi theo, đòi cướp Mị Nương. Thần hô mưa, gọi gió, làm thành giông bão rung chuyển cả đất trời, dâng nước sông lên cuồn cuộn đánh Sơn Tinh. Nước ngập ruộng đồng, nước tràn nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi ; thành Phong Châu[8] như nổi lềnh bềnh trên một biển nước.

Sơn Tinh không hề nao núng[9]. Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, thần dựng thành đất, ngăn chặn dòng nước lũ. Nước sông dâng lên cao bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu. Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thủy Tinh đã kiệt. Thần Nước đành rút quân.

Từ đó, oán nặng, thù sâu, hằng năm Thủy Tinh làm mưa gió, bão lụt dâng nước đánh Sơn Tinh. Nhưng năm nào cũng vậy, vị Thần Nước đánh mỏi mệt, chán chê vẫn không thắng nổi Thần Núi để cướp Mị Nương, đành rút quân về.

(HUỲNH LÝ kể)

Chú giải

(1) *Cầu hôn* : người con trai ngỏ ý muốn lấy một người con gái làm vợ.

(2) *Tản Viên* : núi cao thuộc tỉnh Sơn Tây (nay thuộc Hà Tây) cũng gọi là núi Ba Vì. Theo tục truyền, ở đây có vị Thần Núi rất thiêng gọi là thần Tản Viên hoặc Sơn Tinh.

(3) *Lạc hầu* : tên gọi các vị quan cao nhất giúp các vua Hùng coi việc nước.

(4) *Phán* : truyền bảo, từ dùng khi người truyền bảo là vua chúa, thần linh.

(5) *Sính lễ* : lễ vật nhà trai đem đến nhà gái để làm lễ cưới.

uongxua.vn

(6) *Tâu :* thưa trình ; từ dùng khi quan, dân nói với vua.

(7) *Hồng mao :* ở đây chỉ bờm ngựa.

(8) *Phong Châu :* nơi đóng đô của các vua Hùng ở vùng Bạch Hạc - Việt Trì thuộc tỉnh Phú Thọ ngày nay.

(9) *Nao núng :* lung lay, không vững lòng tin ở mình nữa.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Ở truyện này, em thấy có những chi tiết nào kì lạ ? (những con vật vua Hùng đòi làm sính lễ, các tài lạ của Sơn Tinh và Thủy Tinh khi hai thần trổ tài và giao tranh).

2. Chi tiết "Nước sông dâng lên cao bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu" là chi tiết quan trọng. Chi tiết đó nói lên ước mong gì của người xưa ?

3. Người xưa tưởng tượng ra câu chuyện hai thần đánh nhau hằng năm để giải thích hiện tượng thiên nhiên gì trên miền Bắc nước ta? Hiện tượng này có quan hệ ra sao đến cuộc làm ăn sinh sống của nhân dân ta từ xưa đến nay ở vùng đồng bằng sông Hồng ?

4. Em hãy tìm một truyện khác để chứng minh là ông cha ta ngày xưa đã tưởng tượng ra thần linh để giải thích một hiện tượng, một lực lượng thiên nhiên mà mình chưa thể hiểu rõ nhưng lại cần hiểu rõ.

5. Em biết gì về công trình thủy điện Sông Đà ? Liên hệ truyện này với công trình thủy điện Sông Đà, em có suy nghĩ gì ?

thuongmaitr

3. THÁNH GIÓNG

Tục truyền đời Hùng Vương thứ sáu, ở làng Gióng[1] có hai vợ chồng ông lão chăm làm ăn và có tiếng là phúc đức. Hai ông bà ao ước có một đứa con. Một hôm bà ra đồng trông thấy một vết chân to quá, liền đặt bàn chân mình lên ướm thử để xem thua kém bao nhiêu. Không ngờ về nhà bà thụ thai[2] và mười hai tháng sau sinh một thằng bé mặt mũi rất khôi ngô. Hai vợ chồng mừng lắm. Nhưng lạ thay ! Đứa trẻ cho đến khi lên ba vẫn không biết nói, biết cười, cũng chẳng biết đi, cứ đặt đâu thì nằm đấy.

Bấy giờ có giặc Ân[3] đến xâm phạm bờ cõi nước ta. Thế giặc mạnh, nhà vua lo sợ. Bèn truyền cho sứ giả [4] đi khắp nơi tìm người tài giỏi cứu nước. Đứa bé nghe tin, bỗng dưng cất tiếng nói : "Mẹ ra mời sứ giả vào đây". Sứ giả vào, đứa bé bảo : "Ông về tâu vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một tấm áo giáp [5] sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này".

Sứ giả vừa kinh ngạc[6], vừa mừng rỡ, vội vàng về tâu vua. Nhà vua truyền cho thợ ngày đêm làm gấp những vật chú bé dặn.

Càng lạ hơn nữa, sau hôm gặp sứ giả, chú bé lớn nhanh như thổi. Cơm ăn mấy cũng không no, áo vừa mặc xong đã căng đứt chỉ. Hai vợ chồng làm ra bao nhiêu cũng không đủ nuôi con, thành thử phải chạy nhờ bà con, hàng xóm. Bà con đều vui lòng gom góp gạo thóc nuôi chú bé, vì ai cũng mong chú giết giặc, cứu nước.

Giặc đã đến chân núi Trâu [7]. Thế nước rất nguy, người người hoảng hốt. Vừa lúc đó, sứ giả đem ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt đến. Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành một

uongxua.vn

tráng sĩ[8] mình cao hơn trượng, oai phong lẫm liệt[9]. Tráng sĩ bước lên vỗ vào mông ngựa. Ngựa hí dài mấy tiếng vang dội. Tráng sĩ mặc áo giáp, cầm roi nhảy lên mình ngựa. Ngựa phun lửa, tráng sĩ thúc ngựa phi[10] thẳng đến nơi có giặc, đón đầu chúng đánh giết hết lớp này đến lớp khác, giặc chết như rạ. Bỗng roi sắt gẫy. Tráng sĩ bèn nhổ những cụm tre cạnh đường quật vào giặc. Giặc tan vỡ. Đám tàn quân[11] giẫm đạp nhau chạy trốn, tráng sĩ đuổi đến chân núi Sóc (Sóc Sơn)[12]. Đến đấy, một người một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi cởi giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời.

Vua nhớ công ơn, không biết lấy gì đền đáp, phong là Phù Đổng Thiên Vương[13] và lập đền thờ ngay ở quê nhà.

Hiện nay vẫn còn đền thờ ở làng Phù Đổng, tục gọi là làng Gióng. Mỗi năm đến tháng tư làng mở hội to lắm. Người ta kể rằng những bụi tre đằng ngà[14] ở huyện Gia Bình vì ngựa phun lửa bị cháy mới ngả màu vàng óng như thế, còn những vết chân ngựa nay thành những hồ ao liên tiếp. Người ta còn nói khi ngựa thét lửa, lửa đã thiêu cháy một làng, cho nên làng đó về sau gọi là làng Cháy[15].

thuongmaitr

(LÊ TRÍ VIỄN kể)

Chú giải

(1) *Làng Gióng* : làng Gióng trước đây thuộc huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, nay thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội. Làng này ngày xưa gọi là làng Gióng, nên nhân dân gọi người anh hùng sinh trưởng ở đây là Thánh Gióng. Về sau, triều đình đặt tên làng là Phù Đổng và phong cho Thánh Gióng là Phù Đổng Thiên Vương.

(2) *Thụ thai* : có chửa (có mang, có bầu).

(3) *Giặc Ân* : chỉ bọn giặc phương Bắc xâm lược nước ta thời đó.

(4) *Sứ giả* : người nhà vua phái đi làm việc gì đó ở địa phương hoặc ở nước ngoài trong một thời gian.

(5) *Áo giáp* : áo làm bằng nhiều lớp da thú hoặc bằng kim loại để che đỡ gươm, giáo, tên... cho người.

(6) *Kinh ngạc* : có phần hoảng lên vì thấy quá lạ.

(7) *Núi Trâu* : xưa thuộc đất Vũ Ninh, nay thuộc Quế Võ (Bắc Ninh). Có tài liệu gọi là *Châu Cầu*.

(8) *Tráng sĩ* : người đàn ông có sức khỏe và có chí khí (từ cổ, nay ít dùng).

(9) *Oai phong lẫm liệt* (vẻ người) : hùng dũng, trang nghiêm, khiến người ta kính phục.

(10) *Phi* (ngựa) : chạy rất nhanh (phi : bay).

(11) *Tàn quân* : quân bại trận còn sống sót.

(12) *Núi Sóc* (Sóc Sơn) : nay thuộc huyện Sóc Sơn, Hà Nội, ở phía đuôi núi Tam Đảo.

(13) *Phù Đổng Thiên Vương* : vị Thiên Vương làng Phù Đổng (Thiên Vương : ở đây là vị tướng nhà trời).

(14) *Tre đằng ngà* : một giống tre có lớp cật ngoài trơn và bóng, màu vàng.

(15) *Làng Cháy* : ở cạnh làng Gióng (Phù Đổng).

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Truyện này kể về ai ? Người đó đã có công gì đối với đất nước ?

2. Truyện này có những chi tiết, sự việc gì kì diệu ? Những chi tiết, sự việc ấy được người xưa tưởng tượng để thể hiện ước mơ gì, tinh thần, tình cảm gì của nhân dân ?

Dựa vào những chi tiết nào, người ta đã coi truyện này có "cái lõi là sự thật lịch sử" ?

3. Chi tiết, sự việc nhân dân góp gạo nuôi chú bé làng Gióng có ý nghĩa gì ?

4. Bài tập viết ngắn : Phát biểu cảm nghĩ của em về nhân vật Thánh Gióng.

uongxua.vn

Bài 4. NHỮNG TRUYỀN THUYẾT SAU THỜI CÁC VUA HÙNG

Tiểu dẫn

Những truyền thuyết sau thời các vua Hùng, cũng như những truyền thuyết về thời các vua Hùng, *đều là những truyện kể về lịch sử những thời quá khứ*. Trong đó thường có cái lõi là sự thật lịch sử, được trí tưởng tượng dân gian thêu dệt thêm, lí tưởng hóa, nhằm thể hiện thái độ và cách đánh giá riêng của nhân dân đối với một số sự kiện và nhân vật lịch sử.

So với những truyền thuyết về thời các vua Hùng, những truyền thuyết đời sau có phần theo sát lịch sử hơn và bớt dần chất hoang đường thần thoại.

1. MỊ CHÂU, TRỌNG THỦY

Sau khi đã giúp An Dương Vương xây Loa Thành, thần Kim Quy cho An Dương Vương một cái móng của mình để làm lẫy

nỏ mà giữ thành, theo lời thần dặn, nỏ có được cái lẫy làm bằng móng chân thần sẽ là chiếc nỏ bắn trăm phát trúng cả trăm và chỉ một phát có thể giết hàng nghìn quân giặc.

An Dương Vương chọn trong đám gia thần[1] được một người làm nỏ rất khéo tên là Cao Lỗ và giao cho Lỗ làm chiếc nỏ thần, Lỗ gắng sức làm trong nhiều ngày mới xong. Chiếc nỏ rất lớn và rất cứng, khác hẳn những nỏ thường, phải tay lực sĩ[2] mới giương nổi. An Dương Vương quý chiếc nỏ vô cùng, lúc nào cũng treo gần chỗ nằm.

Lúc bấy giờ Triệu Đà làm chúa đất Nam Hải. Mấy lần Đà đem quân sang cướp đất Âu Lạc, nhưng vì An Dương Vương có nỏ thần, quân Nam Hải bị giết hại rất nhiều, nên Đà đành cố thủ[3] đợi cơ hội khác. Triệu Đà thấy dùng binh không lợi, bèn xin giảng hòa với An Dương Vương, sai con trai là Trọng Thủy sang cầu thân, nhưng chủ ý là tìm cách phá chiếc nỏ thần.

Trong những ngày đi lại để giả kết tình hòa hiếu, Trọng Thủy được gặp Mị Châu, con gái yêu của An Dương Vương. Trọng Thủy đem lòng yêu dấu Mị Châu, Mị Châu dần dần cũng xiêu lòng. Thấy đôi trẻ thương yêu nhau, vua liền gả Mị Châu cho Trọng Thủy.

thuongmaitr

Trong câu chuyện tỉ tê, Trọng Thủy hỏi vợ rằng :

– Nàng ơi, bên Âu Lạc có bí quyết[4] gì mà không ai đánh được ?

Mị Châu đáp :

– Có bí quyết gì đâu, chàng ! Âu Lạc đã có thành cao, hào sâu, lại có nỏ thần bắn một phát chết hàng ngàn quân địch, như thế còn ai đánh nổi được !

Trọng Thủy làm bộ ngạc nhiên, vờ như mới nghe nói đến nỏ thần lần đầu. Chàng ngỏ ý muốn xem chiếc nỏ. Mị Châu không ngần ngại, chạy ngay vào chỗ cha cất nỏ, lấy nỏ đem ra cho chồng xem. Nàng lại chỉ cho chàng biết cái lẫy vốn là chiếc móng chân thần Kim Quy và giảng cho Trọng Thủy nghe cách bắn. Trọng Thủy chăm chú nghe, chăm chú nhìn cái lẫy, nhìn khuôn khổ cái nỏ hồi lâu, rồi đưa cho vợ cất đi.

Hôm sau, Trọng Thủy xin phép An Dương Vương về thăm cha và thuật lại cho Triệu Đà biết về chiếc nỏ thần. Đà sai một gia nhân chuyên làm nỏ, chế một cái lẫy giống hệt cái lẫy nỏ của An Dương Vương. Lẫy giả làm xong, Trọng Thủy giấu vào trong áo, lại trở sang Âu Lạc.

An Dương Vương vốn chiều con gái, thấy con mỗi khi gặp chồng thì vui vẻ sung sướng, liền sai gia nhân bày tiệc rượu để ba cha con cùng vui. Trọng Thủy uống cầm chừng, còn An Dương Vương và Mị Châu say túy lúy[5]. Trọng Thủy thừa lúc bố vợ và vợ say, lẻn ngay vào phòng tháo lấy cái lẫy bằng móng chân thần Kim Quy và thay cái lẫy giả bằng móng rùa thường vào.

Hôm sau thấy chồng có vẻ bồn chồn, hết đứng lại ngồi không yên, Mị Châu hỏi chồng rằng :

– Chàng như có vẻ lo nghĩ gì, phải không ?

Trọng Thủy đáp :

– Tôi sắp phải đi bây giờ, Phụ vương[6] dặn phải về ngay để còn lên miền bắc, miền bắc xa mãi trên kia...

uongxua.vn

Mị Châu buồn rầu, lặng thinh. Trọng Thủy nói tiếp :

– Bây giờ đôi ta sắp phải xa nhau, không biết đến bao giờ lại gặp ! Nếu chẳng may giặc giã, có khi nàng sẽ không ở chốn này nữa, tôi biết đâu mà tìm ?

Mị Châu nói :

– Thiếp có cái áo lông ngỗng, hễ thiếp chạy về phương nào, thiếp sẽ rắc lông ngỗng dọc đường, chàng cứ theo dấu lông ngỗng mà tìm.

Về đến đất Nam Hải, Trọng Thủy đưa cái móng rùa vàng cho cha. Triệu Đà mừng rỡ vô cùng, reo lên rằng : "Phen này đất Âu Lạc sẽ về tay ta ! ". Ít ngày sau, Triệu Đà ra lệnh cất quân sang đánh Âu Lạc.

Nghe tin báo, An Dương Vương cậy có nỏ thần, không phòng bị gì cả. Đến khi quân giặc đã đến sát chân thành, An Dương Vương mới sai đem nỏ thần ra bắn thì thấy không hiệu nghiệm[7] nữa.

Quân Nam Hải phá cửa thành, kéo ùa vào, An Dương Vương vội lên ngựa, đèo Mị Châu sau lưng, phi ngựa thoát ra cửa sau. Ngồi sau lưng cha, Mị Châu bứt lông ngỗng ở áo rắc khắp dọc đường.

Đường núi gập ghềnh hiểm trở, ngựa chạy luôn mấy ngày đêm mới đến núi Dạ Sơn[8] gần bờ biển. Hai cha con định xuống ngựa ngồi nghỉ thì quân giặc đã đuổi đến gần. Thấy đường núi quanh co, dốc ngược, bóng chiều đã xuống, không còn lối nào chạy, An Dương Vương hướng ra biển, khấn thần Kim Quy phù hộ cho mình. Vua vừa khấn xong, thì một cơn gió lốc bốc cát bụi lên mịt mù, làm rung chuyển cả núi rừng. Thần Kim Quy hiện lên, bảo An Dương Vương rằng : "Giặc ở sau lưng nhà vua ấy !".

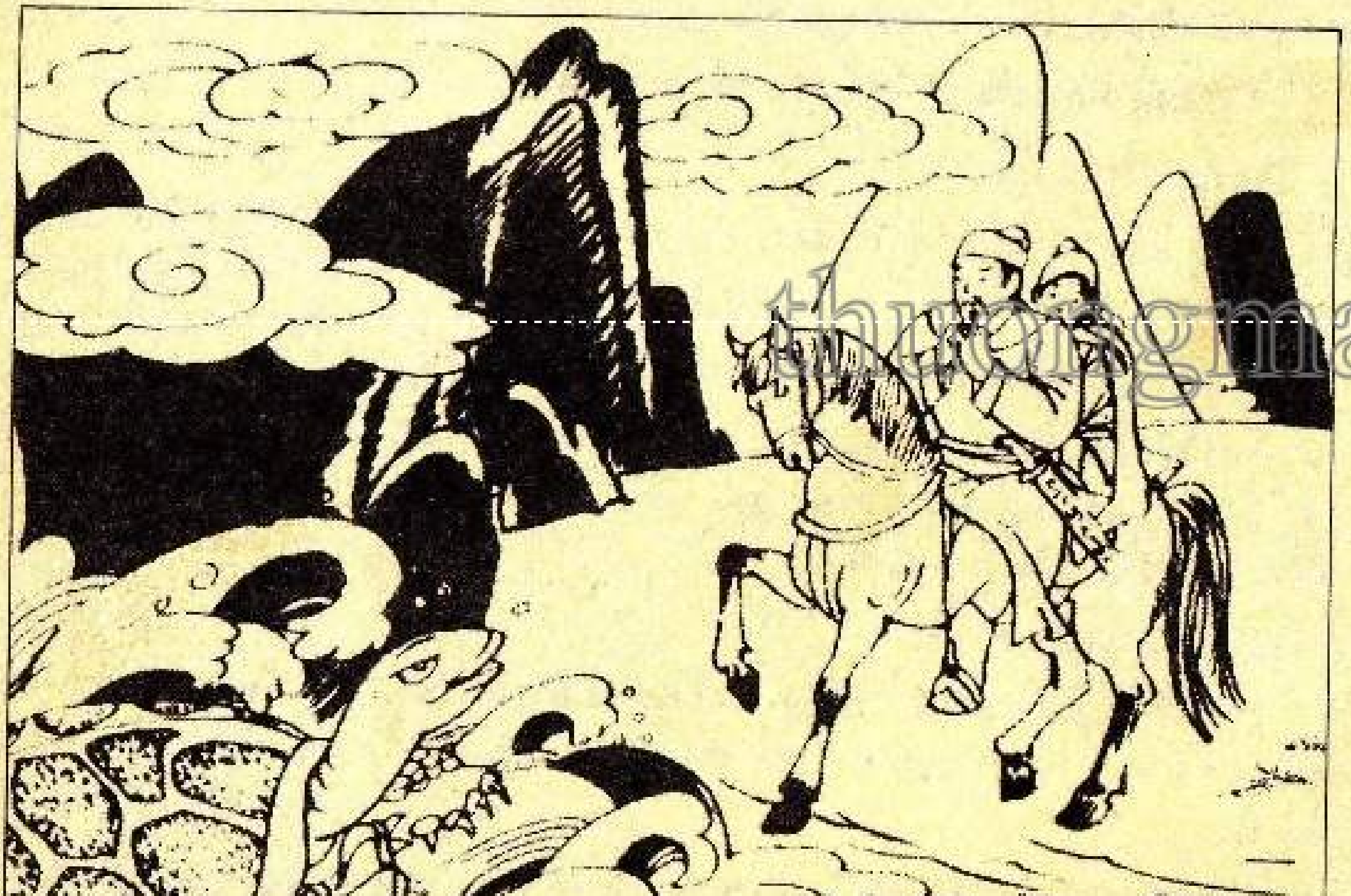

thuongmaitr

An Dương Vương tỉnh ngộ, liền rút gươm chém Mị Châu. Trước khi chết, Mị Châu khấn : "Thiếp là phận gái, nếu có lòng phản nghịch, mưu hại cha, chết đi sẽ biến thành hạt bụi. Nếu một lòng trung hiếu mà bị người ta lừa dối thì chết đi sẽ biến thành châu ngọc để tẩy sạch nỗi nhục thù". Thần Kim Quy rẽ nước dẫn vua đi xuống biển.

Quân của Triệu Đà kéo vào chiếm đóng Loa Thành ; còn Trọng Thủy một mình một ngựa theo dấu lông ngỗng đi tìm Mị Châu. Đến gần bờ biển, thấy xác vợ nằm trên đám cỏ, tuy chết mà nhan sắc không mờ phai, Trọng Thủy khóc òa lên, thu nhặt thi hài đem về chôn trong Loa Thành, rồi đâm đầu xuống giếng trong thành mà chết. Xác Mị Châu biến thành ngọc thạch.

Ngày nay, ở làng Cổ Loa, trước đền thờ An Dương Vương, còn cái giếng gọi là giếng Trọng Thủy. Tục truyền khi Mị Châu đã bị cha giết rồi, máu nàng chảy xuống biển, trai ăn được nên mới có ngọc châu. Lấy được ngọc trai ấy đem về rửa bằng nước giếng trong thành Cổ Loa thì ngọc trong sáng vô cùng.

ruongxua.vn

(Theo VŨ NGỌC PHAN
và sách *Lĩnh Nam chích quái*)

Chú giải

(1) *Gia thần* : người bề tôi thân tín được xem là người nhà của vua.

(2) *Lực sĩ* : người có sức lực mạnh mẽ.

(3) *Cố thủ* : giữ cho chặt, không ra đánh.

(4) *Bí quyết* : phép tắc kín ; dùng mưu mẹo hay phương tiện gì để thành công mà người ngoài không biết được.

(5) *Say túy lúy* : say rượu đến gần như không còn biết gì.

(6) *Phụ vương* : vua cha.

(7) *Hiệu nghiệm* : có kết quả tốt, đã thử nhiều lần đều được cả.

(8) *Dạ Sơn* : thuộc Diễn Châu (Nghệ An).

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tóm tắt lại âm mưu của Triệu Đà hòng chiếm lấy nước Âu Lạc. Triệu Đà đã dựa vào tình hình nào để thực hiện mưu kế xảo quyệt ấy ?

2. Mị Châu là người thế nào ? Hãy phân tích và đánh giá hai hành động của nàng (cho Trọng Thủy xem nỏ thần, rắc áo lông ngỗng). Thần Kim Quy gọi nàng là giặc có đúng không ? Lời khấn của Mị Châu được ứng nghiệm (xác biến thành ngọc, máu biến thành châu) , điều đó có ý nghĩa gì ?

3. Nêu nhận xét của em về nhân vật Trọng Thủy. Trọng Thủy đã lừa Mị Châu như thế nào để đánh tráo được lẫy nỏ thần ? Tại sao cuối cùng Trọng Thủy lại đâm đầu xuống giếng ? Cái chết ấy có ý nghĩa gì ?

4. Câu chuyện này có những hình ảnh gợi nhiều cảm xúc. Hãy tìm những hình ảnh đó và nói những cảm xúc của em (kể cả những cảm xúc trái ngược nhau, nếu có).

2. TRUYỀN THUYẾT VỀ HỒ GƯƠM

Vào thời giặc Minh đặt ách đô hộ[1] ở nước Nam, chúng coi dân ta như cỏ rác, làm nhiều điều bạo ngược, thiên hạ căm giận chúng đến xương tủy. Bấy giờ ở vùng Lam Sơn, nghĩa quân nổi dậy chống lại chúng, nhưng trong buổi đầu thế lực còn non yếu nên nhiều lần nghĩa quân bị thua. Thấy vậy, đức Long Quân[2] quyết định cho nghĩa quân mượn thanh gươm thần để họ giết giặc.

thuongmaitr

Hồi ấy, ở Thanh Hóa có một người làm nghề đánh cá tên là Lê Thận. Một đêm nọ, Thận thả lưới ở một bến vắng như thường lệ. Khi kéo lưới lên, chàng thấy nằng nặng, trong bụng mừng thầm, chắc là có cá to. Nhưng khi thò tay vào bắt cá, Thận chỉ thấy có một thanh sắt ; chàng vứt luôn xuống nước, rồi lại thả lưới ở một chỗ khác.

Lần thứ hai cất lưới lên cũng thấy nặng tay ; Thận không ngờ thanh sắt vừa rồi lại chui vào lưới mình. Chàng lại nhặt lên và ném xuống sông. Lần thứ ba, lại vẫn thanh sắt ấy mắc vào lưới. Lấy làm quái lạ, Thận đưa lại mồi lửa nhìn xem. Bỗng chàng reo lên :

– Ha ha ! Một lưỡi gươm !

Về sau Thận gia nhập đoàn quân khởi nghĩa Lam Sơn. Chàng hăng hái gan dạ không nề nguy hiểm. Một hôm chủ tướng Lê Lợi cùng mấy người tùy tòng đến nhà Thận. Trong túp lều tối om, thanh sắt hôm đó tự nhiên sáng rực lên ở xó nhà. Lấy làm lạ, Lê Lợi cầm lấy xem và thấy có hai chữ "Thuận Thiên"[3] khắc sâu vào lưỡi gươm. Song tất cả mọi người vẫn không biết đó là báu vật.

Một hôm, bị giặc đuổi, Lê Lợi và các tướng chạy tháo thân mỗi người một ngả. Lúc đi qua một khu rừng, Lê Lợi bỗng thấy một ánh sáng lạ trên ngọn cây đa. Ông trèo lên mới biết đó là một cái chuôi gươm nạm ngọc[4]. Nhớ đến lưỡi gươm ở nhà Lê Thận, Lê Lợi rút lấy chuôi giắt vào lưng.

Ba ngày sau, Lê Lợi gặp lại tất cả các bạn trong đó có Lê Thận. Lê Lợi mới đem chuyện bắt được chuôi gươm kể lại cho mọi người nghe. Khi đem tra gươm vào chuôi thì vừa như in.

Lê Thận nâng gươm lên ngang đầu nói với Lê Lợi :

– Đây là Trời có ý phó thác cho minh công[5] làm việc lớn. Chúng tôi nguyện đem xương thịt của mình theo minh công, cùng với thanh gươm thần này để báo đền Tổ quốc !

uongxua.vn

Từ đó nhuệ khí[6] của nghĩa quân ngày một tăng tiến. Trong tay Lê Lợi, thanh gươm thần tung hoành[7] khắp các trận địa, làm cho quân Minh bạt vía. Uy thanh của nghĩa quân vang khắp nơi. Họ không phải trốn tránh như trước mà xông xáo đi tìm giặc. Họ không phải ăn uống khổ cực như trước nữa, đã có những kho lương của giặc mới cướp được tiếp tế cho họ. Gươm thần đã mở đường cho họ đánh tràn ra mãi, cho đến lúc không còn bóng một tên giặc trên đất nước.

Một năm sau khi đuổi giặc Minh, một hôm Lê Lợi – bấy giờ đã làm vua – cưỡi thuyền rồng dạo quanh hồ Tả Vọng trước kinh thành. Nhân dịp đó, Long Quân sai rùa vàng lên đòi lại thanh gươm thần. Khi chiếc thuyền rồng tiến ra giữa hồ, tự nhiên có một con rùa lớn nhô đầu và mai lên khỏi mặt nước. Theo lệnh vua, thuyền đi chậm lại. Đứng ở mạn thuyền, vua thấy lưỡi gươm thần đeo bên người tự nhiên động đậy. Con rùa vàng không sợ người, nhô đầu lên cao nữa và tiến về phía thuyền vua. Nó đứng nổi trên mặt nước và nói : "Xin bệ hạ hoàn gươm lại cho Long Quân !".

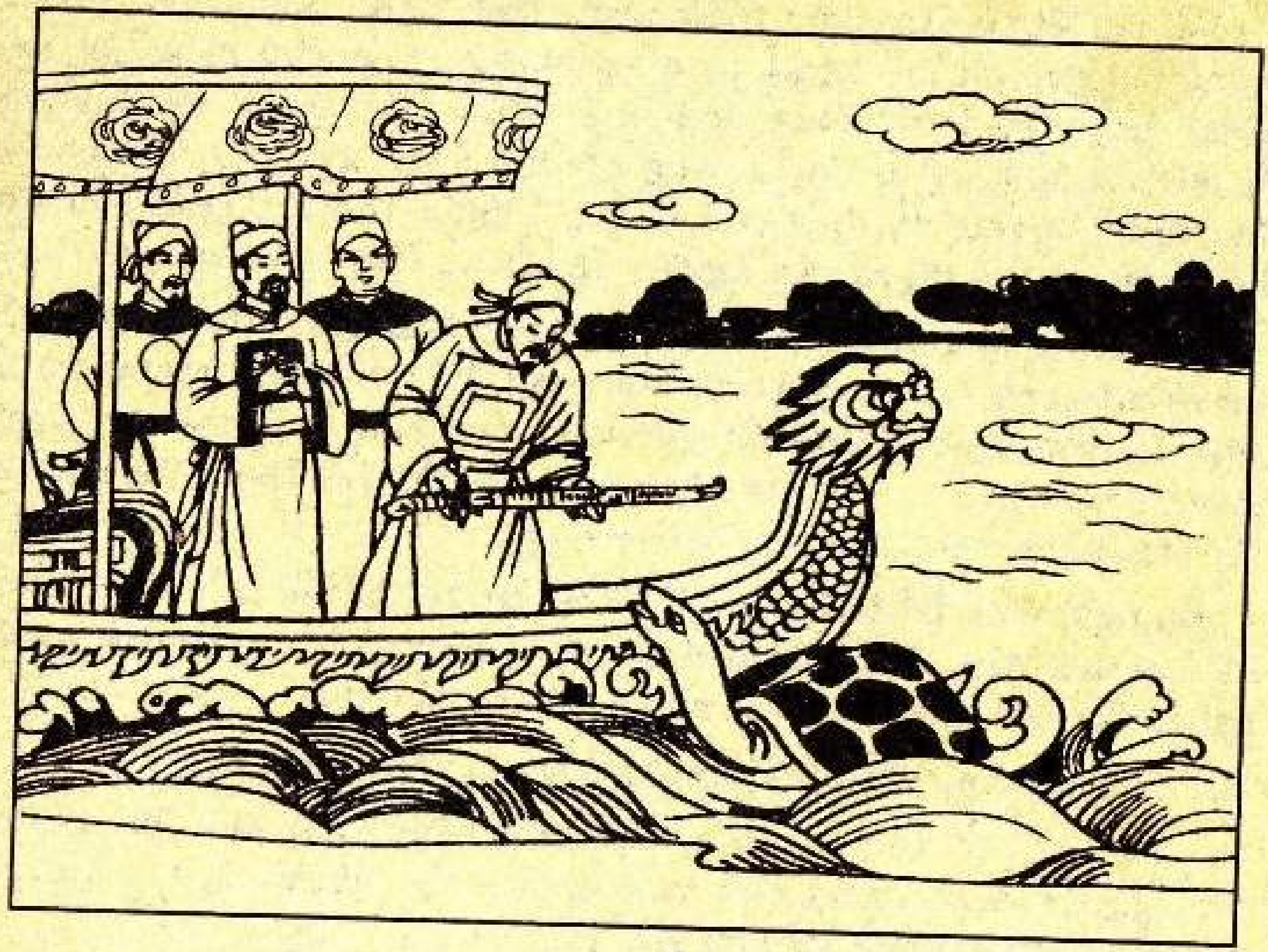

Vua rút gươm quẳng về phía rùa vàng. Nhanh như cắt, rùa há miệng đớp lấy thanh gươm và lặn xuống nước. Gươm và rùa đã chìm đáy nước, người ta vẫn còn thấy vật gì sáng le lói dưới mặt hồ xanh.

thuongmaitr

Từ đó hồ Tả Vọng bắt đầu mang tên là Hồ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm.

(NGUYỄN ĐỔNG CHI kể)

Chú giải

(1) *Đô hộ :* đặt ách thống trị lên một nước khác.

(2) *Đức Long Quân :* tức Lạc Long Quân (xem lại truyện *Con Rồng, cháu Tiên*).

(3) *Thuận Thiên :* thuận theo ý của trời (cũng có nghĩa là được trời giúp). Đây là tên thanh gươm. Sau này vua Lê cũng dùng tên này để đặt niên hiệu.

(4) *Nạm ngọc* : có dát ngọc.

(5) *Minh công* (cổ) : tiếng dùng để tôn xưng người có danh vị. Ở đây, từ này được dùng để tôn xưng Lê Lợi.

(6) *Nhuệ khí* : khí thế hăng hái.

(7) *Tung hoành* : (dọc ngang) thỏa chí hoạt động, không có gì cản trở được.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Truyền thuyết này có nhiều chi tiết lạ : được lưỡi gươm dưới nước, được chuôi gươm trong rừng, tra gươm vào chuôi thì vừa vặn ; thanh gươm thường tỏa ra ánh sáng ; từ ngày có gươm thì thắng lợi càng lớn, v.v... Em hiểu các chi tiết ấy có ý nghĩa gì ?

2. Vì sao Long Quân sai rùa vàng đòi lại thanh gươm sau khi Lê Lợi đã đuổi được giặc Minh ? Việc trả lại thanh gươm có ý nghĩa gì ?

3. Kể lại câu chuyện này theo tinh thần sau đây :

Thanh gươm hồ Hoàn Kiếm tự kể chuyện mình từ ngày ở bến sông đất Thanh Hóa, đến ngày về Đông Đô (tức Hà Nội) và được trả lại cho Long Quân.

uongxua.vn

ĐỌC THÊM

1. CÓC KIỆN TRỜI

(Thần thoại)

Ngày xửa ngày xưa, không nhớ rõ năm nào, đời nào, trời hạn rất lâu, ruộng đồng khô sạch, cỏ cây chết đứng, trụi cả lá, các loài vật không còn tìm đâu ra nước uống.

Cóc thấy nguy quá, bèn lên Thiên đình[1] kiện Trời. Đi được một quãng, gặp Cua, Cua hỏi đi đâu, Cóc kể rõ sự tình, Cua xin theo. Đến một khu rừng, lại gặp Gấu và Cọp. Gấu và Cọp cũng khát khô cuống họng, đang nằm dài chờ chết. Thấy Cóc và Cua dắt nhau đi, Gấu và Cọp hỏi nguyên do[2], Cóc đáp :

– Chúng ta sắp chết khát cả. Phen này phải lên trời hỏi xem sao. Các anh có đi thì cùng đi !

Gấu và Cọp đồng thanh nói :

– Thế thì cho chúng tôi đi với ! Anh em chúng ta sống chết có nhau.

Một lúc, lại gặp Ong và Cáo. Ong và Cáo cũng năn nỉ xin theo. Thế là cả bọn kéo nhau lên Thiên đình. Đến cửa Thiên đình, thấy một cái trống to đặt ở đấy, Cóc bảo cả bọn :

– Anh Cua, anh vào trong chum nước này. Chú Ong, chú núp sau cánh cửa, còn anh Cáo, bác Gấu, bác Cọp thì ra phía sau chờ đấy.

Sắp đặt xong, Cóc một mình bước tới lấy dùi đánh ba hồi trống.

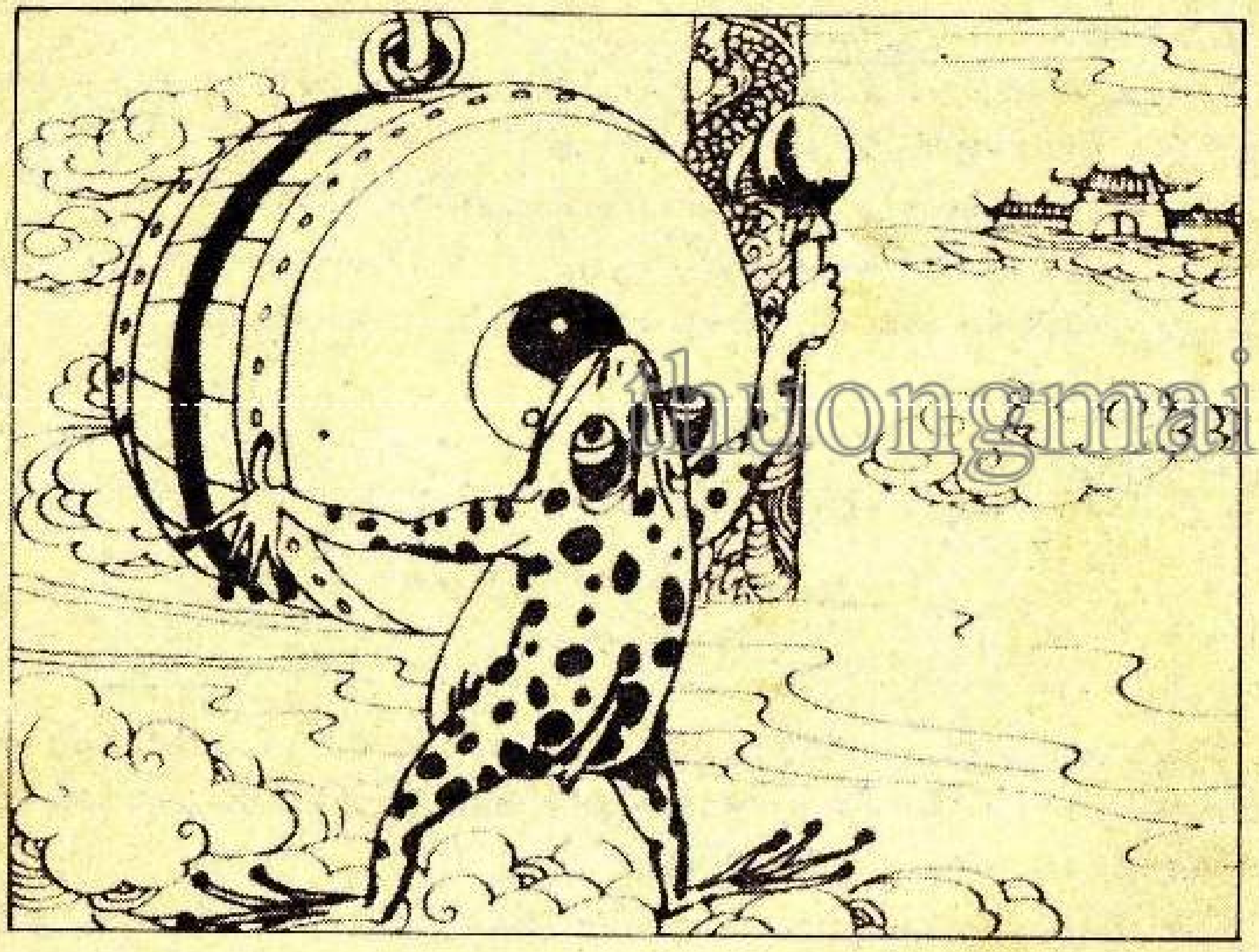

Ngọc Hoàng[3] rất đỗi ngạc nhiên[4], sai Thiên Lôi[5] ra xem. Nhìn quanh quất không thấy ai cả, chỉ thấy một chú Cóc xấu xí, bé nhỏ, ngồi chễm chệ trên mặt trống. Thiên Lôi trở vào tâu Ngọc Hoàng. Ngọc Hoàng tức giận, ra lệnh thả Gà ra mổ con Cóc hỗn xược ấy cho chết.

Gà vừa chạy đến, Cóc ra hiệu cho Cáo ở đằng sau nhảy tới, cắn cổ cắp đi. Ngọc Hoàng càng tức giận sai Chó ra cắn Cóc. Chó vừa xông ra khỏi cửa, Cóc làm hiệu cho Gấu tiến lên, bóp Chó chết tươi. Tin đến Ngọc Hoàng, Ngọc Hoàng phải cho Thiên Lôi ra trị Gấu. Thiên Lôi cầm lưỡi tầm sét[6] hùng hổ xông ra. Chưa kịp ra tay, Ong ở sau cửa đã bay lên đốt túi bụi[7]. Thiên Lôi nhảy vào chum nước tránh cho Ong khỏi đốt thì bị Cua ở trong chum cắp khiến hắn la hét inh ỏi và nhảy ra ngoài. Hắn đang bối rối, chưa biết làm sao thì đã bị Cọp vồ, xé xác.

Ngọc Hoàng túng thế đành nhượng bộ[8], mời Cóc vào. Cóc tâu :

– Muôn tâu Thượng đế[9], đã ba bốn năm rồi, dưới trần gian không hề được một giọt mưa. Vạn vật khô héo cả. Nếu kéo dài mãi thì không còn một sinh vật nào sống sót.

Ngọc Hoàng sợ trần gian[10] nổi loạn, dịu giọng nói :

– Nhà ngươi về đi, ta sẽ ra lệnh cho mưa xuống.

Và dặn thêm :

– Hễ khi nào dưới trần nắng hạn lâu ngày, thì cứ nghiến răng báo hiệu nhắc ta.

truongxua.vn

Ngọc Hoàng phán xong sai Rồng phun mưa xuống. Cóc về đến trần thì nước đã xăm xắp ruộng đồng. Từ đó về sau hễ Cóc nghiến răng là trời sắp mưa. Trong dân gian có câu hát :

Con Cóc là cậu ông Trời,
Hễ ai đánh Cóc thì Trời đánh cho.

(TRƯƠNG CHÍNH kể)

Chú giải

(1) *Thiên đình :* triều đình của Ngọc Hoàng ở trên trời.

(2) *Nguyên do :* nguồn gốc, duyên cớ ; hỏi nguyên do : hỏi rõ đầu đuôi sự việc, duyên cớ của sự việc.

(3) *Ngọc Hoàng :* vua nhà trời.

(4) *Ngạc nhiên :* lấy làm lạ.

(5) *Thiên Lôi :* thần sét.

(6) *Lưỡi tầm sét :* lưỡi búa của Thiên Lôi, dùng để gieo sấm sét.

(7) *Dốt tứi bụi* : dốt dồn dập không ngớt lúc nào, không hở chỗ nào.

(8) *Nhượng bộ* : nhường bước, tức là nhường nhịn, nhường phần hơn cho người.

(9) *Thượng đế* : như Ngọc Hoàng (xem chú giải (3)).

(10) *Trần gian* : cõi trần, cõi đời.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Nhờ đâu mà Cóc và các con vật ở trần gian buộc được Ngọc Hoàng phải tiếp chúng và cho làm mưa ?

2. Nhân dân ta sáng tác ra câu chuyện thần thoại này nhằm giải thích hiện tượng gì trong thiên nhiên và diễn tả ước mơ gì ?

2. KINH VÀ BA NA LÀ ANH EM

(Thần thoại về nguồn gốc các dân tộc)

Ngày xưa, khi loài người còn thưa thớt, có một nhà nọ có hai anh em trai. Xứ họ ở bằng phẳng, rộng thênh thang, quay đầu bốn phía đều thấy chân trời tròn vành vạnh như một vành nong[1]. Còn phía mặt trời lên có cái hồ lớn ngày đêm gầm gừ như con hùm, con sói, nhưng tốt bụng vô kể, xin bao nhiêu muối cũng sẵn lòng cho.

Nhà ấy cày ruộng và đánh cá. Một hôm người cha nấu rượu gạo uống, uống nhiều say quá chẳng còn biết gì, thấy trong người nóng bức bèn xé bỏ quần áo, dang tay dang chân nằm ngủ. Hai anh em đi cày về thấy thế, anh chạy đi tìm quần áo, còn em cứ khúc khích cười. Ông cụ tỉnh giấc, thấy con cười thì nạt bảo ngậm miệng. Không những không nín được, nó lại còn cười to. Cha mắng, nó ôm bụng cười, cười ngặt cười nghẽo, cười rũ cười rượi. Cha đánh, nó vừa khóc vừa cười. Ông cụ giận quá, lột quần áo nó, đuổi nó đi. Người anh không dám can cha, bèn đi tìm cô em dâu để lo liệu.

Cô gái ở trong lùm cây, đang nhặt củi khô và ca hát líu lo với con chim chìa vôi nửa đen nửa trắng. Nghe tin chồng bị đuổi đi, cô theo tay anh chỉ, tất tả chạy về hướng mặt trời lặn, đuổi theo chồng.

thuongmaitr

Nhưng đi mãi vẫn không nhìn thấy lưng chồng. Đêm đến leo lên cây ngủ, sáng ra lại đi. Đi đã nhiều lắm, đã lâu lắm, bàn tay cô có bao nhiêu ngón thì trăng lặn bấy nhiêu lần mà dấu chân chồng vẫn chưa giẫm lên được. Càng đi càng phải leo nhiều dốc núi dựng sừng sững như vách, giăng tầng tầng lớp lớp như muốn đội nhau lên tận mây xanh. Dây rừng[2] níu kéo tay chân, gai dại đâm xuyên da thịt, xé áo váy, đêm đêm mắt hổ sáng như đèn, vượn hú, rắn trườn rùng rợn. Hoảng quá, cô gái cứ vừa đi vừa gọi to :

– Chàng ơi ! Chàng ! Chàng à !

Không ai trả lời.

Nhưng thần núi thương tình, đưa tiếng cô lọt vào kẽ đá, chen qua lá cây, theo gió lên ngàn[3], theo suối xuống nội[4]. Vách đá tiếp nhận đưa lên phía trước và một hôm đưa lọt tai chồng. Người chồng dừng lại đón vợ.

Hai vợ chồng gặp nhau, vui mừng khôn kể xiết. Vợ cởi áo đưa chồng đóng khố, rồi họ dắt tay nhau tìm đất phát rẫy gieo lúa, trồng ngô. Về sau họ sinh con đẻ cháu là người Ba Na hiện nay. Còn người anh ở đồng bằng, sinh con đẻ cháu là người Kinh.

uongxua.vn

(Theo *Truyện dân gian Việt Nam*)

Chú giải

(1) *Nong* : đồ đan bằng mây tre, đan dày, hình tròn, lòng nông, dùng để phơi thóc, phơi ngô. Có địa phương ở miền Nam gọi là cái *nống*.

(2) *Dây rừng* : đây là cây leo mọc ở trong rừng, thân dài và nhỏ như sợi dây, có thể dùng để buộc.

(3) *Ngàn* : rừng núi.

(4) *Nội* : cánh đồng.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Truyện này có dụng ý giải thích người Kinh và người Ba Na có mối quan hệ gì với nhau ? Những chi tiết nào nói lên điều ấy ?

2. Vì sao người em bị cha đuổi đi ? Hãy tìm những chi tiết nói lên tình vợ chồng gắn bó keo sơn, tình anh em thương yêu nhau ở trong truyện này.

3. Những chi tiết nào trong truyện này cho ta thấy cách suy nghĩ cụ thể, chất phác, hồn nhiên của người Ba Na anh em ?

3. LÊ LỢI

(Truyền thuyết lịch sử)

Hồi ấy, giặc Minh sang xâm chiếm nước ta, đối đãi với dân ta vô cùng tàn ác. Bấy giờ có ông Lê Lợi nổi quân đánh lại chúng ; nhưng trong lúc mới khởi nghĩa, quân ít, lương thiếu, mấy lần bị giặc đánh đuổi, mỗi người chạy một nơi.

Một hôm, quân của Lê Lợi bị thua nặng. Một mình ông thoát vòng vây, chạy về một xóm kia, bị một toán quân Minh đuổi theo rất gấp. Khi đi qua một lùm cây, ông thấy hai vợ chồng một ông già đang be bờ bắt cá ở ruộng. Ông liền chạy xuống nói với ông lão : – "Cụ làm ơn cho tôi bắt cá ở đây. Bọn chó Ngô[1] sắp tới bây giờ !". Ông lão cởi ngay chiếc áo đang mặc ném cho ông và ra hiệu bảo ông cứ xuống mà bắt.

Lê Lợi vừa thò tay xuống bùn thì cả toán quân giặc đã sồng sộc chạy tới. Một đứa trong bọn nhìn quanh nhìn quẩn rồi dừng lại bên cạnh đám ruộng : – "Này lão kia có thấy Lê Lợi chạy qua đây không ?". Ông lão lắc đầu : – "Từ khi chúng tôi bắt cá ở đây, chả thấy có người nào chạy qua cả". Trong lúc những tên giặc khác đang lục bờ soát bụi thì Lê Lợi cũng ngẩng đầu lên nhìn theo. Ông lão quát : – "Thằng bé kia ! Mày không bắt cá đi để còn về ăn cơm, nhìn ngó cái gì ?". Lê Lợi biết ý, lại cúi xuống bắt cá như cũ. Quân giặc đứng trên bờ tưởng là người nhà ông lão nên chúng không hỏi thêm gì nữa. Một chốc, chúng rút đi nơi khác.

Tối hôm ấy, ông lão đưa Lê Lợi về nhà mình. Một toán quân bị lạc chủ tướng[2] lúc này cũng tìm được đến đây với Lê Lợi. Đây là một thôn gần núi, dân cư rất nghèo, thường ngày ăn uống rất kham khổ. Trong nhà ông lão có nuôi một con khỉ rất khôn. Thấy không có gì đãi quân khởi nghĩa, mà đi mua bán thì sợ rằng không giữ được kín tiếng, hai ông bà già bàn nhau giết thịt con khỉ kho lên cho mọi người làm thức ăn ; riêng Lê Lợi thì có thêm một đĩa cá chép vừa bắt lúc chiều. Cơm dọn ra. Cả tướng cả quân vừa mệt, vừa đói nên ăn rất

ngon lành. Mờ sáng hôm sau, trước khi từ giã, Lê Lợi nắm lấy tay ông lão, nói : – "Chúng tôi không bao giờ quên ơn cụ. Sau này, nước nhà khôi phục, chúng tôi sẽ xin báo đền".

*

* *

Lần thứ hai, Lê Lợi lại bị thua to, quân sĩ không chống nổi lực lượng hùng hậu[3] của giặc nên xiêu bạt mỗi người một nẻo. Lê Lợi một mình trốn về phía rừng già, có ba tên giặc đuổi theo sát nút. Qua một đoạn đường rẽ, ông bỗng gặp thấy một cô gái bị giặc hãm hiếp và giết chết. Ông dừng lại khấn : "Xin vong hồn[4] nàng hãy cứu ta lúc này, ta sẽ vì nàng ra sức báo thù lúc khác".

Khấn đoạn lại chạy. Nhưng bấy giờ đã nguy ngập quá, ông đành chui liều vào một bụi cây. Quân Minh đuổi theo đến khoảng đó thì dừng lại, nhìn ngó quanh quất. Chưa biết nên tìm ngả nào, chúng xuỵt chó đi sục sạo. Thấy chó sủa vang ở phía bụi có Lê Lợi nấp, chúng liền lấy giáo thọc vào bụi, đâm phải đùi ông. Lê Lợi cắn răng để khỏi phải kêu lên và dùng vạt áo nắm chặt ngọn giáo để lưỡi giáo khỏi dính máu.

Nhưng chó vẫn cứ nhằm bụi cây sủa inh ỏi. Lũ giặc tin chắc có người nấp trong đấy, chúng toan lao giáo vào một lần nữa thì bỗng trong bụi nhảy vụt ra một con chồn. Chó thấy chồn lập tức đuổi theo sủa râm ran. Lũ giặc thấy vậy đánh chó và mắng : – "Chúng tao nuôi mày để săn người nước Nam chứ có phải để săn chồn cáo đâu !". Rồi chúng kéo nhau bỏ đi nơi khác. Nhờ thế Lê Lợi lại được thoát thân.

*

* *

Sau những ngày chiến đấu gian khổ, quân khởi nghĩa bắt đầu thu hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, quân Minh tiếp tục mất hết thành nọ đến thành kia. Cuối cùng, bọn giặc phải quy hàng. Lê Lợi lên ngôi vua ở Thăng Long. Nhưng ông chả

bao giờ quên những người đã cứu giúp mình và nghĩa quân ngày trước. Ông sai đại thần(5) mang một mâm vàng bạc về tận nhà hai ông bà già để tặng. Song bấy giờ cả hai vợ chồng đều đã chết cả. Ông bèn sai dựng ngay một ngôi đền ở trên nền nhà cũ. Hằng năm, ông bắt các quan phải tới đây cúng tế. Cỗ cúng rất đơn giản : chỉ có một đĩa xôi, một bát thịt khỉ và một đĩa cá chép nướng, đúng như lúc hai vợ chồng ông lão dọn cỗ cho nghĩa quân ăn.

Còn ở chỗ cô gái chết, ông cũng sai lập một miếu thờ, vì nghĩ rằng chỉ có hồn thiêng của nàng đã hóa làm con chồn đánh lạc hướng bầy chó của giặc thì ngày ấy mình mới qua cơn hiểm nghèo. Không biết tên nàng, ông chỉ gọi nàng là Hộ quốc phu nhân, nghĩa là Bà phu nhân giúp nước. Người ta cũng gọi là Hồ Li phu nhân(6).

(Theo NGUYỄN ĐỔNG CHI)

Chú giải

(1) *Chó Ngô :* tên chung chỉ giặc phương Bắc, có ý khinh bỉ.

(2) *Chủ tướng :* vị tướng đứng đầu quân đội (ở đây chỉ Lê Lợi).

thuongmaitr

(3) *Hùng hậu :* đông đảo mạnh mẽ.

(4) *Vong hồn :* hồn người chết.

(5) *Đại thần :* vị quan to của triều đình (tức là chính phủ ở nước có vua làm chủ).

(6) *Hồ Li phu nhân : hồ* hoặc *hồ li* là chồn, cáo ; *Hồ Li phu nhân :* chỉ người con gái (bị giặc giết hại) đã hóa thành chồn cứu Lê Lợi, được phong danh hiệu *phu nhân* (*phu nhân* là một tước hiệu phong cho vợ quan nhất, nhị phẩm hoặc mẹ hay vợ người có tước vương, v.v... ; cũng là danh hiệu tôn kính đối với một phụ nữ).

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Lê Lợi đã được hai vợ chồng ông lão bắt cá và vong hồn cô gái bị giặc giết cứu sống trong những hoàn cảnh nguy cấp như thế nào ?

2. Việc Lê Lợi được những người dân thường, không tên tuổi, già và trẻ, người sống và cả người chết cứu giúp nói lên đặc điểm gì của cuộc khởi nghĩa do ông đứng đầu ?

3. Lê Lợi, sau khi đuổi được giặc Minh, lên ngôi vua, đã đền ơn trả nghĩa những người đã giúp đỡ mình và nghĩa quân ra sao ?

4. LÊ NHƯ HỔ

(Truyền thuyết lịch sử)

Lê Như Hổ là người làng Tiên Châu, huyện Tiên Lữ, bây giờ thuộc về Hưng Yên. Như Hổ to lớn, cao 5 thước 5 tấc, lưng rộng 1 thước rưỡi(1), nhà nghèo mà ham học, ăn thì cực khỏe, mỗi bữa ăn một nồi bảy cơm(2) mà chưa no. Học được nửa năm, vì nhà nghèo không đủ ăn, mới ở gửi rể một nhà giàu ở làng Thiện Phiến. Nhà vợ mỗi bữa cho ăn một nồi năm cơm, thì Như Hổ thường lơ lửng nhác học. Bố vợ hỏi bố đẻ Như Hổ rằng :

– Trước tôi nghe thấy con ông chăm học lắm, sao từ khi hắn đến ở nhà tôi thì lười biếng không chịu học là cớ làm sao ?

Ông này hỏi :

– Từ khi cháu ở nhà ông, ông cho ăn uống thế nào ?

Ông kia nói :

– Mỗi bữa nồi năm cơm rồi đấy !

– Nhà tôi nghèo như thế, mỗi bữa còn phải cho nó ăn nồi bảy cơm. Ông cho nó ăn ít làm vậy, trách nào mà nó chẳng biếng học !

uongxua.vn

Ông kia nghe lời, mới cho ăn hơn khi trước. Từ bấy giờ, Như Hổ học thêm được một vài tiếng lại thôi.

Mẹ vợ bảo với chồng rằng :

– Ông khéo kén được rể quý hóa nhỉ ! Chỉ được bộ ăn khỏe thì không ai bằng. Dù có gượng mà học nữa cũng không làm trò gì được tuồng(3) hay ăn ấy.

Bố vợ biết điều(4) bảo rằng :

– Nó ăn hơn người, sức nó tất cũng hơn người, can gì mà lo ?(5)

Mẹ vợ nói :

– Có phải sức nó hơn người, tôi có vài mẫu ruộng bỏ cỏ rậm kia, ông thử bảo nó dọn cỏ đi cho tôi xem nó có làm được không.

Như Hổ nghe thấy nói như vậy, sáng sớm mai, lập tức vác dao phát bờ đem ra ruộng. Đến chỗ gốc cây đa to, thấy chỗ ấy mát mẻ, mới nằm ngủ ở dưới gốc cây.

Mẹ vợ thấy rể vác dao ra đồng, cũng đi chợ mua thức ăn để về làm cơm cho rể ăn. Khi về qua ruộng, thấy rể nằm ngủ khì ở dưới gốc cây, bà ấy điên tiết, chạy tất tả về bảo với chồng rằng :

– Ông còn bảo thổi cơm cho nó ăn nữa thôi ? Gớm mặt nó ! Nó nói ra đồng dọn cỏ, thế mà từ sáng đến giờ vẫn còn nằm trương thây trương xác ra ngoài ấy, rể ông quý thật !

Hai ông bà mới dắt nhau ra đồng xem. Không ngờ từ lúc bà kia đi về thì Như Hổ lập tức đứng dậy phát cỏ. Chỉ một lúc, dọn sạch quang cả vài mẫu ruộng. Cá dưới ruộng chạy không kịp, chết nổi lều bều cả lên mặt nước. Khi ông bà đến nơi, thì thấy ruộng đã sạch rồi, bấy giờ mới biết tài sức của Như Hổ.

Khi lúa chín, mẹ vợ thổi sẵn nồi hai mươi cơm sai Như Hổ ra gọi thợ gặt. Như Hổ ra ngoài một lát, trở về nói dối rằng :

– Tôi đã gọi nhưng không ai chịu làm, vậy để tôi ăn xong sẽ gặt giúp cho mẹ.

Nói xong rồi dọn cơm ra ăn, một mình đánh hết nồi hai mươi cơm.

Mẹ vợ lấy làm quái lạ, nói rằng :

– Cối xay nào mà chứa được thế, có vỡ bụng ra mất không ?

Như Hổ nói :

– Mẹ đừng ngại, việc gặt hôm nay, tôi xin nhận làm một mình.

Mới lấy một cây tre to làm đòn càn, và đem sẵn liềm hái thừng chạc ra đồng. Vừa được nửa buổi thì gặt xong hai mẫu ruộng lúa, bó làm bốn gánh quẩy về. Mẹ vợ từ đấy có bụng mến phục con rể, mỗi bữa cho ăn thật no để mà học.

Làng bên cạnh có hội vật. Năm nào Như Hổ cũng đến phá giải[6]. Các đô vật ai cũng chịu, không ai dám ganh sức với Như Hổ, vì thế đặt tên là Như Hổ.

Đến năm Như Hổ 30 tuổi, văn chương hay lừng lẫy, có tiếng ở đời, rồi đi thi đỗ Tiến sĩ trong đời Quang Hòa, nhà Mạc.

thuongmaitr

Bấy giờ, có người đỗ đồng khoa[7] với Như Hổ, tên là Nguyễn Thanh, ở huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, cũng nổi tiếng ăn khỏe, có khi nói đến chuyện gia tư[8] nhà mình. Như Hổ nói bỡn rằng :

– Gia tư nhà bác chỉ đủ cho tôi ăn một tháng là cùng.

Nguyễn Thanh nói :

– Ông khinh tôi quá làm gì thế. Tôi tuy chẳng có gì nhưng cũng đủ cung phụng[9] ông được ba tháng.

– Thôi đừng nói ba tháng, ông thử cho tôi ăn một bữa xem sao.

Ông kia vâng lời, hẹn ngày mời Như Hổ vào chơi. Đến hôm hẹn, Như Hổ vào nhà Nguyễn Thanh. Không ngờ hôm ấy Nguyễn Thanh lại đi vắng.

Như Hổ bảo với người vợ Nguyễn Thanh rằng :

– Tôi bạn với quan Nghè đây. Nhân có việc qua đây, có hơn 30 đứa đầy tớ, nhờ phu nhân một bữa cơm.

truongxua.vn

Phu nhân lập tức sai người nhà làm thịt một con lợn, dọn 5, 6 mâm ra.

Như Hổ bảo người đầy tớ rằng :

– Mày ra gọi chúng nó vào đây.

Lâu mãi không thấy một người nào, chỉ trọi một mình ông Như Hổ, ngồi đánh hết cả sáu mâm cơm. Ăn xong, gửi lời tạ ơn rồi đi.

Chiều tối, Nguyễn Thanh trở về, vợ nói rằng :

– Hôm nay có chuyện nực cười quá chừng. Có một người nói là quen nhau với ông, nhân việc quan đem nhiều đầy tớ đi qua, nhờ một bữa cơm. Tôi tưởng thật làm 5, 6 mâm cỗ. Té ra chỉ một mình ông ấy ngồi ăn. Tôi ở trong buồng trông ra, thấy cứ mỗi bát và một miếng, ăn như hùm đơm đó[10], chỉ một lát hết nồi ba mươi cơm và sáu mâm cỗ, không biết người hay quỷ đói.

Nguyễn Thanh phàn nàn nói rằng :

– Đấy là người anh em với tôi, trước có hẹn đến chơi, lỡ ra quên mất, chắc là ông ta lại trách tôi sai hẹn.

Bữa khác, Nguyễn Thanh nhân việc đi qua làng Tiên Châu, vào chơi nhà ông Như Hổ. Như Hổ sai người nhà làm thịt hai con lợn béo và thổi bốn năm mâm xôi, dọn ra hai bàn, mỗi bàn một con lợn, hai mâm xôi. Một bàn thết Nguyễn Thanh, còn một mình ngồi riêng một bàn, Nguyễn Thanh ăn hết một góc mâm và một phần chia tư con lợn. Như Hổ thì ăn hết sạch cả bàn mình lại ăn thêm sang một góc xôi thịt ở bàn ông kia, chỉ còn một nửa để cho người nhà.

Nguyễn Thanh thất kinh[11] nói rằng :

– Ngày xưa, ông Mộ Trạch[12] đã có tiếng ăn khỏe, mà chỉ hết 18 bát cơm và 12 bát canh là cùng. Nếu ông ấy sinh ra cùng thời với ông, thì cũng phải kém ông ba bậc !

Hai người cùng nhau cười ầm cả lên.

Về sau Như Hổ làm quan đến Thượng thư[13], được phong làm Thiếu bảo Lữ quận công, rồi về trí sĩ [14], thọ 72 tuổi mới mất.

(Theo PHAN KẾ BÍNH.
Nam Hải dị nhân)

thuongmaitr

Chú giải

(1) *Năm thước năm tấc, một thước rưỡi* : thước, tấc (= 1/10 thước) nói ở đây là *thước ta*, gồm hai loại : thước mộc = 0,487 mét, thước may = 0,649 mét. Ta có thể quy chiều cao và lưng rộng của Như Hổ (đo bằng thước mộc) ra *thước tây* và sẽ thấy chắc ở đây có sự phóng đại (vốn cũng là một đặc điểm của truyền thuyết lịch sử).

(2) *Nồi năm, nồi bảy... nồi hai mươi, ba mươi* : là những nồi nấu cơm mà cỡ số (1, 2, ... 20, 30) thường tương ứng với mức người ăn (ví dụ : *nồi một* là nồi nấu cơm cho 1 người ăn, v.v...), nhưng cách gọi cũng có khi không theo quy tắc đó (ví dụ : *nồi hai* là nồi nấu cơm cho 4 người ăn, v.v...). Xét chung những cỡ nồi mà Như Hổ đã ăn thì thấy sức ăn của chàng cao nhất bằng khoảng 30 người bình thường.

(3) *Tuồng* : bộ tịch, bộ dạng ; đồ, phường, hạng, giống.

(4) *Biết điều* : phải chăng, đúng mực.

(5) *Nó ăn hơn người, sức nó tất cũng hơn người* : ý này suy từ câu tục ngữ *ăn vóc, học hay* (câu này có nhiều cách hiểu, trong đó có cách hiểu là ăn khỏe thì học giỏi). Quả thật Như Hổ ăn khỏe, làm lụng, học hành đều giỏi. Đó là người có tài lạ, khác thường. Không nên hiểu ý này một cách máy móc.

(6) *Phá giải :* tranh tài, giật giải (thưởng) ; từ *phá* ở đây cũng có nghĩa gốc tương tự như từ *phá* trong *phá trận*, có nghĩa là làm vỡ thế trận của quân địch.

(7) *Đồng khoa :* (đỗ) cùng khoa (kì) thi.

(8) *Gia tư :* tài sản.

(9) *Cung phụng :* vốn nghĩa là kính vâng ; ở đây chỉ sự nuôi ăn với ý kính cẩn.

(10) *Ăn như hùm đơm đó :* thành ngữ, ý nói ăn cực nhanh, mạnh ; thành ngữ này cũng thường được nói là : *ăn như hùm đổ đó* (có nghĩa là ăn nhanh, vội như cọp trút vội cá ở cái đó (đụt) ra), *ăn như hùm đổ đố* (đố là cây ghép hai bên làm khuôn cửa – đổ đố là xô đổ khuôn cửa).

(11) *Thất kinh :* kinh sợ quá.

(12) *Ông Mộ Trạch :* tức Lê Nại, người Mộ Trạch (Hải Dương), có tiểu sử tương tự Lê Như Hổ, nhà nghèo, được Thượng thư Vũ Quỳnh gả con gái cho và cho ở rể, sau đỗ Trạng và cùng làm quan đến Thượng thư như bố vợ.

(13) *Thượng thư :* chức quan làm Tổng trưởng ở một bộ của triều đình (nước có vua làm chủ).

(14) *Trí sĩ :* từ chức quan về nhà.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Em hãy tóm tắt những nét nổi bật ở nhân vật Lê Như Hổ. Câu chuyện kể rất kĩ *tài ăn* (khỏe) của Như Hổ nhằm mục đích gì ?

truongxua.vn

2. Em hãy chỉ ra những chi tiết chứng tỏ câu chuyện này có cái lõi là sự thật lịch sử, đồng thời chỉ ra những chi tiết chứng tỏ ở đây có sự thêu dệt, phóng đại của trí tưởng tượng dân gian. Từ đó, em hãy nêu lên hai đặc điểm chính của truyền thuyết lịch sử.

Bài 5. ÔN TẬP VỀ THẦN THOẠI, TRUYỀN THUYẾT

I – CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Hãy kể tóm tắt bằng miệng và bằng viết những thần thoại, truyền thuyết về thời các vua Hùng và truyền thuyết đời sau (được học và đọc thêm) mà em thích nhất. Cố gắng kể mỗi loại 2 truyện.

2. Nêu ý nghĩa của mỗi truyện được kể lại và phát biểu cảm nghĩ về 1 – 2 nhân vật của truyền thuyết.

3. Hãy kể ra một số chi tiết của thần thoại và truyền thuyết mà em cho là đặc sắc thú vị. Nêu một vài nhận xét về những chi tiết ấy.

4. Em hiểu thế nào là thần thoại, là truyền thuyết ? Hãy trình bày cách hiểu của em về những thể loại ấy với những ví dụ, dẫn chứng cụ thể về tác phẩm.

II – MỘT SỐ HÌNH THỨC ÔN TẬP KHÁC

1. Học những thần thoại nước ngoài (có trong sách *Văn học 6*, tập một) và tập so sánh những nét giống nhau của những truyện này với thần thoại Việt Nam đã được học và đọc thêm.

2. Ghép những truyện *Con Rồng, cháu Tiên* (truyền thuyết về thời các vua Hùng), *Truyền thuyết về Hồ Gươm* và truyện *Lê Lợi* (truyền thuyết lịch sử) thành một *chuỗi truyện về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn* (do Lê Lợi cầm đầu) và thi kể về chuỗi truyện này.

thuongmaitr

PHẦN HAI

VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

Bài 1. THƠ HỒ CHÍ MINH

Tiểu dẫn

Hồ Chí Minh (1890 - 1969), nhà yêu nước, lãnh tụ vĩ đại của cách mạng và dân tộc Việt Nam. Hồ Chí Minh còn là một nhà văn, nhà thơ lớn.

truongxua.vn

Hai bài thơ dưới đây được Bác Hồ làm trong thời kì ở Việt Bắc lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

*

*   *

CẢNH KHUYA

Tiếng suối trong như tiếng hát xa,
Trăng lồng cổ thụ [1] bóng lồng hoa [2].
Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ,
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

1947

RẰM THÁNG GIÊNG [3]

Rằm xuân lồng lộng trăng soi
Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân.
Giữa dòng bàn bạc việc quân,
Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền.

1948

(Bản dịch của XUÂN THỦY)

thuongmaitr

Chú giải

(1) *Cổ thụ* : cây to sống đã lâu năm.

(2) *Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa* : ánh trăng đan dệt vào vòm cây cổ thụ, bóng cây lại lồng vào bóng hoa.

(3) Đầu đề bài thơ phiên âm chữ Hán : *Nguyên tiêu*, nghĩa là rằm tháng giêng. Nguyên văn bài thơ theo thể tứ tuyệt thất ngôn bốn dòng, mỗi dòng bảy tiếng ; người dịch chuyển ra thơ lục bát.

1. Em hãy tìm hiểu thể thơ của hai bài thơ này.

+ Bài *Cảnh khuya* được làm theo thể thơ *tứ tuyệt*. Bài thơ có mấy dòng thơ ? Mỗi dòng mấy tiếng ? Vần trong bài thơ có ở những dòng nào ? Ở tiếng thứ mấy ?

Em hãy nêu cách ngắt nhịp của mỗi dòng trong bài thơ này.

+ Bài *Rằm tháng giêng* nguyên văn cũng là thơ tứ tuyệt, được dịch ra tiếng Việt thành thơ *lục bát*. Em hãy nêu số tiếng trong các dòng thơ, và cách gieo vần.

2. Cả hai bài thơ đều tả cảnh trăng ở chiến khu Việt Bắc. Em hãy nhận xét cảnh trăng trong mỗi bài có nét đẹp riêng như thế nào ?

3. "Tiếng suối trong như tiếng hát xa, Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa", em hiểu hai dòng thơ ấy như thế nào? Có gì đặc biệt trong cách so sánh : "Tiếng suối trong như tiếng hát xa..." ? Hình ảnh "Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa" đẹp như thế nào ?

4. Em thấy hai bài thơ đã biểu hiện tình cảm của nhà thơ (Bác Hồ) với thiên nhiên như thế nào ? Cùng với tình yêu thiên nhiên, hai bài thơ còn bộc lộ tâm trạng, tình cảm gì nữa của Bác ?

5. Hai bài thơ này được làm trong thời kì bắt đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp rất khó khăn gian khổ, nhưng đều toát lên phong thái ung dung, lạc quan của Bác Hồ. Em hãy tìm hiểu xem phong thái ấy được thể hiện trong những yếu tố nào của nội dung và nghệ thuật hai bài thơ ?

truongxua.vn

Bài 2. LƯỢM

TỐ HỮU

Tiểu dẫn

- Tố Hữu, tên khai sinh là Nguyễn Kim Thành, sinh năm 1920 tại Thừa Thiên - Huế. Ông hoạt động cách mạng và làm thơ từ lúc còn là một thanh niên học sinh ở Huế. Tố Hữu là cán bộ cách mạng từng giữ những trọng trách trong bộ máy lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, đồng thời là nhà thơ lớn trong nền văn học hiện đại Việt Nam. Ông được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (đợt I - năm 1996). Các tập thơ chính : *Từ ấy* (1946), *Việt Bắc* (1954), *Gió lộng* (1961), *Ra trận* (1972), *Máu và hoa* (1977), *Một tiếng đờn* (1992).

Bài thơ *Lượm* được sáng tác năm 1949, trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), sau đó được đưa vào tập thơ *Việt Bắc*.

*
* *

thuongmaitr

Ngày Huế đổ máu[1]
Chú Hà Nội về
Tình cờ chú cháu
Gặp nhau Hàng Bè[2]

Chú bé loắt choắt[3]
Cái xắc [4] xinh xinh
Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu nghênh nghênh

Ca lô [5] đội lệch
Mồm huýt sáo vang
Như con chim chích
Nhảy trên đường vàng...

– Cháu đi liên lạc[(6)]
Vui lắm chú à
Ở đồn Mang Cá[(7)]
Thích hơn ở nhà !

Cháu cười híp mí
Má đỏ bồ quân [(8)]
– Thôi chào đồng chí !
Cháu đi xa dần...

Cháu đi đường cháu
Chú lên đường ra
Đến nay tháng sáu
Chợt nghe tin nhà

Ra thế
Lượm ơi !

Một hôm nào đó
Như bao hôm nào
Chú đồng chí nhỏ
Bỏ thư vào bao

Vụt qua mặt trận
Đạn bay vèo vèo
Thư đề "Thượng khẩn"[(9)]
Sợ chi hiểm nghèo ?

Đường quê vắng vẻ
Lúa trỗ đòng đòng
Ca lô chú bé
Nhấp nhô trên đồng...

Bỗng lòe chớp đỏ
Thôi rồi, Lượm ơi !
Chú đồng chí nhỏ
Một dòng máu tươi !

Cháu nằm trên lúa
Tay nắm chặt bông
Lúa thơm mùi sữa
Hồn bay giữa đồng...

Lượm ơi, còn không ?

truongxua.vn

Chú bé loắt choắt
Cái xắc xinh xinh
Cái chân thoăn thoắt
Cái đầu nghênh nghênh

Ca lô đội lệch
Mồm huýt sáo vang
Như con chim chích
Nhảy trên đường vàng.

1949

Chú giải

(1) *Ngày Huế đổ máu :* ngày ở Huế bắt đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp quay trở lại xâm lược (cuối năm 1946).

(2) *Hàng Bè :* một đường phố ở thành phố Huế.

(3) *Loắt choắt :* dáng bé nhỏ mà nhanh nhẹn.

(4) *Cái xắc :* túi (bằng da hoặc vải) có quai đeo bên mình.

(5) *Ca lô* (phiên âm từ tiếng Pháp *Calot*) : loại mũ mềm, không có vành, nhọn hai đầu, phía trên bóp lại ; cũng còn gọi là mũ chào mào. Thời đầu kháng chiến chống thực dân Pháp, dân quân, tự vệ và bộ đội ta thường đội loại mũ này.

thuongmaitr

(6) *Đi liên lạc :* làm công việc chuyển công văn, giấy tờ, thư từ, mệnh lệnh. Trong thời kháng chiến chống thực dân Pháp, các đơn vị bộ đội ta thường sử dụng các em bé nhanh nhẹn và dũng cảm để làm công việc này.

(7) *Đồn Mang Cá :* đồn binh lớn trong thành Huế, có từ thời triều Nguyễn. Khi thực dân Pháp chiếm nước ta, chỗ ấy thành đồn của quân Pháp, sau Cách mạng tháng Tám, bộ đội ta đóng quân ở đó.

(8) *Bồ quân :* cây có quả chín màu đỏ tím. Ở đây ví màu má của chú bé đỏ như màu trái bồ quân.

(9) *Thượng khẩn :* rất gấp. Những công văn, mệnh lệnh có đề "Thượng khẩn" thì người chuyển phải tìm mọi cách chuyển nhanh nhất đến nơi nhận.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Em hãy nhận xét về thể thơ của bài này (số tiếng trong mỗi dòng, số dòng trong mỗi khổ thơ, cách gieo vần trong mỗi khổ). Trong bài có những câu thơ, khổ thơ nào cấu tạo đặc biệt, không giống với các câu thơ, khổ thơ khác ?

Bài thơ có thể chia làm mấy đoạn ? Nội dung chính của mỗi đoạn là gì ?

2. Hình ảnh Lượm trong hồi tưởng của tác giả ở đoạn đầu bài thơ (gồm 5 khổ thơ) được miêu tả như thế nào? (dáng điệu, trang phục, cử chỉ, lời nói...) Các chi tiết, hình ảnh, từ ngữ nào trong đoạn này cho thấy Lượm thật hồn nhiên, vui tươi, nhanh nhẹn, đáng yêu ?

3. Trong bài thơ, Lượm được gọi bằng những từ xưng hô nào? Em hãy tìm hiểu xem ở từng trường hợp mỗi cách gọi thể hiện điều gì trong quan hệ tình cảm của tác giả với nhân vật Lượm ?

4. Lượm hi sinh trong hoàn cảnh nào ? Tác giả miêu tả sự hi sinh của Lượm như thế nào ? "Lượm ơi, còn không ? ", em hãy tìm câu trả lời cho câu hỏi ấy ngay trong bài thơ. Ở đoạn cuối, bài thơ trở lại với hình ảnh Lượm như ở đoạn đầu tạo ra ý nghĩa gì ?

5. Luyện tập

- Đọc thuộc lòng và diễn cảm bài thơ.
- Phát biểu cảm nghĩ của em về Lượm.

Bài 3. ĐÊM NAY BÁC KHÔNG NGỦ

tuongxua.vn

MINH HUỆ

Tiểu dẫn

Minh Huệ (tên khai sinh là Nguyễn Thái) sinh năm 1927, quê ở Nghệ An, làm thơ từ thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp. Bài *Đêm nay Bác không ngủ* (1951) là bài thơ nổi tiếng nhất của ông.

*

* *

Anh đội viên[1] thức dậy
Thấy trời khuya lắm rồi
Mà sao Bác vẫn ngồi
Đêm nay Bác không ngủ.

Lặng yên bên bếp lửa
Vẻ mặt Bác trầm ngâm[2]
Ngoài trời mưa lâm thâm[3]
Mái lều tranh xơ xác.

Anh đội viên nhìn Bác
Càng nhìn lại càng thương
Người Cha mái tóc bạc
Đốt lửa cho anh nằm.

Rồi Bác đi dém chăn[4]
Từng người từng người một
Sợ cháu mình giật thột[5]
Bác nhón chân nhẹ nhàng.

Anh đội viên mơ màng
Như nằm trong giấc mộng
Bóng Bác cao lồng lộng
Ấm hơn ngọn lửa hồng.

Thổn thức[6] cả nỗi lòng
Thầm thì anh hỏi nhỏ :
– Bác ơi! Bác chưa ngủ?
Bác có lạnh lắm không?

– Chú cứ việc ngủ ngon
Ngày mai đi đánh giặc
Vâng lời anh nhắm mắt
Nhưng bụng vẫn bồn chồn[7].

Không biết nói gì hơn
Anh nằm lo Bác ốm
Lòng anh cứ bề bộn[8]
Vì Bác vẫn thức hoài.

Chiến dịch hãy còn dài
Rừng lắm dốc lắm ụ
Đêm nay Bác không ngủ
Lấy sức đâu mà đi.

... Lần thứ ba thức dậy
Anh hốt hoảng giật mình :
Bác vẫn ngồi đinh ninh[9]
Chòm râu im phăng phắc.

thuongmaitr

Anh vội vàng nằng nặc :
– Mời Bác ngủ Bác ơi !
Trời sắp sáng mất rồi
Bác ơi ! Mời Bác ngủ !

– Chú cứ việc ngủ ngon
Ngày mai đi đánh giặc
Bác thức thì mặc Bác
Bác ngủ không an lòng.

Bác thương đoàn dân công
Đêm nay ngủ ngoài rừng
Rải lá cây làm chiếu
Manh áo phủ làm chăn.

Trời thì mưa lâm thâm
Làm sao cho khỏi ướt !
Càng thương càng nóng ruột
Mong trời sáng mau mau.

Anh đội viên nhìn Bác
Bác nhìn ngọn lửa hồng
Lòng vui sướng mênh mông
Anh thức luôn cùng Bác.

Đêm nay Bác ngồi đó,
Đêm nay Bác không ngủ.
Vì một lẽ thường tình.
Bác là Hồ Chí Minh.

1951

ruongxua.vn

Chú giải

(1) *Đội viên* : chiến sĩ bộ đội (phân biệt với cán bộ trong quân đội). Đây là cách gọi quen dùng trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 – 1954).

(2) *Trầm ngâm* : có dáng vẻ lặng lẽ đang suy nghĩ về điều gì.

(3) *Mưa lâm thâm* : mưa nhỏ nhưng mau hạt và kéo dài.

(4) *Dém chăn* : nhét mép chăn xuống phía dưới thân người nằm để cho gọn và giữ hơi ấm.

(5) *Giật thột* (tiếng địa phương Nghệ - Tĩnh) : giật mình.

(6) *Thổn thức :* ở đây chỉ nỗi lòng xúc động, xao xuyến không kìm nén được.

(7) *Bồn chồn :* nao nao, thấp thỏm không yên lòng.

(8) *Bề bộn :* nhiều và lộn xộn. Ở đây là băn khoăn bận rộn trong lòng vì nhiều nỗi lo nghĩ.

(9) *Đinh ninh :* ở đây dùng với nghĩa là trước sau vẫn thế, không thay đổi. *Ngồi đinh ninh* : dáng ngồi yên không thay đổi.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Bài thơ được diễn tả như một câu chuyện xúc động. Chuyện về ai, về sự việc gì và diễn ra trong hoàn cảnh không gian, thời gian nào ?

Em có nhận xét gì về thể thơ của bài thơ này ? (số tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong mỗi khổ thơ, cách gieo vần trong một khổ và giữa hai khổ liền nhau). Thể thơ ấy có gì thích hợp với bài thơ theo lối kể chuyện như bài này ?

2. Tình cảm của anh bộ đội với Bác Hồ biểu hiện trong bài thơ như thế nào ? Em hãy nêu diễn biến tâm trạng của anh với Bác trong bài thơ.

3. Tình thương của Bác Hồ với bộ đội và dân công được biểu hiện trong bài thơ như thế nào ? Em hãy tìm và phân tích những hình ảnh, chi tiết, từ ngữ trong bài thơ thể hiện điều đó.

4. "Anh đội viên mơ màng, Như nằm trong giấc mộng, Bóng Bác cao lồng lộng, Ấm hơn ngọn lửa hồng". Em hiểu bốn dòng thơ trên như thế nào ? Trong những dòng thơ ấy, tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì, nó có giá trị biểu hiện tình cảm của anh bộ đội với Bác và hình ảnh của Bác Hồ như thế nào ?

5. Em hiểu bốn dòng thơ trong khổ thơ kết thúc bài thơ "Đêm nay Bác ngồi đó.... Bác là Hồ Chí Minh" như thế nào ?

6. Tập đọc diễn cảm bài thơ. Học thuộc lòng hai đoạn :

- Từ đầu đến "Ấm hơn ngọn lửa hồng"
- Từ "Lần thứ ba thức dậy" đến hết bài.

Bài 4. CỎ NON

HỒ PHƯƠNG

Tiểu dẫn

Hồ Phương, tên khai sinh là Nguyễn Thế Xương, sinh năm 1930, quê ở tỉnh Hà Tây. Hồ Phương là nhà văn quân đội, viết văn từ thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp.

thuongmaitr

Tác phẩm chính : các tập truyện *Cỏ non, Xóm mới, Kan Lịch* ; tiểu thuyết *Những tầm cao*.

Truyện *Cỏ non* trích trong tập truyện ngắn cùng tên của Hồ Phương (NXB Văn học, 1960).

*

* *

Ngày hôm đó, mầm cỏ đã lấm tấm xanh khắp các ngọn đồi. Tuy chưa ăn được nhưng đàn bò cũng lộ rõ vẻ khoan khoái. Nhẫn đem sách đi nhưng chưa học được, anh vẫn còn phải chạy suốt ngày để tìm cỏ cho bò ăn. Đêm ấy trời lại mưa phùn. Đêm hôm sau nữa lại mưa tiếp. Sáng ngày thứ ba, Nhẫn lùa đàn bò ra đi.

ruongxua.vn

Cả đàn bò rống lên sung sướng. Nhẫn cũng phải đứng dừng lại một bước, hai mắt sáng rực lên. Qua có mấy đêm mưa phùn mà cả khu đồi Con Cuông đã thay đổi hẳn bộ mặt. Cỏ non đã

mọc tua tủa. Một màu xanh non ngọt ngào, thơm ngát, trải ra mênh mông trên khắp các sườn đồi.

"Ò... ò..." đàn bò reo hò. Chúng nhảy cỡn lên, xô nhau chạy. Con Tô cũng mừng lây rít lên ăng ẳng, sủa đông sủa tây, hai chân trước chồm lên, chồm xuống.

Dừng lại ! Gặm cỏ... gặm !

Nhẫn kẹp chiếc hèo[1] vào nách bắc loa lên miệng, rướn cao người, hô vang động cả rừng núi.

Con Nâu đứng lại. Cả đàn dừng theo. Tiếng gặm cỏ bắt đầu trào lên như một nong tằm ăn rỗi[2] khổng lồ. Con Ba Bớp[3] vẫn phàm ăn tục uống nhất, cứ thúc mãi mõm xuống, ủi cả đất lên mà gặm. Bọt mép nó trào ra, nom đến là ngon lành. Con Hoa ở gần đó cũng hùng hục ăn không kém, mặc dầu ả có bộ mã tiểu thư rất yểu điệu "cái giá cấn làm đôi". Gã công tử bột vẫn sán ở bên cạnh ả, mồm vừa gau gáu gặm cỏ, mắt vừa liếc sang lem lém.

Mẹ con chị Vàng ăn ở riêng một chỗ cùng con Cún. Cu Tũn dở hơi chốc chốc lại chạy tới ăn tranh cỏ của mẹ. Chị Vàng lại dịu dàng nhường cho nó và đi kiếm một búi khác.

Nhẫn đứng ngây người nhìn đàn bò. Những tiếng nhai cỏ rào rào ngon lành, liên tiếp dội vào lòng anh những tiếng reo náo nức. Anh tưởng như nom thấy đàn bò đang từ từ béo ra, lớn lên và đang sinh sôi nẩy nở đàn đàn lũ lũ ở ngay trước mắt anh.

... Đàn bò, sau một ngày ăn no nê, đi rất thong thả phởn phơ. Nhẫn vẫn đi sau chúng, nhưng anh không cười như hồi sáng nữa. Anh vừa đi vừa lầm rầm nguyền rủa con Ba Bớp. Nó là con ôn vật! Nó là con beo vồ ! Bảo nó trăm lần nghìn lần cũng vậy. Nó phụ công lao của anh. Nó không thương anh một tí nào gọi là có. Nó phá hoại kế hoạch sản xuất của nông trường... Chuyến này bắt được nó về, nhất định phải đả ! Phải đả cho một trận nên thân thì bận sau nó mới chừa. Con khốn nạn...

Hộ Pháp vẫn khoác chiếc chăn trấn thủ lòe xòe, đứng đợi Nhẫn ở đầu nhà ngủ :

– Bò no chửa ! Thôi mau tắm rửa, thay quần áo đi ! Cơm canh còn nóng nguyên, kẻo nguội tiệt cả bây giờ !

Mặt Nhẫn vẫn tối sầm sầm ; anh rút mạnh dóng chuồng :

– Con Ba Bớp lại chạy mẹ nó đâu mất rồi !

– Cái gì ? Nó lại chạy rông rồi à ? – Hộ Pháp trợn tròn hai con mắt.

Lùa hết đàn bò vào chuồng, Nhẫn lại vớ lấy hèo.

– Thế cậu không ăn lấy một miếng đã hử ? – Hộ Pháp nắm lấy vạt áo Nhẫn.

– Chẳng cơm, chẳng nước gì cả, đang điên tiết đây !

Nói đoạn anh xăm xăm đi ra cổng. Con Tô chạy tế đuổi theo.

Đêm cuối đông tối mù. Gió thổi lồng lộng rét buốt bên tai. Đường gồ lên, dốc xuống, lồi lõm vệt bánh xe. Nhẫn vấp ngã dúi dụi. Anh băng ra con đường cái đá đi về tỉnh. Theo kinh nghiệm, anh đoán là con Ba Bớp no bụng quẩng mỡ chạy đi, chắc chỉ đi theo con đường cái lớn. Bộ nó không đời nào dám rẽ vào rừng vì còn sợ cọp.

truongxua.vn

Nhẫn đi như chạy. Con Tô dường cũng sốt ruột như chủ, chạy phóng lên phía trước. Khi đã khá xa, nó đứng lại đợi, theo thói quen, lại ghếch một chân lên đái tè sang vệ đường.

Nhẫn đi tới một ngã ba. Mấy quán hàng cơm, hàng nước thắp đèn sáng trưng. Một dãy xe bò chở hàng đỗ ở dọc đường cái đá. Một gánh phở bốc khói nghi ngút, mùi nước dùng thơm ngào ngạt. Nước miếng ở đâu mà tứa ra nhiều thế ? Nhẫn chép miệng rồi ngoái cổ vào hỏi thăm :

– Ông phở ơi ! Có thấy con bò lưng đen bụng vàng nào vừa chạy qua đây không ?

Bác phở vẫn đều tay băm hành trên thớt :

– Không ! Từ tối giờ chẳng thấy gì sốt !

Nhẫn đã thất vọng thì một bà hàng nước đã nói vọng ra :

– Có đấy anh ạ ! Em vừa thấy một con bò chạy qua đây xong. Cứ ngỡ là bò của hợp tác trong xóm.

– Nó chạy qua đây lâu chưa hả bà ? – Nhẫn mừng quýnh.

– Vừa xong ! Anh nhảo[4] mau lên thì kịp đấy !

Hai chân Nhẫn như quàng lên cổ. Quên cả đói, quên cả rét. Con Tô cũng dài bụng ra chạy theo. Song, càng đuổi thì càng mất hút. Nhẫn lại tức điên lên. Con Tô sủa ủng oẳng. Tới một dãy phố xép khác, Nhẫn cố nén giận hỏi thăm một lần nữa. Lại người bảo có thấy và lại người bảo không thấy. Chán quá. Nhẫn đứng lại thở dốc. Gió táp vào mặt làm cho ngực anh rức lên, nước mũi đổ ra ròng ròng.

Anh đứng tần ngần mấy giây rồi lại cắm đầu cắm cổ chạy. Và lại thở, lại lầm rầm nguyền rủa.

Khoảng chín giờ đêm, tới phố Quảng, cách thị xã độ ba cây số, anh chợt nom thấy phía trước có một người xách một chiếc đèn chai đi tới. Ánh đèn đỏ đậm, hắt xuống mặt đường mấp mô những đá. Lại có người để hỏi thăm đây rồi ! Người đó tới gần. Đó là một ông cụ đầu trùm khăn vuông kín mít, mình vận một chiếc áo bông đã sờn rách, quanh lưng buộc một sợi rơm. Ông cụ tuy đã cao tuổi nhưng hai mắt vẫn còn tinh tường và dáng đi nhanh nhẹn y như một người con trai.

Ông cụ thấy Nhẫn chạy tới, bèn dừng lại, giơ chiếc đèn lên soi.

– Anh đi đâu ? Đi tìm bò phỏng ?

Nhẫn vừa ngạc nhiên vừa ngờ ngợ, mừng mừng :

– Vâng ! Sao cụ biết ạ ?

Ông cụ cười khà khà :

– Thế lão có tinh không nhá ! Thôi vào đây, vào đây ! Bò đây rồi !

Nhẫn thở trút ra một cái, nhẹ bỗng người. Thì ra lúc chập tối ông cụ định sang cái xóm ở bên này đường để thăm thằng cháu ngoại ấm đầu. Khi ra tới đường cái thấy một con bò cổ đeo số đang chạy rông một mình, đoán là bò của Chính phủ lạc, ông cụ "họ"[5] nó lại. Song nó không nghe, cứ cong đuôi chạy, "họ" một lần nữa chẳng được, "họ" hai lần cũng không xong. Nó cứ tế lên như muốn trêu tức ông lão. Song, chẳng

thuongmaitr

may cho nó gặp phải tay không vừa. Ông cụ cởi phăng ngay áo bông rồi chạy theo. Thoáng cái ông đã bắt kịp nó, vỗ mông đánh đét một cái, nhảy phắt lên lưng cu cậu và kẹp chặt hai đùi lại. Con Ba Bớp cũng chưa chịu, cứ lồng lên như hóa rồ. Ông cụ cáu tiết, một tay cầm đuôi nó kéo giật lại, một tay cứ nhè lưng nó mà đấm, đồng thời hai gót chân thúc thật mạnh vào hông cu cậu. Cuối cùng con Ba Bớp đành phải chịu thua. Nó phải ngoan ngoãn đi theo ông cụ về nhà. Hiện nay nó đang ở gốc cây bưởi sau vườn. Đoán biết là thế nào cũng có người đi tìm bò, nên ông cụ xách đèn đi đón.

– Cảm ơn cụ quá ! May quá, không có cụ thì... Thôi cháu xin cụ, cháu về kẻo khuya rồi !

– Hượm cái đã ! Vào uống hớp nước cho ấm bụng đã ! Mặt mũi anh xanh xám cả rồi đây này ! – Ông cụ kéo Nhẫn vào trong nhà, vặn to đèn lên rồi sai cô con dâu đi đun nước.

Một lúc sau, ông cụ đưa Nhẫn ra vườn sau. Con Ba Bớp đây rồi ! Con ôn vật đây rồi ! Cái mặt nó nhâng nháo sao mà ghét đến thế kia chứ ! Con vật cũng đã nhận ra chủ nó, con mắt nó ánh lên xanh lẹt, vừa có vẻ mừng, vừa có vẻ sợ. Nó cúi gằm mặt xuống ra cái điều biết lỗi lắm rồi đây. Nhẫn cười nhạt cầm mũi nó kéo lên :

– Hừ ! Ba Bớp đấy à ? Giỏi ! Giỏi lắm ! Giỏi lắm con ạ !

Con bò đứng im không dám ho he, động đậy, hai mắt nó chốc chốc lại liếc trộm Nhẫn một cái để dò xét thái độ. Nhẫn mượn một đoạn chạc[6] buộc vào sừng nó, rồi cảm ơn ông cụ, kéo ra cổng. Nó đi cung cúc. Ra tới đường cái đá, gió rít lên ào ào. Tuy lạnh cứng mũi, nhưng cơn giận của Nhẫn đã bốc lên nóng rực cả đầu rồi.

– Đi, con beo vồ ! Con khốn nạn này ! Chuyến này mày về sẽ biết tay tao ! Tao có phải là người nhu nhược đâu cơ chứ ! Mày phá kỉ luật lần này là lần thứ mấy ? Hử ? Mày phá cả kế hoạch của nông trường ! Mày hỏng ! Tao tưởng mày ăn no thì mày ngoan cơ chứ... Hừ, con beo vồ, con khốn nạn !

Nhẫn vừa giong nó đi, vừa mắng sa sả. Anh mắng không còn tiếc lời, mắng với tất cả sự tức giận và cả bầu nhiệt tình

uongxua.vn

của mình. Con Ba Bớp vẫn cứ cung cúc đi, không dám nói năng nửa tiếng. Nhưng bỗng "khục". Đi qua một con suối cạn, nó vấp phải một tảng đá to : cả hai chân trước nó quỵ xuống. Nhẫn đang hùng hổ nói, vội im bặt. Anh cuống quýt quỳ cả hai đầu gối xuống đống sỏi đá, ghé vai vào bụng con Ba Bớp để đỡ nó dậy.

– Giời ơi, mắt với mũi ! Mày đi với đứng thế hả ? Giời ơi là giời !

Nhẫn rên lên như chính mình vừa ngã một cái chết điếng. Con Ba Bớp đã đứng dậy được rồi, nhưng vẫn còn đau. Hình như nó bị trẹo một gối thì phải. Cái chân phải của nó cứ giật giật rồi cào cào xuống đất. Nó bước đi tập tễnh. Ruột gan Nhẫn như xát muối. Anh vội "họ" nó lại rồi ngồi thụp xuống nắn bóp cái chân đau cho nó. Anh đã quên tất cả mọi tội lỗi của nó rồi. Cơn tức giận của anh đã bay biến đi đâu mất hết. Anh chỉ còn thấy thương nó vô hạn. Tội nghiệp cho nó, mới được bữa no, đã ngã một cái đau quá. Thế này thì, "của thiên lại trả địa"[7], nó lại gầy sút đi cho mà xem.

– Khổ chưa con ! Ai bảo quẩng mỡ[8] chạy đi cho nó khổ thế này ? Có đau lắm không ?

thuongmaitr

Hai bàn tay anh xoa xoa, nắn nắn mãi đã phát nóng rực lên. Con Ba Bớp cứ đứng lim dim cặp mắt rồi bỗng "ò" lên một tiếng và bước đi thủng thẳng. Nó cảm động trước thái độ của chủ nó đấy. Nó ve vẩy cái đuôi. Chân nó còn đau, nhưng hình như nó cố đi cho mạnh bạo, khỏe khoắn.

Con Tô lại phóng lên phía trước, đứng đợi và lại ghếch chân đái tè.

Nhẫn về tới doanh trại thì đồng hồ cũng vừa chỉ mười hai giờ. Một chiếc lồng bàn úp trên bàn ăn. Hộ Pháp vẫn còn khoác chăn ngồi xù xù ở đó, ngủ gà ngủ gật. Chốc chốc anh ta lại chúi đầu, đập cái mũi to và đỏ như quả cà chua xuống mép bàn. Khi nghe tiếng động, anh mới choàng dậy :

– Đã về đấy hử ? Tìm thấy nó chửa ? Cơm canh nguội tiệt cả. Nguội tiệt cả rồi còn gì !

Khi vừa đặt mình nằm, kéo chiếc chăn ấm hủm lên trùm kín đầu thì Nhẫn lại nghe thấy rì rầm ngoài trời. Lại cái tiếng êm êm, dìu dịu, rơi rơi. Và trong âm thanh ấy lại có tiếng cỏ non đang đua nhau nảy mầm đâm lá.

– Lại mưa rồi, Thịnh[9] ạ.

– Ừ, mai cỏ lại lên mạnh ra phết !

Ngoài trời mưa mỗi lúc một mau hơn. Hơi lạnh thấm qua các vách nứa, thấm qua cả giấc ngủ. Hộ Pháp bất giác quay sang :

– Này Nhẫn ! Hôm nay có tranh thủ học được tí nào không thế ?

Tương đối, tương đối – Nhẫn khẽ trả lời trong giấc ngủ đang dịu dàng kéo đến.

1 - 1960

Chú giải

uongxua.vn

(1) *Hèo :* gậy làm bằng thân cây hèo (loài cây họ tre thân nhỏ mà chắc, có nhiều đốt, thường dùng làm gậy).

(2) *Tằm ăn rỗi :* lúc tằm gần chín ăn (lá dâu) khỏe và nhanh . Tiếng tằm ăn rỗi nghe rào rào.

(3) *Ba Bóp :* từ trong khẩu ngữ, chỉ tính ngỗ ngược, bướng bỉnh. Trong truyện, được dùng gọi tên một con bò có tính nết ấy.

(4) *Nhảo* (khẩu ngữ) : rảo bước, chạy.

(5) *Họ :* tiếng dùng để điều khiển trâu, bò đứng lại, cũng dùng chỉ việc dừng trâu, bò lại.

(6) *Chạc :* dây thừng.

(7) *Của thiên lại trả địa* (thành ngữ) : của trời lại trả đất, của có được rồi lại mất đi. Ở đây ý nói con bò vừa được bữa no cỏ thì lại bị ngã đau.

(8) *Quẩng mỡ* (như rửng mỡ) : chỉ trạng thái chạy nhảy hoặc đùa bỡn quá mức như do dư thừa sức lực.

(9) *Thịnh :* tên thật của nhân vật có biệt danh là Hộ Pháp được nhắc đến ở trên.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Trong đoạn đầu của truyện, hình ảnh khu đồi cỏ non và cảnh đàn bò gặm cỏ được miêu tả một cách sinh động, cụ thể như thế nào ?

Niềm vui mừng của anh Nhẫn được thể hiện trong các chi tiết, hình ảnh nào ? Vì sao Nhẫn vui mừng như thế ?

2. Em hãy kể tóm tắt đoạn Nhẫn đi tìm con Ba Bớp. Những chi tiết, hình ảnh, sự việc nào nói lên nỗi vất vả khó nhọc của Nhẫn trong việc đi tìm con bò ? Nhờ đâu mà Nhẫn tìm được con Ba Bớp ?

3. Em hãy thuật lại diễn biến thái độ, tình cảm của Nhẫn với con Ba Bớp trong đoạn kể chuyện anh dẫn nó trở về nông trường. Tình huống gì đã làm anh thay đổi thái độ với con Ba Bớp và những chi tiết nào biểu lộ tình thương của Nhẫn với con bò ?

4. Em hãy phát biểu cảm nghĩ của em về nhân vật Nhẫn trong truyện ngắn này.

Bài 5. ÔNG LÃO VƯỜN CHIM

ANH ĐỨC

Tiểu dẫn

Anh Đức tên khai sinh (và cũng là một bút danh) là Bùi Đức Ái, sinh năm 1935, quê ở tỉnh An Giang. Anh Đức bắt đầu viết văn từ cuối những năm kháng chiến chống thực dân Pháp. Trong thời kì chiến tranh chống đế quốc Mĩ, Anh Đức hoạt động văn nghệ trong vùng giải phóng ở Nam Bộ. Ông được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (đợt II - năm 2000). Các tác phẩm chính : *Một truyện chép ở bệnh viện, Bức thư Cà Mau, Hòn Đất, Giấc mơ ông lão vườn chim* ...

Đoạn truyện *Ông lão vườn chim* dưới đây trích từ truyện ngắn *Giấc mơ ông lão vườn chim*, trong tập truyện cùng tên.

*

* *

Khoảnh rừng tràm cuối cùng bị bom dầu[1] đốt cháy đã được dập tắt. Ánh mặt trời nhạt dần trên những ngọn tràm. Sức nóng của một ngày nắng hạ và cháy lửa đã dịu hẳn xuống. Chiều lại đến, buổi chiều bả lả của U Minh và biển như đang lặng lờ ve vuốt các đám cháy còn nghi ngút khói, như đang rờ rẫm những vết thương chưa trút cơn đau của rừng.

Đứng bên cái khoảnh rừng bị cháy mới được dập tắt đó, một ông lão đen đúa cứ chống cuốc đứng nhìn trân trối[2] những

cây tràm bị cháy trụi gốc. Ông lão ở trần, đầu buộc khăn xước, mặc cái quần không ra quần ngắn mà cũng chẳng thành quần dài. Mồ hôi tươm tươm chảy ướt cả lưng ông lão, tấm lưng cháy nắng đen thui thủi và nhăn nheo. Đôi mắt ông lão từ nãy giờ không chớp lấy một cái, mà cả người ông cũng vậy, cứ im nguyên, như tì hẳn lên cái cán cuốc. Quanh ông còn có chừng một chục người đàn bà đứng tuổi, mấy cô du kích khoác súng bá đỏ[3] và ba bốn đứa con nít. Tất cả hình như đều ở dưới quyền chỉ huy của ông lão thì phải, bởi vì sau khi đứng ngó đám cháy một lúc lâu, bỗng thình lình ông lão đá hất cán cuốc, vung cao lưỡi cuốc lên và hô lớn :

– Thôi đi về, đi về !

Đám người kéo đi sau lưng ông lão, men ra phía bờ kinh[4]. Dọc đường, ông lão thộp được mấy con rùa bị bom nóng quá chạy trốn xuống dưới gò. Ông lão gọi mấy đứa nhỏ tới đưa cho nó. Mấy đứa nhỏ tay bợ[5] rùa, chân bám sát theo ông lão. Hễ hướng mắt ông lão ngó chỗ nào là tụi nó te te chạy tới chỗ đó, kiếm rùa. Đang đi lầm lũi, chợt ông lão quay ra sau nói :

tuongxua.vn

– Nè, ai làm siêng xuống phía dưới ngó mấy chỗ bị cháy, thế nào cũng kiếm được rùa ăn. Mẹ cha ba thằng Mĩ, nó cứ chơi cái mững[6] này độ ba trận nữa thì rùa rắn gì cũng bỏ đi hết ráo.

Đi tới một cụm rừng tràm có tiếng cò, diệc kêu vang rân, ông lão dừng lại. Trước khi lẩn vô cụm tràm đó, ông lão còn dặn với :

– Hừng đông, mấy đứa phải có mặt đông đủ ở chỗ chòi của tao nghe. Nhớ đem theo dao phảng[7] để chặt rễ cây.

Đám người nghe ông lão dặn thế thì đều dạ. Mặc dù ông lão nói câu nào câu ấy cứ như là hạ lịnh, nhưng ngó bộ ai nấy đều nghe ông răm rắp, chừng như họ có vẻ tin tưởng và kính nể ông dữ lắm.

Đám người đó đều đi về xóm bìa rừng, trừ một cô du kích thì cũng ghé vô cụm tràm với ông lão.

Ông lão về tới chòi, trời đã sụp tối. Cô du kích theo kịp ông lão, luồn trước vào chòi. Trong phút chốc, ánh đèn đã cháy lên. Ánh đèn chờn vờn soi rọi gian phòng có sàn lót bằng những cây tràm lột vỏ. Kể cả cái chòi cũng khá tươm, tuy không lớn như cái nhà, nhưng coi gọn ghẽ và kín đáo. Những thân tràm lót sàn lên nước bóng láng. Trong chòi có cả bếp nấu, sống chén [8], và ở cây cột giữa có treo một đờn gáo [9].

Ông lão dựng cuốc ở hè, nhưng chưa vào chòi. Trong khi cô gái nổi lửa bếp và bắt cá rộng [10] nơi lu đem đập đầu bôm bốp thì ông lão vẫn còn đứng ngoài sân. Bóng tối mỗi lúc một đen thẫm. Thế mà bên trái mái chòi, bên trên đầu ông lão, cò, diệc còn bay loạn xạ. Chúng kêu lên, vỗ cánh soàn soạt. Hình như những con cò, con diệc ấy nửa muốn đậu xuống, nửa muốn bay lìa khỏi cụm rừng. Ông lão đứng trong đêm nhập nhoạng đưa hai bàn tay nứt nẻ, dính đầy tro bụi sờ sờ bấu bấu lên ngực.

– Trời ơi ...! – Ông lão buột miệng kêu rên rỉ là vì giữa lúc đó ông lão đau đớn quá. Giữa lúc đó, ông lắng tai nghe thấy được những tiếng đập cánh phân vân, rõ ràng là lũ chim của ông đang không muốn bỏ đi, nhưng đáp xuống thì lại không dám.

"Chưa có trận nào như vậy, thiệt là chưa có mà !" – Ông lão lẩm bẩm tự nói.

Đêm tối trùm phủ cái vườn chim xao xác, trùm phủ bóng ông lão đứng ngước mắt nhìn lên. Tối nay thiệt là một đêm tối khác biệt, có thể nói là một đêm tối tai biến nhất đã xảy ra trong gần suốt bốn mươi năm kể từ khi ông lão tới đây coi giữ vườn chim. Tại góc rừng U Minh Hạ miệt[11] giáp biển hòn Đá Bạc này, ông lão đã sống gần trọn một đời. Trong ngót bốn mươi năm, bên mái chòi ông lão ngủ, hầu như không có lúc nào ngừng nghỉ tiếng chim kêu, tiếng chim vỗ cánh, tiếng của những chuyến đi và về của không biết cơ man nào là cò, diệc. Những năm tháng dài dặc đã gắn liền đời ông lão với khu vườn chim. Lâu rồi, ông có niềm vui sướng bình dị của riêng ông là chiều nào lũ chim cũng trở lại với ông, kêu lên những tiếng kêu như tiếng khánh, làm rộn rịp cả cụm rừng và vui vẻ bầu trời. Đời ông lão vất vả cực nhọc đã nhiều, cho nên nguồn vui của ông, nó cũng đơn sơ : tình ông đối với vườn chim này là một, và tình ông đối với bộ đội Giải phóng là hai. Thì chính có lần ông đã thốt : "Cái chi tao dứt bỏ được chớ cái vườn chim này với mấy thằng bộ đội thì tao không dứt ra được đâu".

truongxua.vn

Nói mấy thằng bộ đội tức là trong đó có cả thằng cháu nội của ông hiện tại ngũ mà chính cô du kích nổi lửa nấu cơm trong chòi là vợ chưa cưới của anh ta.

Cho tới bây giờ, cả xã ít có ai biết tên thiệt ông lão là gì.

Bà con nơi xóm bìa rừng đây thì vẫn thường gọi ông là ông Tư Vườn Chim.

Nay ông Tư Vườn Chim tuổi đã dư sáu chục rồi đó, thế mà cái vườn ông coi giữ đây còn cao tuổi hơn ông nhiều. Theo lời ông thì cò, diệc kéo đến làm tổ ở đây đã lâu, lâu lắm. Khi ông cùng vợ vác nóp[12] tới cắm chòi, cụm rừng này chim cò đã

tới nhiều. Ông nói trong buổi đi kiếm đất khai khẩn lạc lối, ông leo lên cây cao nhắm hướng, xảy thấy giữa khoảng rừng tràm xanh ngăn ngắt nổi lên một cụm rừng nhấp nhô những cánh chim lên lên xuống xuống, và ông thấy tất cả những ngọn tràm ở đó đều nhuốm trắng, trắng xóa. Bấy giờ, tuy còn ôm chặt thân cây nhưng ông đã kêu với vợ đứng dưới :

– Mình ơi, khỏe rồi, vợ chồng mình sống đặng rồi !

Quả là vợ chồng ông Tư Vườn Chim đã sống được ngay từ buổi đầu lặn lội tới U Minh nhờ ở cái vườn chim trời cho ấy, nhờ ở những con diệc, con cò mới ra ràng mà hai vợ chồng cào móc cho rơi xuống, bắt đem bán và đổi gạo. Rõ ràng thiên nhiên U Minh đã khoản đãi ông, đã bù đắp cho ông sự vất vả, cực nhục mà thời con trai ông sớm chịu đựng, nhưng chịu đựng riết không nổi phải bỏ làng dắt vợ đi miết tới chốn này. Nhưng hỡi ôi, thiên nhiên nào có khoản đãi ông được lâu. Sau khi vợ chồng ông cắm chòi giáp năm thì bỗng thình lình ngày nọ có mấy người mặc áo bành tô vàng ngồi xuồng đi từ Xép Biển vô bảo cho vợ chồng ông hay rằng cái vườn chim này đã có chủ chớ không phải vườn chim hoang, và người chủ phóng bông tiêu [13] lâu rồi, cớ sao hai vợ chồng dám lỏn vô ở, tự tiện bắt chim đem bán. Ông Tư nghe vậy mới bật ngửa, mồ hôi toát ướt cả người. Khi ông hỏi người chủ là ai, thì mấy người mặc áo bành tô vàng đó không thèm đáp, cứ chắp tay sau đít đi rảo rảo quanh chòi ngó coi chim cò, xầm xì to nhỏ cái chi với nhau. Lúc sắp xuống về họ mới nói tạt vào mặt ông là ông không lo sửa soạn đi ở tù còn ở đó gân cổ lên mà hỏi : "Người chủ là ai à ? Là ông hội đồng ở bên Phong Thạnh biết chưa ?".

Cái ông hội đồng bên Phong Thạnh mà ông Tư chưa hề biết mặt mũi ra sao đó, bỗng chốc trở thành ông chủ vườn chim. Còn ông Tư thì cũng chưa đến nỗi đi ở tù. Người ta nói là để giảm tội cho ông, ông phải ở lại chòi mà coi giữ vườn chim mà bắt chim giao cho ông hội đồng. Tóm lại, đáng ra ông mới chính là chủ vườn, thì trong nháy mắt ông biến thành kẻ đầy tớ. Ức quá, ông muốn dắt vợ bỏ đi chỗ khác thử kiếm kế mưu sinh lần nữa, nhưng ngặt vì lúc đó vợ ông đã có thai. Hơn

nữa, chốn này như là "thủy đã cùng, sơn đã tận" rồi còn biết đi đâu nữa.

Vậy là ông Tư Vườn Chim đành ở coi vườn cho ông hội đồng Phong Thạnh. Về sau ông hội đồng này bán đất cho Tây La-ghi, ông Tư lại là kẻ ở coi chim cho Tây La-ghi. Cách mạng tháng Tám thành công, ông Tư Vườn Chim như người chết đi sống lại. Lúc này vợ ông đã qua đời và đứa con trai cũng đã thành niên. Ông lo cưới vợ cho con. Khi Tây bắt đầu tấn công xuống miệt này, ông liền cho con trai đi Vệ quốc đoàn[14]. Mấy tháng sau, đứa con trai độc nhất của ông hi sinh trong trận Xẻo Rô, để lại vợ và một đứa con, cũng là con trai. Ông Tư Vườn Chim bao bọc cho con dâu và nuôi thằng cháu nội.

Hồi kháng chiến lần trước, vườn chim vẫn thuộc đất giải phóng nên ông Tư là người quản thủ[15] vườn chim cho quốc gia. Hòa bình lập lại, không lâu sau, bọn Diệm đóng đồn lớn ở Xép Biển, luồn sâu tới xóm bìa rừng lập hội đồng hương chính, tổ chức tự vệ hương thôn. Chúng bắt đầu giết người kháng chiến cũ một cách ác hại. Nhưng làm chi thì làm, khu vườn chim của ông và các cánh rừng tràm kế cận vẫn là chỗ tốt nhất cho anh em cán bộ cách mạng lánh né, ẩn náu. Trong mấy năm đó, ông chứng kiến biết bao cảnh thương tâm, và ông lại mất nốt đứa con dâu mà ông lão thương yêu rất mực. Đã nhiều lần, vì cảm thương cho tuổi trẻ góa bụa, ông đã lựa lời khuyên cho con dâu hãy gây dựng cuộc đời mới. Và để đứa con cho ông nuôi. Nhưng chị vợ góa của người Vệ quốc đoàn chỉ khóc, và cứ ở vậy, ngày ngày đi bắt chim với ông lão, nuôi con. Hồi đen tối, chị vẫn thường lần đi đem cơm cho anh em cán bộ trốn ngoài vườn tràm. Bọn ác ôn – tay sai của Mĩ – Diệm bắt được chị đi tiếp tế. Chúng mổ bụng chị tại vườn chim, nơi chị sống qua những ngày góa bụa để nuôi con khôn lớn.

... Trời đã tối rồi. Ông lão vẫn còn đứng ở vườn chim của ông. Hai bàn tay ông vẫn sờ bấu lên ngực. Trong phút chốc, ông lão thấy lại như in từng cảnh đời của ông.

Sự biến trong vườn chim do bom đạn Mĩ gây ra, nhưng đêm nay chính là cái nguyên cớ tái hiện trước mắt ông lão mọi sự

đời ông đã trải. Nó cầy vào lòng ông nỗi đau xót và phẫn nộ lặng thầm mỗi lúc một nghiến ngấu, mỗi lúc một sôi sục. Cộng vào đấy là nỗi lo âu không dứt về khu rừng đã bắt đầu bị phá phách, về con đường rừng dẫn ra sông Trẹm mà bộ đội thường đi lại bấy lâu kín đáo là thế, nay đột nhiên bị chúng thả bom dầu đốt. Ý định của bọn giặc đã rõ. Vì bị đánh mạnh ở bên kia sông Trẹm, bộ đội luồn qua rừng tràm dày bịt này để tiến đánh chúng và rút lui. Thế là từ phận sự coi vườn, ông lão lại còn thêm phận sự chỉ huy một đội cứu rừng. Hôm giao nhiệm vụ này cho ông, đồng chí trưởng ban quân sự xã bảo :

– Ông Tư à, trách nhiệm của bà con mình ở đây là phải giữ sao cho rừng được kín. Phải giữ lấy địa hình. Rừng không thể để cháy hết được, đây là vấn đề sống chết. Anh em bộ đội trông cậy ở bà con mình, cụ thể là bà con xã mình. Phần ông Tư, tụi tôi tin tưởng ông Tư lắm đó nghe !

Vẫn đứng giữa vườn chim, trong bóng đêm mịt mùng và trong tiếng chim xao xác trên đầu, ông lão từ từ nắm chặt hai bàn tay lại. Ông thấy tay mình hãy còn săn chắc lắm. "Tao đã già, nhưng chưa đến nỗi đâu. Tao sẽ cho tụi bây biết tay. Rừng này là của tao, dòng kinh này là của tao, cả vườn chim này nữa, tất cả đều là của tụi tao hết !" – Ông lão gầm gừ muốn thét thật to lời ấy.

thuongmaitr

Chú giải

(1) *Bom dầu* (cũng gọi bom xăng, bom na pan) : bom chứa xăng đặc để sát hại bằng gây cháy.

(2) *Nhìn trân trối* (tiếng địa phương Nam Bộ) : nhìn trân trân, nhìn chăm chú mãi vào một nơi.

(3) *Súng bá đỏ* : một loại súng trường (cách gọi quen dùng trong khẩu ngữ ở miền Nam thời chiến tranh chống đế quốc Mĩ).

(4) *Kinh* (tiếng địa phương Nam Bộ) : dòng kênh.

(5) *Bợ* : đỡ, bê.

(6) *Cái mững này* (tiếng địa phương Nam Bộ) : cái lối, cái kiểu này.

(7) *Phảng* : một dụng cụ để phát cỏ, có lưỡi to bản cán dài.

(8) *Sống chén* : chỗ để bát đĩa.

(9) *Đờn gáo* : đàn bầu.
(10) *Cá rộng* : cá thả (trong lu, vại).
(11) *Miệt* : vùng, miền.
(12) *Nóp* : bao cói lớn để nằm tránh muỗi.
(13) *Phóng bông tiêu* : cắm cọc tiêu để cắm đất.
(14) *Vệ quốc đoàn* : tên gọi quân đội ta thời kì đầu kháng chiến chống thực dân Pháp.
(15) *Quản thủ* : trông coi, quản lí.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Trong phần đầu của truyện, nhân vật ông lão vườn chim được miêu tả qua những nét dáng ngoại hình như thế nào ? (thân hình, ăn mặc, nước da, cử chỉ, hành động) Qua những nét ấy, em biết được gì về nhân vật này ? Tâm trạng của ông trước cảnh cánh rừng vườn chim bị đốt cháy được thể hiện qua những chi tiết, cử chỉ, lời nói nào, và đó là tâm trạng gì ?

2. Hình ảnh khu vườn chim xao xác vì bom Mĩ được miêu tả ra sao? Hình ảnh ấy gợi cho em cảm nghĩ gì ?

3. Em hãy thuật lại vắn tắt về cuộc đời ông Tư Vườn Chim được kể ở phần giữa của truyện. Những chi tiết, sự việc nào nói lên sự gắn bó sâu nặng của ông với khu vườn chim ?

4. Ở đoạn cuối, trong lời nói mà ông Tư Vườn Chim muốn thét to lên : "Tao đã già, nhưng chưa đến nỗi đâu. Tao sẽ cho tụi bây biết tay. Rừng này là của tao, dòng kinh này là của tao, cả vườn chim này nữa, tất cả đều là của tụi tao hết !", em thấy đã biểu lộ những suy nghĩ, tình cảm và quyết tâm gì của ông ?

5. Đoạn truyện này có màu sắc Nam Bộ rất rõ nét, thể hiện trong những hình ảnh thiên nhiên, cuộc sống con người, trong từ ngữ và lối nói. Em hãy tìm một số chi tiết, hình ảnh, từ ngữ để cho thấy màu sắc Nam Bộ của truyện.

Bài 6. TỪ CU-BA

TỐ HỮU

Tiểu dẫn

Ngày 1 tháng 1 năm 1959, dưới sự lãnh đạo của Phi-đen Ca-xtơ-rô, nhân dân Cu-ba đã làm cuộc cách mạng thắng lợi, lật đổ chế độ độc tài quân sự, giành tự do cho nhân dân và đưa nước Cu-ba đi vào con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cách mạng Cu-ba bị kẻ thù bao vây và tiến công nhưng vẫn đứng vững. Đất nước Cu-ba trở thành hòn đảo tự do, hòn đảo rực lửa cách mạng ở châu Mĩ.

Năm 1964, Tố Hữu đến thăm Cu-ba và bài thơ *Từ Cu-ba* được viết trong dịp ấy.

*

* *

Anh viết cho em, tự đảo này
Cu-ba, hòn đảo Lửa, đảo Say[1]
Ở đây say thật, say trời đất
Sóng biển say cùng rượu mật, say...

Nửa vòng trái đất rẽ tầng mây
Anh đến Cu-ba một sáng ngày
Nắng rực trời tơ[2] và biển ngọc[3]
Đảo tươi một dải lụa đào bay.

Em ạ, Cu-ba ngọt lịm đường
Mía xanh đồng bãi, biếc đồi nương
Cam ngon, xoài ngọt vàng nông trại
Ong lạc đường hoa, rộn bốn phương.

Anh mải mê nhìn, anh mải nghe
Múa reo theo gió, những thân kè[4]
Tóc xanh xõa bóng, hàng chân trắng
Có phải tiên nga[5] dự hội hè ? ...

*

thuongmaitr

Mừng bạn ngày vui, chén rượu đầy
Hết buồn, chưa hết nhớ chua cay
Em ơi, mía ngọt từng khi mặn
Máu trộn bùn vun gốc mía này.

Ngày xưa... bạn hỡi, mới dăm năm
Roi vọt trên lưng, thịt tím bầm
Như mía... Ngày xưa bao trận cháy
Đã bùng, như mía, lửa hờn căm !

*

Đêm đã qua rồi. Những buổi mai
Anh đi quanh phố, dọc đường dài
Biển xanh trước mặt, bao la biển
Gió lộng triều vui dội pháo đài[6].

Lởn vởn ngoài khơi những bóng ma
Hai con tàu Mĩ[7] ngó dòm ta
Ồ hay, bay vẫn ngu hoài vậy !
Chẳng thấy Cu-ba đứng đấy à ?[8]

*

Chào cô em gái, nữ dân quân
Súng vác ngang vai, đẹp tuyệt trần
Lóng lánh mắt đen nhìn biển biếc
Trưa hè đứng gác, giữ ngày xuân ![9]

Trông em mà tưởng ở quê nhà
Cô gái Hòn Gai canh biển xa
Nhớ chị miền Nam lùng đuổi giặc
Giữa lau Đồng Tháp, mía Tuy Hòa.

*

Ở đây với bạn, mỗi ngày qua
Anh nhớ vô cùng đất nước ta !
Mai mốt[10] em ơi, rời xứ bạn
Anh về, e lại nhớ Cu-ba...

uongxua.vn

8 - 1964

Chú giải

(1) *Đảo Lửa, đảo Say :* Cu-ba là một đảo lớn ở biển Ca-ri-bê, châu Mĩ. Tác giả gọi Cu-ba là đảo Lửa, đảo Say để nói lên đất nước Cu-ba là đất nước rực lửa đấu tranh cách mạng và con người say sưa với đất trời tươi đẹp và cuộc sống mới do cách mạng đưa lại.

(2) *Trời tơ :* trời nắng vàng rực rỡ óng ả như màu tơ vàng.

(3) *Biển ngọc :* biển xanh biếc như màu ngọc.

(4) *Kè :* cây cọ (cây có thân cao, lá xòe hình quạt, mọc quanh ngọn).

(5) *Tiên nga :* nàng tiên.

(6) *Pháo đài :* ở đây là pháo đài Mô-rô trên bờ biển thủ đô La Ha-ba-na của Cu-ba.

(7) *Tàu Mĩ :* hai chiến hạm Mĩ "Ốc-xpho" và "Con gấu" lúc đó thường xuyên đậu ở ngoài biển, đối diện với thủ đô La Ha-ba-na, để đe dọa và bao vây cách mạng Cu-ba.

(8) Sau câu này, có lược bỏ hai khổ thơ trong nguyên tác.

(9) *Giữ ngày xuân* : ở đây tác giả gọi cuộc sống mới trên đất nước Cu-ba là ngày xuân của đất nước. Ngày xuân cũng là tuổi trẻ. *Giữ ngày xuân* là bảo vệ hạnh phúc của tuổi trẻ, bảo vệ cuộc sống tươi đẹp do cách mạng Cu-ba thắng lợi mang lại cho đất nước.

(10) *Mai mốt* : mai kia.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tìm hiểu vẻ đẹp của đất nước Cu-ba và tình cảm của tác giả thể hiện trong các khổ thơ 1, 2, 3, 4.

Gợi ý : Tác giả nhắc lại từ "say" nhiều lần trong khổ 1 nhằm diễn tả ý gì ? Sắc trời, màu biển và hình dáng đất nước Cu-ba được miêu tả như thế nào ở khổ 2 ? Những từ ngữ, hình ảnh nào trong khổ 3 diễn tả vẻ đẹp của cảnh và sự phong phú của sản vật trên đất nước Cu-ba ? Hình ảnh những cây kè được miêu tả như thế nào, bằng biện pháp tu từ gì ở khổ 4 ? Tác giả ngầm so sánh cảnh đẹp Cu-ba với cảnh gì ? Tâm trạng, tình cảm của tác giả biểu hiện qua cách nhìn và miêu tả vẻ đẹp của Cu-ba như thế nào ?

2. Vì sao tiếp liền sau đoạn thơ miêu tả vẻ đẹp của đất nước Cu-ba, tác giả lại gợi nhớ về quá khứ đau buồn và hờn căm của đất nước ấy ? Tác giả dùng sự vật gì để gợi liên tưởng khi nói về điều đó ? Cách dùng sự vật làm biểu tượng như thế ở đây có tác dụng gì ?

3. Hình ảnh cô nữ dân quân Cu-ba trong khổ thơ thứ chín, theo cách nhìn của nhà thơ, có những nét nào "đẹp tuyệt trần" ? Vì sao trước hình ảnh ấy, tác giả đang ở trên đất nước Cu-ba mà lại "tưởng ở quê nhà" ?

thuongmaitr

4. Bài thơ này gợi lên trong em tình cảm gì với đất nước và con người Cu-ba ?

5. Em hãy tìm đọc thêm những tài liệu về đất nước và cách mạng Cu-ba để giúp hiểu sâu hơn bài thơ này.

Bài 7. DẾ MÈN PHIÊU LƯU KÍ[1]

TÔ HOÀI

Tiểu dẫn

Tô Hoài, tên khai sinh là Nguyễn Sen, sinh năm 1920 tại làng Nghĩa Đô, Từ Liêm, (nay thuộc quận Cầu Giấy), Hà Nội. Tô Hoài viết văn từ trước Cách mạng tháng Tám. Ông sáng tác rất nhiều, phong phú về đề tài và thể loại. Nét đặc sắc của văn Tô Hoài là ngòi bút miêu tả sinh hoạt, phong tục và thiên nhiên, loài vật rất sinh động, Tô Hoài còn là nhà văn có nhiều tác phẩm nổi tiếng viết cho thiếu nhi. Năm 1996, ông được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (đợt I).

Tác phẩm chính : *Dế Mèn phiêu lưu kí, Nhà nghèo, O chuột, Truyện Tây Bắc, Miền Tây, Tuổi trẻ Hoàng Văn Thụ, Đảo hoang...*

Dế Mèn phiêu lưu kí(*) kể về những cuộc phiêu lưu lí thú, đầy sóng gió của chàng Dế Mèn.

Dế Mèn là một chàng dế cường tráng, quen sống độc lập từ bé. Buổi đầu, Dế Mèn có tính kiêu ngạo, hung hăng, nhưng sau vài lần vấp váp, Dế Mèn đã rút ra được những bài học bổ ích và tỉnh ngộ dần.

Chán cảnh sống quẩn quanh, tầm thường bên bờ ruộng, Dế Mèn cất bước ra đi phiêu lưu để mở rộng tầm mắt "đi một ngày đàng học một sàng khôn" và để tìm ý nghĩa cuộc đời. Trên đường phiêu lưu, Dế Mèn đã thấy nhiều cảnh lạ, gặp nhiều chuyện rủi, chuyện may. Dế Mèn kết làm anh em với Dế Trũi, cùng Dế Trũi đi đây đi đó, trôi giạt nhiều nơi. Dế Mèn đã từng tranh hùng với võ sĩ Bọ Ngựa, được tôn làm thủ lĩnh tổng Châu Chấu, lại đã từng bị bắt giam trong hầm kín của lão Chim Trả. Dù trải qua nhiều khó khăn, nguy hiểm nhưng Dế Mèn không nản lòng, lùi bước. Dế Mèn đã cùng Dế Trũi và các bạn đường chống lại những điều ngang trái, bất công ở đời.

Cuối cùng, đã qua nhiều nơi, trò chuyện và bạn bè đã nhiều, Dế Mèn và các bạn đường hiểu ra rằng "ai cũng có lòng tốt, cũng muốn làm ăn yên ổn" nên đã lặn lội đi khắp nơi để cổ động cho ước nguyện "muôn loài cùng nhau kết anh em", được các loài vật nhiệt liệt hưởng ứng.

Mặc dù còn có ít nhiều tính chất bồng bột ngây thơ trong nhận thức và lí giải những vấn đề xã hội (cho rằng nguyên nhân của xung đột, chiến tranh là do không hiểu nhau, tưởng rằng có thể dùng lời hô hào kêu gọi, thuyết phục là đoàn kết được muôn loài để xây dựng một "thế giới đại đồng"), nhưng Dế Mèn là một hình ảnh đẹp của tuổi trẻ : say mê lí tưởng, dũng cảm và trung thực, rất đáng yêu.

uongxua.vn

Dế Mèn phiêu lưu kí thể hiện tài quan sát tinh tường, sự hiểu biết và lòng yêu mến thế giới loài vật của Tô Hoài, cùng ngòi bút miêu tả và kể chuyện sinh động, hóm hỉnh của nhà văn. Tác phẩm đã dựng lên một thế giới loài vật thật sinh động, trong trẻo, ngộ nghĩnh, rất gần gũi với tâm lí tuổi niên thiếu.

Dưới đây là ba đoạn trích từ các chương I, VI và IX của tác phẩm dựa theo bản in của NXB Kim Đồng, H, 1983.

*

*   *

(*) Năm 1941, Tô Hoài viết truyện *Con Dế Mèn*, sau đó viết tiếp *Dế Mèn phiêu lưu kí*. Năm 1955, tác giả gộp hai tác phẩm trên, có sửa chữa, bổ sung, thành truyện *Dế Mèn phiêu lưu kí* như hiện nay. Tác phẩm được in lại nhiều lần và dịch ra nhiều thứ tiếng, xuất bản ở nhiều nước. Tác giả đã được tặng bằng khen của Hội đồng hòa bình thế giới về tác phẩm này. Chương trình CCGD xếp *Dế Mèn phiêu lưu kí* vào lớp 6. Nay tạm giữ nguyên vị trí ấy.

Chương I – TÔI SỐNG ĐỘC LẬP TỪ THUỞ BÉ – MỘT SỰ NGỖ NGHỊCH ĐÁNG ÂN HẬN SUỐT ĐỜI

Tôi sống độc lập từ thuở bé. Ấy là tục lệ lâu đời trong họ dế chúng tôi.

Vả lại, mẹ thường bảo chúng tôi rằng : "Phải như thế, để các con biết kiếm ăn một mình cho quen đi. Con cái mà cứ nhong nhóng ăn bám vào bố mẹ thì chỉ sinh ra tính ỷ lại, xấu lắm, rồi ra đời không làm nên trò trống gì đâu". Bởi thế, lứa sinh nào cũng vậy, đẻ xong là mẹ tôi nghĩ ngay đến việc thu xếp cho con cái ra ở riêng.

Lứa sinh ấy, chúng tôi có cả thảy ba anh em. Ba anh em chúng tôi chỉ ở với mẹ hai hôm. Tới hôm thứ ba, mẹ đi trước, ba đứa tôi tấp tểnh, khấp khởi, nửa lo nửa vui, theo sau. Mẹ dẫn chúng tôi đi và mẹ đem đặt mỗi đứa vào một cái hang đất ở bờ ruộng phía bên kia, chỗ trông ra đầm nước mà không biết mẹ đã chịu khó đào bới, be đắp tinh tươm thành hang, thành nhà cho chúng tôi từ bao giờ.

Tôi là em út, bé nhất, nên được mẹ tôi, sau khi dắt vào hang lại bỏ theo một ít ngọn cỏ non trước cửa, để tôi, nếu còn bỡ ngỡ, thì đã có thức ăn sẵn trong vài ngày. Rồi mẹ tôi trở về.

Tôi cũng không buồn. Trái lại, còn lấy làm khoan khoái vì được ở một mình nơi thoáng đãng, mát mẻ. Tôi vừa thầm cám ơn mẹ, vừa sạo sục thăm tất cả cái hang mẹ đưa đến ở. Khi đã xem xét cẩn thận rồi, tôi ra đứng ngoài cửa, ngửng mặt lên nhìn trời. Qua những ngọn cỏ ấu nhọn và sắc, tôi thấy màu trời trong xanh. Tôi dọn giọng, vũ đôi cánh nhỏ mới ngấn đến nách, rồi cao hứng gáy lên mấy tiếng rõ to.

Từ đấy, tôi bắt đầu vào cuộc đời của tôi. Cho dù tôi sẽ sung sướng hay tôi khổ sở, cái đó tùy ở như tính tình tôi khôn ngoan hoặc đần độn. Song tôi chưa cần biết đến thế, tính đến thế. Mà hãy lấy sự được ung dung độc lập một mình là điều thích lắm rồi.

Ngày nào cũng vậy, suốt buổi, tôi chui vào trong cùng hang, hì hục đào đất để khoét một cái ổ lớn làm thành cái giường

thuongmaitr

ngủ sang trọng. Rồi, cũng biết lo xa như các cụ già trong họ dế, tôi đào hang sâu sang hai ngả làm những con đường tắt, những cửa sau, những ngách thượng, phòng khi gặp việc nguy hiểm, có thể thoát thân ra lối khác được.

Chập tối, tôi tạm nghỉ tay và đứng ngoài cửa, họp cùng anh chị em hàng xóm quanh bờ ruộng, vừa gảy đàn vừa hát một bài hát hoàng hôn chào tạm biệt ông mặt trời.

Khi đêm đã xuống hẳn, cả xóm chúng tôi, các bô lão dế lụ khụ già cốc đế cũng bỗng nhiên vui tính, ai nấy ra khỏi hang, đến tụ hội thật đông tận giữa bãi trong đêm tối mát lạnh, cùng uống sương đọng, ăn cỏ ướt, và những gã tài hoa thì gảy đàn thổi sáo, cùng nhau ca hát, nhảy múa linh đình đến tận sáng bạch, lúc ông mặt trời quen thuộc lại nghiêm trang ló lên đằng đông, mới tan cuộc, ai về nhà nấy.

Ngày nào, đêm nào, sớm và chiều nào cũng ngần ấy thứ việc, thứ chơi. Kể đời mà được như thế cũng khá an nhàn, nhưng mới đầu còn thấy hay hay, về sau cũng nhàm dần.

truongxua.vn

Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm. Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng. Đôi càng tôi mẫm bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt. Thỉnh thoảng muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đạp phành phạch vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua. Đôi cánh tôi, trước kia ngắn hủn hoẳn,[2] bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi. Mỗi khi tôi vũ lên, đã nghe tiếng phành phạch giòn giã. Lúc tôi đi bách bộ thì cả người tôi rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn. Đầu tôi to ra và nổi từng tảng, rất bướng. Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc. Sợi râu tôi dài và uốn cong một vẻ rất đỗi hùng dũng. Tôi lấy làm hãnh diện với bà con về cặp râu ấy lắm. Cứ chốc chốc tôi lại trịnh trọng và khoan thai đưa cả hai chân lên vuốt râu.

Tôi đi đứng oai vệ. Mỗi bước đi, tôi làm điệu nhún nhảy các khoeo chân, rung lên rung xuống hai chiếc râu. Cho ra kiểu

cách con nhà võ. Tôi tợn lắm. Dám cà khịa[3] với tất cả mọi bà con trong xóm. Khi tôi to tiếng thì ai cũng nhịn, không ai đáp lại. Bởi vì quanh quẩn, ai cũng quen thuộc mình cả. Không nói, có lẽ họ nể hơn là sợ. Nhưng tôi lại tưởng thế là không ai dám ho he. Ấy vậy, tôi cho là tôi giỏi. Những gã xốc nổi thường lầm cử chỉ ngông cuồng là tài ba. Tôi đã quát mấy chị Cào Cào ngụ ngoài đầu bờ, khiến mỗi lần thấy tôi đi qua, các chị phải núp khuôn mặt trái xoan dưới nhánh cỏ, chỉ dám đưa mắt lên nhìn trộm. Thỉnh thoảng, tôi ngứa chân đá một cái, ghẹo anh Gọng Vó lấm láp vừa ngơ ngác dưới đầm lên. Tôi càng tưởng tôi là tay ghê gớm, có thể sắp đứng đầu thiên hạ rồi.

Chao ôi, có biết đâu rằng : hung hăng, hống hách láo chỉ tổ đem thân mà trả nợ những cử chỉ ngu dại của mình thôi. Tôi đã phải trải cảnh như thế. Thoát nạn rồi, mà còn ân hận quá, ân hận mãi. Thế mới biết, nếu đã trót không suy tính, lỡ xảy ra những việc dại dột, dù về sau có hối cũng không thể làm lại được.

Câu chuyện ân hận đầu tiên mà tôi ghi nhớ suốt đời.

thuongmaitr

Bên hàng xóm tôi có cái hang của Dế Choắt. Dế Choắt là tên tôi đã đặt cho nó một cách chế giễu và trịch thượng thế. Choắt nọ có lẽ cũng trạc tuổi tôi. Nhưng vì Choắt bẩm sinh yếu đuối nên tôi coi thường và gã cũng sợ tôi lắm.

Cái chàng Dế Choắt, người gầy gò và dài lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện. Đã thanh niên rồi mà cánh chỉ ngắn củn đến giữa lưng, hở cả mạng sườn như người cởi trần mặc áo gi-lê. Đôi càng bè bè, nặng nề, trông đến xấu. Râu ria gì mà cụt có một mẩu, và mặt mũi thì lúc nào cũng ngẩn ngẩn ngơ ngơ. Đã vậy, tính nết lại ăn xổi ở thì[4] (thật chỉ vì ốm đau luôn, không làm được), có một cái hang ở cũng chỉ bới nông sát mặt đất, không biết đào sâu rồi khoét ra nhiều ngách như hang tôi.

Một hôm, tôi sang chơi, thấy trong nhà luộm thuộm, bề bộn, tôi bảo :

– Sao chú mày sinh sống cẩu thả quá như thế ! Nhà cửa đâu mà tuềnh toàng. Ngộ có kẻ nào đến phá thì thật chú chết ngay đuôi ! Này thử xem : khi chú chui vào tổ, lưng chú phải lồm cồm đụng sát lên tận mặt đất, làm cho ai trên vệ cỏ nhìn sang cũng biết chú đương đi đứng chỗ nào trong tổ. Phỏng thử có thằng chim Cắt nó nhòm thấy, nó tưởng mồi, nó mổ một phát, nhất định trúng giữa lưng chú, thì chú có mà đi đời ! Ôi thôi, chú mày ơi ! Chú mày có lớn mà chẳng có khôn.

Ngẫm ra thì tôi chỉ nói lấy sướng miệng tôi. Còn Dế Choắt than thở thế nào, tôi cũng không để tai. Hồi ấy, tôi có tính tự đắc cứ miệng mình nói tai mình nghe chứ không biết nghe ai, thậm chí cũng chẳng để ý có ai nghe mình không.

Dế Choắt trả lời tôi bằng một giọng rất buồn rầu :

– Thưa anh, em cũng muốn khôn nhưng khôn không được. Đụng đến việc là em thở rồi, không còn hơi sức đâu mà đào bới nữa. Lắm khi em cũng nghĩ nỗi nhà cửa như thế này là nguy hiểm, nhưng em nghèo sức quá, em đã nghĩ ròng rã hàng mấy tháng cũng không biết làm thế nào. Hay là bây giờ em nghĩ thế này... Song anh có cho phép nói em mới dám nói.

uongxua.vn

Rồi Dế Choắt loanh quanh, băn khoăn. Tôi phải bảo :

– Được, chú mình cứ nói thẳng thừng ra nào.

Dế Choắt nhìn tôi mà rằng :

– Anh đã nghĩ thương em như thế thì hay là anh đào giúp cho em một cái ngách sang bên nhà anh, phòng khi tắt lửa tối đèn[5] có đứa nào đến bắt nạt thì em chạy sang ...

Chưa nghe hết câu, tôi đã hếch răng lên, xì một hơi rõ dài. Rồi, với điệu bộ khinh khỉnh, tôi mắng :

– Hức ! Thông ngách sang nhà ta ? Dễ nghe nhỉ ! Chú mày hôi như cú mèo thế này, ta nào chịu được. Thôi im cái điệu hát mưa dầm sùi sụt ấy đi. Đào tổ nông thì cho chết !

Tôi về, không một chút bận tâm.

Một buổi chiều, tôi ra đứng cửa hang như mọi khi, xem hoàng hôn xuống.

Mấy hôm nọ, trời mưa lớn, trên những hồ ao quanh bãi trước mặt, nước dâng trắng mênh mông. Nước đầy và nước mới thì cua cá cũng tấp nập xuôi ngược, thế là bao nhiêu cò, sếu, vạc, cốc, le, sâm cầm, vịt trời, bồ nông, mòng, két ở các bãi sông xơ xác tận đâu cũng bay cả về vùng nước mới để kiếm mồi. Suốt ngày, họ cãi cọ om bốn góc đầm, có khi chỉ vì tranh một mồi tép. Có những anh Cò gầy vêu vao ngày ngày bì bõm lội bùn tím cả chân mà vẫn hếch mỏ, chẳng được miếng nào. Khổ quá, những kẻ yếu đuối, vật lộn cật lực thế mà cũng không sống nổi. Tôi đứng trong bóng hoàng hôn tỏa xuống ánh nước cửa hang mà suy nghĩ việc đời như thế.

Bỗng thấy chị Cốc từ mặt nước bay lên, đến đậu gần hang tôi, cách có mấy bước. Chừng rớ[6] được món nào, vừa chén xong chị ta tìm đến đứng chỗ mát rỉa lông, rỉa cánh và chùi mép.

Tính tôi hay nghịch ranh. Chẳng bận đến tôi, tôi cũng nghĩ mưu trêu chị Cốc. Tôi cất tiếng gọi Dế Choắt. Nghe tiếng thưa, tôi hỏi :

– Chú mình muốn cùng tớ đùa vui không ?

– Đùa trò gì ? Em đương lên cơn hen đây ! Hừ hừ...

thuongmaitr

– Đùa chơi một tí.

– Hừ... hừ... Cái gì thế ?

– Con mụ Cốc kia kìa.

Dế Choắt ra cửa, hé mắt nhìn chị Cốc. Rồi hỏi tôi :

– Chị Cốc béo xù đứng trước cửa nhà ta ấy hả ?

– Ừ.

– Thôi thôi... hừ hừ... Em xin bái cả sáu tay. Anh đừng trêu vào... Anh phải sợ...

Tôi quắc mắt :

– Sợ gì ? Mày bảo tao sợ cái gì ? Mày bảo tao còn biết sợ ai hơn tao nữa !

– Thưa anh, thế thì... hừ hừ... Em xin sợ. Mời anh cứ đùa một mình thôi.

Tôi lại mắng Dế Choắt và bảo :

– Giương mắt ra xem tao trêu con mụ Cốc đây này.

Tôi rình đến lúc chị Cốc rỉa cánh quay đầu lại phía cửa tổ tôi, tôi cất giọng véo von :

Cái Cò, cái Vạc, cái Nông
Ba cái cùng béo, vặt lông cái nào ?
Vặt lông con mẹ Cốc cho tao
Tao nấu, tao nướng, tao xào, tao ăn.

Chị Cốc thoạt nghe tiếng hát từ trong đất văng vẳng lên, không hiểu như thế nào, giật nẩy hai đầu cánh, muốn bay. Đến khi định thần lại, chị mới trợn tròn mắt, giương cánh lên, như sắp đánh nhau. Chị lò dò về phía cửa hang tôi, hỏi :

– Đứa nào cạnh khóe[7] gì tao thế ? Đứa nào cạnh khóe gì tao thế ?

Tôi chui tọt ngay vào hang, lên giường nằm khểnh bắt chân chữ ngũ. Bụng nghĩ thú vị : "Mày tức thì mày cứ tức, mày ghè vỡ đầu mày ra cho nhỏ đi, nhỏ đến đâu thì mày cũng không chui nổi vào tổ tao đâu !".

uongxua.vn

Một tai họa đến mà đứa ích kỉ thì không thể biết trước được. Đó là : không trông thấy tôi, nhưng chị Cốc đã trông thấy Dế Choắt đang loay hoay trong cửa hang. Chị Cốc liền quát lớn :

– Mày nói gì ?

– Lạy chị, em nói gì đâu !

Rồi Dế Choắt lủi vào.

– Chối hả ? Chối này ! Chối này !

Mỗi câu "chối này", chị Cốc lại giáng một mỏ xuống. Mỏ Cốc như cái dùi sắt, chọc xuyên cả đất. Rúc trong hang mà bị trúng hai mỏ, Choắt quẹo xương sống, lăn ra, kêu váng. Núp tận đáy đất mà tôi cũng khiếp, nằm im thít. Nhưng đã hả cơn tức, chị Cốc đứng rỉa lông cánh một lát nữa rồi lại bay là xuống đầm nước, không chút để ý cảnh đau khổ vừa gây ra.

Biết chị Cốc đi rồi tôi mới mon men bò lên. Trông thấy tôi, Dế Choắt khóc thảm thiết.

Tôi hỏi một câu ngớ ngẩn :

– Sao ? Sao ?

Choắt không dậy được nữa, nằm thoi thóp. Thấy thế, tôi hốt hoảng quỳ xuống, nâng đầu Choắt lên mà than rằng :

– Nào tôi đâu biết cơ sự lại ra nông nỗi này ! Tôi hối lắm ! Tôi hối hận lắm ! Anh mà chết là chỉ tại cái tội ngông cuồng dại dột của tôi. Tôi biết làm thế nào bây giờ ?

Tôi không ngờ Dế Choắt nói với tôi một câu như thế này :

– Thôi, tôi ốm yếu quá rồi, chết cũng được. Nhưng trước khi nhắm mắt, tôi khuyên anh : ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy.

Thế rồi Dế Choắt tắt thở. Tôi thương lắm. Vừa thương vừa ăn năn tội mình. Giá tôi không trêu chị Cốc thì đâu đến nỗi Choắt việc gì. Cả tôi nữa, nếu không nhanh chân chạy vào hang thì tôi cũng chết toi rồi !

Tôi đem xác Dế Choắt đến chôn vào một vùng cỏ um tùm. Tôi đắp thành nấm mộ to. Tôi đứng lặng giờ lâu, nghĩ về bài học đường đời đầu tiên.

thuongmaitr

Chú giải

(1) *Dế Mèn phiêu lưu kí* : (*kí* : thể văn ghi chép những câu chuyện, sự việc) ghi chép, kể lại những cuộc phiêu lưu của Dế Mèn.

(2) *Ngắn hủn hoẳn* : (từ ít dùng) ngắn lắm, ngắn đến nỗi khó coi ; cũng như ngắn cũn cỡn.

(3) *Cà khịa* : gây chuyện để cãi nhau, đánh nhau không có lí do gì đáng kể.

(4) *Ăn xổi ở thì* : thành ngữ chỉ cách sống tạm bợ cho qua ngày, không tính đến lâu dài.

(5) *Tắt lửa tối đèn* : thành ngữ chỉ lúc khó khăn hoạn nạn.

(6) *Rớ* : bắt được một cách tình cờ, ngẫu nhiên.

(7) *Cạnh khóe* : nói bóng gió, ám chỉ nhằm châm chọc, xoi mói.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Hình ảnh Dế Mèn trong đoạn văn từ : "Bởi tôi ăn uống điều độ..." đến "... Không thể làm lại được " đã được miêu tả sinh động làm hiện rõ từ ngoại hình đến tính nết như thế nào ? (Hình dáng, các bộ phận thân thể, cử chỉ, điệu bộ, đi đứng, thái độ với người khác, hành động) Qua đó em thấy những nét đẹp nào và những gì chưa đẹp ở Dế Mèn ?

2. Em hãy thuật lại và nhận xét về diễn biến tâm trạng , hành động của Dế Mèn trong đoạn tả Dế Mèn "nghịch ranh" trêu chị Cốc để gây ra tai họa thảm thương cho Dế Choắt.

(*Gợi ý :* Khi mắng Dế Choắt nhát gan, Dế Mèn tỏ vẻ gì ? Dế Mèn trêu chị Cốc để làm gì và đã làm như thế nào để trêu chọc chị Cốc ? Sau khi hát trêu chị Cốc, Dế Mèn làm gì ? Việc ấy chứng tỏ điều gì ở Dế Mèn ? Khi Dế Choắt bị mổ đau kêu váng lên, thì thái độ của Dế Mèn ra sao ? Khi Dế Choắt chết, tâm trạng, ý nghĩ của Dế Mèn như thế nào ?)

3. "Bài học đường đời đầu tiên" mà Dế Mèn rút ra được qua câu chuyện với Dế Choắt là gì ? Qua câu chuyện đáng ân hận của Dế Mèn, tác giả muốn khuyên bạn đọc điều gì ?

4. Tập đọc diễn cảm đoạn từ : " Bởi tôi ăn uống điều độ..." đến "...không thể làm lại được".

uongxua.vn

*

* *

Trích chương VI – TRANH HÙNG(1) VỚI VÕ SĨ BỌ NGỰA – CHÁNH PHÓ THỦ LĨNH TỔNG CHÂU CHẤU – THỀ RẰNG SINH TỬ CÓ NHAU

Hàng cây, mà lúc còn ở ngoài bãi chúng tôi trông thấy mờ xanh xanh, là cánh rừng cỏ may. Bấy giờ mặt đất đương mùa hoa may. Chúng tôi đi mịt mờ dưới bóng hoa may. Trông suốt bốn phía chân trời đâu cũng phất lên một màu trắng bàng bạc, xam xám những ngù bông hoa may.

Trong rừng hoa cỏ may ấy ngụ những xóm Chuồn Chuồn. Đối với Chuồn Chuồn, họ Dế chúng tôi là láng giềng lâu năm. Hang dế thường ở quanh bãi và gần hồ ao. Chuồn Chuồn hay đậu trên ngọn cỏ cao bên bờ nước. Bởi thế, đã thành thói quen như bức tranh sơn thủy thì phải có núi, có sông, chàng Dế và chàng Chuồn Chuồn cứ mùa hè đến lại gặp nhau ở bờ cỏ, anh

đậu ngọn, anh nằm gốc. Trong đám cỏ có khi nắng chang chang – Chuồn Chuồn thật khỏe chịu nắng – chúng tôi thường sôi nổi đàm luận việc đời, thích nhất là những chuyện đường xa.

Xóm ấy trú ngụ đủ các chi họ Chuồn Chuồn. Chuồn Chuồn Chúa lúc nào cũng như dữ dội, hùng hổ, nhưng kì thực trông kĩ đôi mắt lại rất hiền. Chuồn Chuồn Ngô nhanh thoăn thoắt, chao cánh một cái đã biến mất. Chuồn Chuồn Ớt rực rỡ trong bộ áo quần đỏ chót giữa ngày hè chói lọi, đi đằng xa đã thấy. Chuồn Chuồn Tương có đôi cánh kép vàng điểm đen thường bay lượn quanh bãi những hôm nắng to. Lại anh Kìm Kìm Kim lúc nào cũng lẩy bẩy như mẹ đẻ thiếu tháng, chỉ có bốn mẩu cánh tí tẹo, cái đuôi bằng chiếc tăm dài nghêu, đôi mắt lồi to hơn đầu, cũng đậu ngụ cư vùng này.

Họ nhà Chuồn Chuồn cứ miên man đi tha phương cầu thực[2] nhưng hễ khi trời sắp giông gió thì lại bay qua đồng hoa cỏ may tìm về tránh mưa trong chân cỏ.

Chúng tôi vừa đến, đi suốt đoạn đường, thấy các làng Chuồn Chuồn ai cũng hớn hở trong xống áo mới tinh giữa hoa may. Họ đương sắp đi. Tôi hỏi đi đâu. Đáp rằng đi xem hội thi võ. Trên trời, Chuồn Chuồn bay sát cánh, rợp cả nắng. Cậu Kìm Kìm Kim gầy còm chỉ lượn được dưới thấp, nhưng cũng tung tăng ra dáng lắm. Tôi hỏi thêm thế thì như anh em chúng tôi muốn đi xem hội thi võ có được không ? Đáp rằng có.

Thế là chúng tôi đi trẩy hội theo Chuồn Chuồn. Họ bay trên không, chúng tôi đi dưới. Đôi lúc khoái chí tôi cũng cất cánh bay chơi một quãng. Trên đường còn gặp vô khối khách nô nức trẩy hội. Vui lắm. Cả những ông Niềng Niễng đen nháy quanh năm không ra khỏi mép cái lá sen mặt nước cũng lịch kịch cất bước ra đi.

Sự tích hội thi võ như thế này :

Nguyên ở vùng cỏ, hằng năm đến mùa hoa may chín trắng bạc khắp miền thì có hội lệ. Năm ngoái, cụ Bọ Ngựa già ốm yếu đã khuất núi. Năm nay, dân cả vùng, nhân hội hoa may, mở luôn hội thi võ kén ai tài giỏi nhất để đứng ra coi sóc việc chung trong vùng. Đó cũng là phong tục lâu năm của miền cỏ may.

thuongmaitr

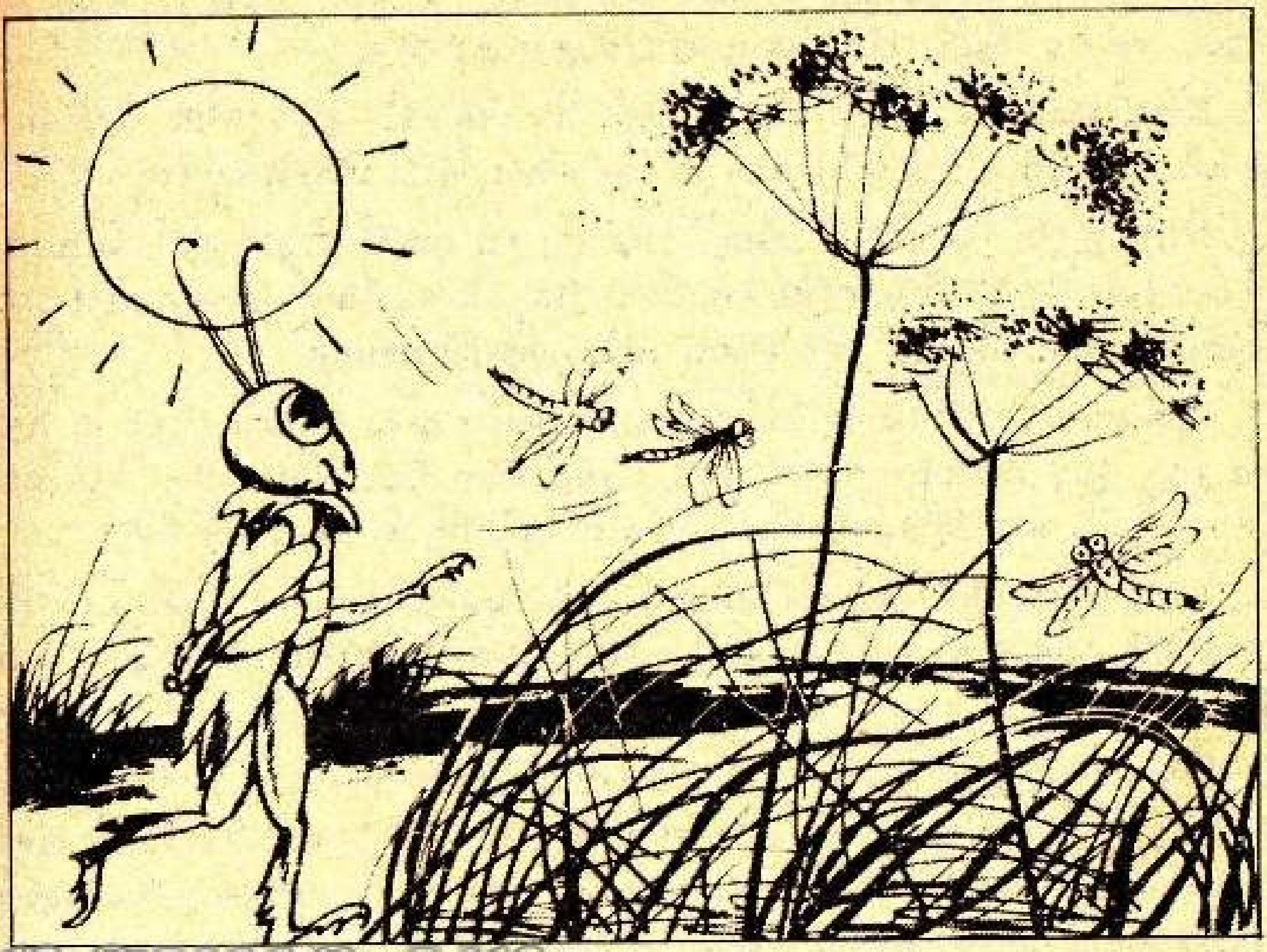

uongxua.vn

Giữa vùng cỏ may, chân cỏ đỏ tía, đầu hoa xám trắng và lóng lánh, dựng lên võ đài nguy nga cao, toàn bằng gỗ cây lau ngà vàng, đứng cuối bãi trông lên cũng thấy rõ mồn một. Đài võ chắc chắn, đẹp, có ghế ông cầm trịch (3) ngồi, trên lợp lá cỏ mật và treo từng chùm hoa kê vàng mọng buông xuống, lắc lư trong gió.

Những hôm đầu là đấu loại. Nhiều anh Châu Chấu vừa nứt mắt đã bắng nhắng lên đài. Ngựa non háu đá, những gã ngông nghênh đó thật ra chưa có nổi ba hột sức. Mới tự chân mình đá ra mấy cái cũng đã run rẩy cả người rồi đứng thở hồng hộc. Vì thế chỉ có các anh ấy tưởng võ mình là tuyệt thôi, còn khách xem thấy cuộc đấu loạc choạc, ngấy, họ đi chơi hội hơn là xem thi võ.

Mấy ngày sau, võ đài mới bắt đầu rầm rộ. Bởi vì những tay võ kém đã bị lọc hết. Bao nhiêu cậu ti toe đều bạt xuống chân

đài cả rồi. Chỉ còn lại có hai tay cứng vào đấu vòng cuối là Bọ Muỗm và Bọ Ngựa. Hai tráng sĩ trong vùng đấy.

Sáng hôm ấy, trước khi ra xem thi đấu, tôi một mình dạo chơi quanh bãi, nhìn thiên hạ kéo tới xem hội, chật như nêm cối.

Những chị Cào Cào trong làng ra, mĩ miều áo đỏ, áo xanh mớ ba mớ bảy, bước từng chân chầm chậm, khoan thai, khuôn mặt trái xoan như e thẹn, như làm dáng, như ngượng ngùng.

Các anh Châu Chấu Ma thì mặt mũi rất xí nhưng chúa là hay lon ton đón đường co kéo các nàng Cào Cào xinh đẹp vào trò chuyện vẩn vơ trong vườn cỏ non – những hàng quán dọc đường.

Thấy bụng đoi đói, tôi cũng tạt vào quán làm vài nhánh cỏ lót dạ. Đông khách quá, Châu Chấu, Cào Cào, Bọ Muỗm, Bọ Ngựa rậm rịch ra vào.

Bỗng mấy chú Châu Chấu Ma đang nhảy nhót khoe tài quanh các nàng Cào Cào, vội né giạt về một bên. Rồi trong cửa hàng chợt im tiếng ồn ào. Tôi thấy trịnh trọng tiến vào một anh Bọ Ngựa. Người ngợm anh Bọ Ngựa này cũng bình thường thôi, nhưng chưa hiểu sao anh làm ra lối quan dạng[4] đến thế. Anh đi cứ chân nhấc từng bước cao ngang đầu gối kiểu bước chân ngỗng, cách thức rất ta đây kẻ giờ[5] và hách dịch[6]. Cái khấc cổ vươn ra. Cái mặt ngắn củn nhưng cái cằm vuông bạnh lên. Con mắt đu đưa tưởng như ai xung quanh chỉ còn có việc thán phục nhìn anh ta. Hai sợi râu óng ả mấp máy phất lên phất xuống. Hai lưỡi gươm bên mạng sườn, lưỡi có răng cưa, luôn luôn co vào trước ngực, ra lối ta đây con nhà võ đi đứng đúng thế võ, lúc nào cũng giữ miếng.

Trông bộ tịch anh ta như thế, nhưng tôi cũng không để tâm. Bởi vì tôi đã biết thường những anh tính hay khoe thì cái gì cũng ra miệng hết và chỉ có ở miệng chứ trong bụng nhiều khi chẳng cóc khô gì. Như anh này, chắc có mấy miếng võ xoàng thì đã trổ ra tay chân mặt mũi cả rồi, chẳng còn gì để phải chú ý nữa.Vả chăng, tôi cũng đâu cần để mắt đến cái oai rơm rác và lố bịch ấy ! Có nghĩa là lúc đó tôi vẫn đủng đỉnh giữa cửa quán hàng cỏ như không biết có võ sĩ Bọ Ngựa đi vào.

Thấy thế, Bọ Ngựa bổ luôn cho tôi một nhát gươm vào đầu. Tôi đau điếng.

Tôi nhảy trái, đá hậu cú song phi[7]. Hắn né được và co hai gươm định quạng tôi nữa.

Thấy có xung đột, bao nhiêu khách hàng bỏ chạy hết.

Các chị Cào Cào hốt hoảng nhảy tung, rách cả vạt áo màu. Chỉ khổ bác Cành Cạch đã cao tuổi, lại to lớn, chạy vướng cái áo dài lụng thụng, ngã ngoẹo càng, nằm cong chân, xõa cánh, kêu trời kêu đất.

Nhưng gã Bọ Ngựa không xông vào nữa mà chỉ giơ gươm trỏ mặt tôi, bảo :

– Có giỏi, chốc nữa lên đài !

Tôi cười khểnh, nói lịch sự mỉa mai :

– Rất hân hạnh.

Sau đó, Bọ Ngựa, thật tức cười, lại trịnh trọng, khuỳnh khuỳnh bước kiểu chân ngông đúng như lúc nãy. Nhưng bước ra, đi cút luôn mất. Đám đông dần dần trở lại, quán cỏ lại chen chân mới vào được. Bây giờ họ xúm quanh tôi. Bác Cành Cạch ngã lúc này đã dậy được, nhô cái mũi nhọn lên thở hổn hển nói :

– Chú mình ơi ! Chú mình dại thế ! Chắc chú mình ở xa đến chưa biết. Ông ấy là cháu đích tôn cụ võ sư Bọ Ngựa, cả vùng này không ai dám động đến cái lông chân ông ấy đâu. Ông ấy phen này hẳn tranh được chân trạng võ nối chức cụ võ sư Bọ Ngựa rồi. Chú mày biết điều thì mau mau tránh đi nơi khác là hơn cả.

Tôi nói :

– Cám ơn chư vị. Bình sinh[8] trên đời tôi không hề biết sợ lời đe dọa nào cả.

Bác Cành Cạch còn làu bàu phàn nàn cho tôi là gàn dở và nói :"Chú mình gở chết hay sao ?".

Tôi ở quán bán cỏ ra. Lời lẽ nhát sợ của bác Cành Cạch nọ làm tôi khó chịu. Tôi phải bước vào rừng cỏ ngắm làn hoa may đương tràn ngập trong gió phơi phới, cho tĩnh tâm lại.

Khi trở vào đám hội, võ đài đã đương vào cuộc thi tài.

Tôi rất ngạc nhiên thấy Trũi đứng sừng sững trên đài, sắp đấu với anh Bọ Muỗm. Thì ra chú Trũi nhà tôi bấy lâu vẫn còn căm nhà Bọ Muỗm. Cái trận đòn của các mụ Bọ Muỗm nanh ác ngày ấy vẫn chưa thể quên ! Còn căm nặng đến độ bây giờ chỉ gặp một gã Bọ Muỗm xa lạ cũng khiến Trũi nổi máu đòn thù. Trũi lên đài ngay.

Gã Bọ Muỗm kia đã đánh ngã mấy địch thủ nhép hôm qua đương nhơn nhơn ra vẻ. Thực gã cũng không phải tay vừa. Người gã xanh rực và vạm vỡ, bắp chân bắp càng bóng nhẫy, mập mạp. Lưng gã gờ lên, rắn chắc, và đôi cánh màu lá cây làm thành chiếc áo giáp che kín xuống tận đuôi. Đằng đuôi, mắc thêm lưỡi gươm cong hoắt. Đầu gã lớn, mút nhọn lại, húc rất khỏe. Hai vành râu trắng phau. Đôi mắt to hó, như mắt cá. Hai táng răng thì đen và nhọn khoằm khoặm.

Nếu không có Trũi lên võ đài thì Bọ Muỗm được đấu thẳng với Bọ Ngựa để tranh chức trạng võ.

Hai võ sĩ ra đài.

Cụ Châu Chấu già lụ khụ đã bạc cả lưng, cái gân đen kè nổi gồ trên trán, ra ngồi cầm trịch.

thuongmaitr

Trũi và Bọ Muỗm sau khi mỗi anh đi một bài võ ra mắt như các tay đô vật mới lên đài rồi đứng lại, ngó nhau một giây, rồi từ từ đưa chân lên vuốt râu đàng hoàng mấy cái, rồi bất thình lình ập vào đấu đá liền.

Trũi sử đôi càng khéo lắm. Từ ngày ra đi, Trũi học thêm được nhiều miếng võ, đường quyền[9] coi ngoạn mục[10] và kín. Bọ Muỗm kia thì không cần võ, chỉ cậy sức, cứ lăn xả vào thọc gươm và cắn lia lịa. Nhưng Trũi uyển chuyển và nhanh hơn, tránh được cả.

Loanh quanh một lát, Bọ Muỗm đã mệt phờ. Bây giờ Trũi mới mở sức. Trũi nhảy phốc lên, đưa hai quả trùy càng ép bẹp vỡ cặp kính bảo vệ mắt của Bọ Muỗm rồi thúc thêm một đá làm gã kia ngã ngửa, rướn lưng mấy lần mà không dậy được.

Cụ Châu Chấu cầm trịch thong thả bước tới dắt chàng võ sĩ được trận ra một bên và tuyên bố kẻ thắng trận.

Cả bãi xôn xao. Vừa hoan hô, vừa lạ lùng, vì chưa ai biết võ sĩ Trũi tài giỏi ấy quê ở đâu ta.

Cụ Châu Chấu già cầm trịch nâng cái loa dài tết bằng lá cỏ ấu, nói xuống đài :

– Võ sĩ Dế Trũi thắng võ sĩ Bọ Muỗm. Bây giờ các võ sĩ trong thiên hạ đã đông đủ về đây, còn ai lên đấu với võ sĩ Dế Trũi ?

Tiếng ông cụ gọi loa vang đài, ai nấy lặng yên nghe, lặng yên nghe. Bỗng một tiếng đáp vang động : "Có ta đây!". Rồi anh chàng Bọ Ngựa ban nãy vừa lôi thôi với tôi, nhảy vót lên. Cơ nguy cho Trũi, vì xem chàng Trũi có vẻ mệt. Vả lại, thấy Bọ Ngựa ngông ngáo, nhớ chuyện ban nãy ở quán hàng, cái bực mình trong tôi tức tốc trở lại.

Tôi nhảy phắt lên đài, quát :

– Khoan khoan, đây trước đã. Nhớ hẹn chứ ?

Bọ Ngựa lùi lại rồi "à" một tiếng rõ to, nghênh hai thanh gươm lên – vẫn một điệu tự cao tự đại như thế.

Lại như lệ lên trường đấu ngày ấy, trước khi vào cuộc, mỗi bên biểu diễn một vài đường quyền, theo sở trường mình. Bọ Ngựa đứng vươn mình, đi bài song kiếm. Bóng kiếm loang loáng mù mịt như hoa may, điệu bộ khá đẹp mắt.

uongxua.vn

Tôi chẳng cần đi bài gì hết. Tôi đứng nghiêng người về đằng trước, hếch hai càng lên. Cứ hai càng ấy, tôi ra oai sức khỏe, đạp phóng tanh tách liên liến một hồi gió tuôn thành luồng xuống bay tốc cả áo xanh áo đỏ các cô Cào Cào đứng gần.

Lúc vào đấu, Bọ Ngựa cao nên lợi đòn. Hai gươm hắn bổ xuống đầu tôi chan chát. Nhưng đầu tôi đầu gỗ lim, tôi lựa cách đỡ, không can gì hết. Còn tôi đoản[1] người, tôi nhè bụng hắn mà đá, khiến có lúc hắn phải hạ gươm xuống đỡ, mất đà đâm loạng choạng. Biết không chém vỡ được đầu tôi, hắn liền đổi miếng ác, co gươm, quặp cổ tôi. Hắn định lách gươm nghiêng vào khe họng tôi – chỗ hiểm, cuống họng tôi có khe thịt dễ đứt.

Thấy thế nguy tôi gỡ đòn, cúi xuống, thúc nhanh một răng rất sâu vào bụng hắn. Choáng người, Bọ Ngựa nhảy lộn qua lưng tôi. Tôi cũng chỉ đợi có thế. Vừa đúng đà càng – lựa vào miếng võ gia truyền của nhà Dế, tôi lấy tấn, đá hậu đánh phách

một đá trời giáng vào giữa mặt anh chàng. Chàng Bọ Ngựa kiêu ngạo rú lên một tiếng, bắn tung lên trời, rơi tọt ra ngoài võ đài, ngã vào đám đông xôn xao.

Tôi đã hạ địch thủ một cách vẻ vang, trong khi dưới đám hội còn đang ồn ào nhốn nháo vì không ai ngờ võ sĩ Bọ Ngựa giỏi võ nhất vùng đồng cỏ lại thua nhanh và thua đau như thế và thua bởi một chàng Dế Mèn lạ mặt ở đâu đến. Còn chưa ai hết lạ lùng thì cụ Châu Chấu cầm trịch lại ra, trịnh trọng giơ loa lên, ba lần, đều đặn, hô vang vang xuống :

– Tôi xin hỏi đông đủ các võ sĩ trong thiên hạ tề tựu quanh võ đài, có còn ai lên đấu nữa chăng ?

Cả đám hội im lặng. Cụ Châu Chấu cầm trịch lại hô tiếp :

– Bây giờ trận tranh hùng kết thúc. Võ sĩ Dế Trũi đấu với võ sĩ Dế Mèn !

Ô hay, tôi sẽ đấu võ với Trũi ? Tôi nhìn sang Trũi. Vừa lúc Trũi nhìn lại tôi. Chúng tôi cùng nhau đi đến đất này để đấu võ tranh quyền với nhau ư ? Bất giác, tôi tiến lại Trũi, đứng thẳng hai chân trước, khoác vai Trũi, hai chúng tôi hướng xuống dưới võ đài. Khắp bãi rờn bóng hoa may, tụ tập hàng nghìn vạn các loài trong vùng đi xem hội võ, tôi nói to lên rằng :

– Thưa chư vị, anh em chúng tôi vừa từ phương xa tới đây. Cái chủ đích của chúng tôi thật không định tranh lèo[12] giật giải gì ở đất này. Đất lành chim đậu, thấy phong tục vui thì chúng tôi đến góp mặt vui chung mà thôi. Bây giờ, cái điều chúng tôi không chờ đợi là anh hùng bốn phương đều đã lui cả mà nhường quyền đọ sức cao thấp sau cùng cho anh em chúng tôi. Với sự tranh đua, anh em tôi xin lỗi, không thể. Bởi vì sao, chắc chư vị đã rõ. Còn về ngôi thứ trách nhiệm thì anh em chúng tôi cũng xin lỗi, không dám. Anh em chúng tôi chỉ là hai kẻ giang hồ thấy đất quê đẹp đẽ thì ghé tới trên đường đi mà không định ý ở đâu cả. Dám xin chư vị xét cho.

Tôi vừa nói xong, ở dưới vang lên tiếng the thé, tiếng ầm ầm. Kẻ thì bảo nhất quyết phải mời chúng tôi ra thi đấu, lệ vùng này nghìn xưa như thế. Kẻ thì rằng thôi. Sau đó một ban bô lão thượng thọ của đám hội cắt ra trông nom võ đài – một cụ

Châu Chấu, một cụ Bọ Ngựa, một cụ Cành Cạch, một cụ Cào Cào, một cụ Niềng Niễng, các cụ ra nói với chúng tôi rằng :

– Thưa hai võ sĩ, đất lành chim đậu, hai võ sĩ qua đây, lại có lòng lên thi thố tài nghệ siêu quần, thiên hạ không còn ai đối địch nổi, thật là phúc cho chúng tôi. Hai võ sĩ là anh em một nhà, lại là những tay võ đồng môn[13] với nhau thì càng may cho chúng tôi và như thế, cái lệ đấu có thể bỏ đi được. Nhưng việc chịu trách nhiệm về đứng đầu vùng này từ nay thì phải có một trong hai ngài nhận. Đó là phong tục đất chúng tôi hàng bao đời vẫn chọn tài như thế.

Tôi thì hết lời từ chối. Còn Trũi đứng lặng không nói (Về sau tôi mới biết sự im lặng của Trũi có một ý nghĩa riêng). Tôi đành phải nhận. Thế là cả đám hội ầm vang lời hoan hô tôn chúng tôi lên làm chánh, phó thủ lĩnh đứng đầu các làng trong vùng cỏ may.

Cả đám hội xô vào làm kiệu rước hai tôi lên, đi chen trong đám đông và hoa cỏ may.

Chú giải

tuongxua.vn

(1) *Tranh hùng* : đọ sức để giành vị trí của kẻ mạnh hơn, ở đây là đấu võ để giành chức vô địch.

(2) *Tha phương cầu thực* : đi nơi khác để kiếm ăn.

(3) *Cầm trịch* : điều khiển một công việc, một hoạt động của nhiều người cho được nhịp nhàng, đúng. Ở đây có nghĩa là làm trọng tài điều khiển cuộc đấu võ.

(4) *Quan dạng* : dáng bộ khệnh khạng, làm ra quan trọng như bộ dạng của quan.

(5) *Ta đây kẻ giờ* : thái độ kẻ cả, hợm mình, tự cho mình trên tất cả những người khác.

(6) *Hách dịch* : ỷ quyền thế hay sức mạnh mà ra oai, nạt nộ, hạch sách người khác.

(7) *Song phi* : miếng võ nhảy lên tung chân đá chân nọ tiếp chân kia.

(8) *Bình sinh* : trong cuộc sống, trong cả cuộc đời của một con người.

(9) *Quyền* : môn võ dùng tay mà đánh.

(10) *Ngoạn mục* : đẹp mắt.

(11) *Đoản* : ngắn ; *đoản người* : người thấp, lùn.

(12) *Tranh lèo* (từ cổ) : giành giải thưởng trong cuộc thi đấu, đua tài.

(13) *Đồng môn* : người cùng học một thầy, một trường hay cùng một môn phái với nhau.

1. Hình ảnh Bọ Ngựa trong quán hàng cỏ được tác giả miêu tả như thế nào?

(*Gợi ý* : Bọ Ngựa xuất hiện như thế nào ? Các từ ngữ, hình ảnh tả dáng đi, điệu bộ, khớp cổ, cái mặt, con mắt... của Bọ Ngựa cho thấy nét tính cách gì của Bọ Ngựa ?)

Cách nhìn, thái độ của Dế Mèn trước Bọ Ngựa ra sao ?

Hành động của Bọ Ngựa vô cớ bổ một nhát gươm lên đầu Dế Mèn gây cho em cảm nghĩ gì ?

2. Tác giả tả cuộc đấu võ trên võ đài như thế nào khiến ta thấy cuộc đấu ngày càng sôi nổi, kịch liệt và hấp dẫn ? (Tìm hiểu cách tả trình tự các trận đấu, tả dáng vẻ mỗi đấu thủ, diễn biến từng trận, cách đánh của mỗi đấu thủ và chiến thắng oanh liệt của hai võ sĩ Trũi và Mèn)

3. Qua trận đấu với Bọ Ngựa, Dế Mèn đã bộc lộ tài năng và phẩm chất gì ?

4. Tập đọc diễn cảm đoạn từ "Tôi nhảy phắt lên đài" đến "...ngã vào đám đông xôn xao".

Chương IX – LẠI MỘT CHUYỆN RỦI RO VỚI CÁC BẠN KIẾN – SỰ TỨC GIẬN CỦA MẤY CÔ BÉ HỌC TRÒ – AI CÓ CÔNG NHẤT ?

thuongmaitr

Đến đây, tôi xin mở dấu ngoặc nói về Châu Chấu Voi. Đây là những tay có bản lĩnh trước tiên xướng xuất lên những ý nghĩa cao cả về việc đi giang hồ[1] du lịch.

Khi Châu Chấu Voi gặp tôi và Trũi ở vùng cỏ may và khi xảy ra cuộc lưu huyết[2] là lúc Châu Chấu Voi bắt đầu thực hiện chí lớn. Nếu ngày ấy tôi biết thì đã chẳng phải phiêu bạt đến cái lều cỏ của cư sĩ Xiến Tóc rồi lại đến nỗi phải tù trong hang Chim Trả.

Đoàn Châu Chấu Voi cùng Trũi đã đi nhiều đường đất, nhiều nơi. Ở đâu, ai ai cũng đều coi tình bạn tốt đẹp ấy là lẽ phải nhất trên thế gian.

Đã qua nhiều vùng, trò chuyện và bè bạn đã nhiều, ai cũng nghiệm ra rằng ai cũng có lòng tốt, thích làm ăn yên ổn. Đâu

đâu cũng thế, thật phấn khởi. Chỉ có cái khó là bàn chân và cả cánh bay, cũng không thể đi cùng trời cuối đất để có thể mau chóng nói rộng những điều quan trọng ấy ra.

Không ai bảo ai, các bạn đều thấy nếu thế thì không gì hay hơn tìm đến vùng Kiến. Chỉ có anh em Kiến vốn chịu khó, cẩn thận – và khắp thế giới, đâu cũng có Kiến. Đó là cái cớ khiến Châu Chấu Voi và các bạn sang vùng Kiến, đi qua cửa hang Chim Trả vừa rồi.

Từ đấy, trong bọn có tôi cùng đi.

Lại nói về Kiến. Xưa nay, dù cho đấy là một họ Kiến to gồ thì Kiến cũng vẫn là bé nhỏ, mảnh dẻ, tuy vậy, Kiến lại sống đông đúc nhất trên hoàn cầu. Thử để ý mà xem, từ xó bếp đến bàn ăn, chiếu ăn, mâm ăn, từ đồng ruộng đến rừng núi, trên tàu biển, trên xe lửa, có khi cả ở máy bay cũng nên, không đâu không có Kiến. Trên thế giới nhiều thứ trái ngược mà có lí, con Kiến rất nhỏ mà ở đâu cũng có, hạt thóc, hạt kê bé tí ti lại là cái nuôi người hằng ngày... Kiến tí hon mà Kiến đi khắp thế giới. Nhiều thứ Kiến : Kiến Gió, Kiến Mun, Kiến Càng, Kiến Kim, Kiến Muỗi, Kiến Bọ Dọt... trăm nghìn chi phái nhà Kiến nhiều không kể xiết.

uongxua.vn

Kiến có nhiều đức tính : chăm chỉ, cần cù, biết lo xa và cũng bướng nhất trần gian. Ở đâu cũng vậy, Kiến xây thành đắp lũy kiên cố, riêng biệt một nơi.

Kiến đã đánh nhau với ai thì chết ngay cũng đánh, không biết sợ.

Nhưng nếu cùng nhau một chí hướng rồi, Kiến sẽ đem những điều tốt đẹp truyền bá đi khắp nơi. Như thế chẳng bao lâu, đâu đâu cũng sẽ biết hết. Kiến cứ gặp nhau, chụm đầu lại đưa tin rồi lại đi. Bao giờ cũng vậy. Tin Kiến truyền thật nhanh. Chỉ có các bạn đại giang hồ như Kiến Gió mới kham nổi công việc to rộng như thế. Các bạn Kiến Gió chân cao chuyên nghề đưa tin nhanh như gió.

Đường vào vùng Kiến xa lăng lắc, rồi lại mỗi thành lũy một hiểm hóc khác, cứ phải hỏi thăm suốt dọc đường. Nhưng đi lâu cũng phải tới. Bây giờ chúng tôi đã qua nhiều làng và cánh đồng, trông thấy vùng Kiến trên trái đồi trước mặt.

Trời đất giờ đây lại sắp sang xuân. Gió nhẹ. Thinh không cao cao. Mỗi năm gặp lại mùa xuân trong lòng lại thấy hai câu thơ tự nhiên trở lại, thật xinh tươi, thấy : "Cỏ non xanh rợn chân trời, Cành lê trắng điểm một vài bông hoa".

Ai nấy đều ca hát. Riêng bác Xiến Tóc đi cạnh tôi vẫn còn than thở và ân hận về cái thời nhàn cư[3] cho qua ngày ở xó rừng một cách vô lí, thậm vô lí. Bây giờ được đi đứng bôn tẩu đây đó, thì lạ thay lại thấy khỏi lừ khừ và khỏe mạnh hơn xưa. Mới biết chẳng việc khó nào khiến người ta nản lòng được. Kể đâu đến thành bại, mục đích ở đời là hoạt động.

Đường đi khúc khuỷu dần.

Chúng tôi leo lên lưng một trái đồi thì đến địa đầu vùng Kiến. Chúng tôi dừng lại, đưa mắt trông vào thấy một màu đất đỏ trùng trùng nhấp nhô những thành trì nối nhau liên tiếp không biết đâu phân biệt được đường đi. Đáng khen phục kì công kiến trúc của các kĩ sư Kiến.

Hôm sau, chúng tôi bắt đầu đi vào.

Từ hôm ấy, chúng tôi qua biết bao nhiêu khó khăn. Để bạn đọc yêu quý rõ từng ngày gian khổ ra sao, tôi xin trích vài dòng nhật kí của tôi, ở tập thứ tư, những trang 151, 154 cho đến trang 158 chép về "Những ngày Mèn vào đất Kiến" :

Mùa xuân, ngày 79 – Kiến ở đông quá. Câu tục ngữ "đông như kiến" thật đúng.

Đường ngang lối dọc chỗ nào cũng đầy Kiến. Đầu tiên chúng tôi trông thấy từng bọn Kiến Gió.

Kiến Gió có nghề xây đắp rất giỏi, lại đi nhanh theo cách không phải đi, Kiến nghiêng mình vào làn gió, gió thổi bay. Kiến tự dưng sa xuống chớp nhoáng hơn gió.

Màu áo nâu lẫn với đất, các chàng đi dày đặc quanh chúng tôi. Thấy chúng tôi to lớn, thân hình mỗi Kiến Gió chỉ bằng cẳng chân tôi, nhưng họ không sợ hãi, vẫn thản nhiên ngửa mặt đứng thò hai râu ra nghe ngóng chốc lát rồi lại chăm chú làm.

Kiến Gió giỏi khuân vác và xây dựng, đôi khi chạy tin cần kíp.

thuongmaitr

Một tốp Kiến Lửa, quần áo vàng khè. Kiến Lửa lầm lì, hì hục đào đất xây hào lũy. Họ dựng lũy đào hào rất khéo. Các đường hầm phủ mảng đất luyện thật mỏng trên mặt thành đều do Kiến Lửa xây. Cả làng đi trong những đường chìm ấy, ít khi ló ra. Bởi thế vào vùng Kiến thoạt trông chỉ thấy cao thấp những mảng đất vắng vẻ, nhưng trong đường hầm, làng Kiến qua lại tấp nập, chen chúc đông vui suốt đêm ngày.

Tôi hỏi thăm đường. Gã Kiến Lửa nhìn chúng tôi, không nói. Vẻ bí mật ghê ! Đã thế, cũng không cần, bọn tôi cứ đi.

Mùa xuân, ngày 82 – Gặp việc rắc rối. Vô tình, Xiến Tóc thụt chân xuống một đường hầm. Mọi hôm, đi cả ngày không sao. Dù Kiến đi đông đảo quanh chúng tôi, nhưng không ai đụng vào ai, thì ai cứ việc nấy, chẳng lôi thôi đến nhau. Bây giờ, bọn Kiến dưới đường hầm tưởng có kẻ đến phá hoại nhà cửa của họ.

Gã Kiến Kim ngoi lên, chẳng biết nếp tẻ thế nào, xông vào đánh nhau liền.

Thám tử Kiến Đen chạy đi cấp báo khắp vùng. Lập tức, vô vàn Kiến Lửa rầm rì, hung hăng kéo đến. Nhưng anh chàng Kiến Lửa nào nhảy tới vừa nhe răng ra đều bị chúng tôi đá hất ngã. Chúng vẫn kéo đến. Chúng cậy đông vây bọn tôi lại.

uongxua.vn

Mùa xuân, ngày 83 – Tự nhiên, trên trời rơi xuống đầu chúng tôi hằng hà sa số những anh Kiến to thô lố, áo đỏ và có cánh. Đó là Kiến Cánh nhảy dù.

Đoàn Kiến Cánh nhảy dù tới tấp đến. Kiến Cánh rất hăng. Có gã bị cắn đứt đuôi, rơi bụng ra mà nửa mình vẫn chạy ton ton.

Trận đánh đương tơi bời thì Trũi sa vào đường mai phục, bị bắt sống. Nhưng nửa đêm, Trũi trốn được. Chúng giam Trũi vào một hầm đất. Hầm đất của Kiến thì mỏng manh thôi. Và chúng không ngờ tài đào khoét ngạch của Trũi. Chỉ dùng hai càng gạt mấy phát đã hổng một lỗ to, Trũi ẩy đất đổ bẹp cậu Kiến gác, thế là ung dung về.

Trũi về nói trông thấy bọn cứu viện kéo đến nhiều lắm. Chao ôi Trũi ! Giảng giải thế nào cho những gã đương nóng đầu nghe được ?

Mùa xuân, ngày 84 – Như Trũi biết, bữa nay thêm viện binh : Kiến Bọ Dọt, Kiến Bọ Dọt to, khỏe hơn tất cả. Chỗ nào cũng có Kiến Bọ Dọt chen vào, đi oai phong như bò tót đầu đàn. Lại có Kiến Kim và Kiến Cánh.

Đương đánh nhau hăng, bỗng Xiến Tóc đứng sững lên, giương thẳng cả hai cặp cánh lụa, co múa rối rít chân và kêu rống từng hồi ghê rợn.

Thì ra, thấy Xiến Tóc mình đồng da sắt, đấm đánh bác ta như đấm đánh bị bông, cứ trơ ra, chẳng mùi gì, Kiến Bọ Dọt lập mưu chui vào trong vành cổ Xiến Tóc. Khắp người Xiến Tóc đều bọc giáp sắt, kể cả các khấc bụng. Chỉ có chỗ khe cổ rất hiểm là chỗ phạm. Bị đâm vào đó, Xiến Tóc có thể đứt cổ.

Chúng tôi khiêng Xiến Tóc chạy lùi. Châu Chấu Voi rịt cho bã thuốc buộc lại. Cổ Xiến Tóc như quàng cái phu la[4] chàm. Không chết, nhưng vết thương tấy, sưng vù, xung quanh đánh nhau, Xiến Tóc ngồi khư khư một xó. Tuy vậy, cũng chẳng ai làm gì nổi. Thấy Xiến Tóc ốm, có cậu Kiến tưởng bở, xông vào, Xiến Tóc giơ chân ra đỡ. Chân Xiến Tóc cứng như cây tre đực. Xiến Tóc cứ để yên cho Kiến cắn. Chẳng ăn thua mà lại có thể gẫy răng, Kiến chạy.

Trên đây là những ngày gian nan và rắc rối của chúng tôi.

Và còn lôi thôi nữa. Mỗi buổi sớm, trông trước mặt, ngó sau lưng chỉ thấy man mác lớp lớp những thành lũy mà Kiến Lửa, Kiến Gió mới đắp thêm, vòng vây càng dày nữa.

Đoàn Kiến Đen, Kiến Gió thông tin thì bảng lảng đi ngoài cùng. Chúng chạy, những cái chân lênh khênh phóng đi. Chúng thông hiệu[5]. Anh này đương chạy liên liến, gặp anh khác, đứng dừng phắt, gí râu móc vào nhau, ấy thế là hai bên đã báo cho nhau đủ tin hỏa tốc, rồi lại chạy biến, cứ thế truyền mãi.

Tình hình trước mắt thì quả gay go thật. Chúng tôi biết có Kiến Chúa trong vùng này, cần phải gặp Kiến Chúa. Muốn gặp nhưng không biết đích xác chỗ nào. Đâu cũng coi chúng tôi là thù mà Kiến Chúa thì ở trong thành kiên cố, chúng tôi không biết tìm đến chỗ nào được.

thuongmaitr

Tôi bèn cố thủ ở đây, còn Trũi thì vượt vòng vây ra ngoài tìm về vùng cỏ may gọi các bạn Chuồn Chuồn. Các bạn Chuồn Chuồn đến đây sẽ giúp ta được nhiều, tải lương, đưa tin, đi liên lạc. Chuồn Chuồn sẽ bay đi tìm Kiến Chúa. Chuồn Chuồn vốn tháo vát.

Các loài Chuồn Chuồn suốt đời kiếm ăn nơi đầu sông cuối bãi, những tay Chuồn Chuồn giang hồ ấy mà mở hết tốc lực phi cơ thì phải biết.

Nửa đêm, Trũi lẻn được ra ngoài.

Trong khi ấy, vòng vây càng ngày càng thắt chặt thêm. Vì Kiến đã tin cho Kiến Chúa rằng bọn ngỗ nghịch chúng tôi ở đâu đến gieo rắc sự phá hoại. Kiến Chúa tức giận ra xem, thấy đúng hào lũy đồn ải tan hoang như lời báo. Kiến Chúa ra lệnh cho cả vùng vây hãm cho kì đến chúng tôi chết đói hay phải bỏ chạy đi mới thôi. Đấy không phải lời đe dọa mà xưa nay bất cứ kẻ nào, cả đến những tay Bọ Hung sừng sỏ, lỡ chân lạc vào tổ Kiến thường đều có đi không về, nếu không cũng sợ chết khiếp suốt đời.

uongxua.vn

Sự hiểu lầm tai hại, càng tai hại.

Chẳng bao lâu, Trũi đã trở lại, kia !

Trũi báo tin các bạn sắp đến. Chúng tôi sẽ có cứu viện. Chúng tôi vẫn tin tưởng. Nhưng sao chưa thấy vân mòng[6] ! Mà vòng vây Kiến thì mỗi lúc một chật ních thêm. Kiến ở đâu kéo về đông đặc đen sẫm như dòng sông mật quấn quanh trước mặt sau lưng chúng tôi. Ôi ! Chẳng lẽ chịu chết ở đất này ? *(Tóm tắt đoạn lược bỏ : Có năm cô bé học trò lên đồi hái hoa, kiếm củi, giẫm phải tổ Kiến. Bị Kiến đốt, các cô xuống suối vục nước lên giội, làm thành quách và vòng vây của Kiến tan rã hết. Bọn Dế Mèn và các bạn nhờ thế mà thoát được)*

... Chập tối, trăng lên, trăng cuối mùa xuân, sáng trong và dịu dàng lạ lùng. Chúng tôi đứng nép trong bụi cỏ, dưới chân nước ướt nham nháp. Lúc bị giội nước, nước chỉ ào qua bụi cỏ. Cũng may, nếu chúng tôi bị trúng những cây nước từ nón giội xuống chắc cũng trôi băng ra suối rồi.

Trước mắt chúng tôi, một vùng im lặng ghê rợn. Chúng tôi suy nghĩ đến những khủng hoảng thiên nhiên đầy rẫy quanh mình.

Bỗng đâu Chuồn Chuồn bay đến trong ánh trăng. Đây là đàn Chuồn Chuồn Tương bay rất đông, cánh quệt cả vào bóng mặt trăng. Cánh nâu chấm đen. Chuồn Chuồn Tương cũng yếu và không bao giờ bay đêm, tuy vậy Chuồn Chuồn Tương nhiều tình cảm nhất khi nghe Trũi về kể cái khó khăn, nguy hiểm chúng tôi gặp phải dọc đường. Chuồn Chuồn Tương đã bay đi ngay, bay thong thả, nhưng bay luôn và bay suốt đêm không nghỉ cho nên đến sớm nhất. Bọn Chuồn Chuồn Ngô, Chuồn Chuồn Chúa cậy sức khỏe họ cũng đi ngay đấy, nhưng còn nhởn nhơ đâu chưa tới (có khi lạc đường cũng nên – các cậu láu táu nhanh nhẩu đoảng mà !).

Đoàn Chuồn Chuồn Tương bay tới trong ánh trăng, bốn cánh rập rờn, nhịp nhàng, đương bay bỗng quẫy lại, rất nhanh và đẹp mắt. Họ lượn đi lượn lại mấy vòng trên ngọn cỏ ấu tìm chúng tôi.

Tôi nói to lên :

– Chuồn Chuồn Tương đã tới. Hoan hô các bạn !

thuongmaitr

– Các anh ơi !

– Bạn ơi ! Hãy bay khắp đồi, các bạn hãy gọi to lên xem Kiến Chúa ở đâu mau mau ra cho chúng mình nói chuyện.

Chuồn Chuồn Tương lại thong thả bay đi trong từng làn ánh trăng chảy lênh láng trên mặt lá, sáng đẹp như ban ngày. Trăng sáng gây cho lòng ta một cảm tưởng dịu dàng và yêu đời dù đang trong cảnh đau khổ.

Lát sau, Chuồn Chuồn Tương đã trở lại, nói to :

– Thấy Kiến Chúa rồi.

– Thế sao ?

– Kiến Chúa hẹn sáng mai đi gặp.

– Ở đâu ?

– Chúng em sẽ dẫn đường.

Sớm hôm sau, Chuồn Chuồn Tương đã rập rờn đến từ lúc còn tờ mờ.

Các bạn trong bọn đã ủy cho tôi làm sứ giả tối quan trọng hôm đó.

Trên trời, Chuồn Chuồn Tương bay tầng trên tầng dưới liệng cao liệng thấp chao cánh vừa múa vừa bay như mừng, như giỡn. Tiếng đồn Chuồn Chuồn Tương hồn nhiên và yêu đời bấy lâu quả không sai.

Tôi ngắt một chiếc lá tre để che nắng và cũng để giơ cao lên đầu, tỏ dấu hòa bình, và tôi bước sâu vào làng xóm Kiến.

Phải như mọi khi, có cầm mấy cái lá tre mang hình ảnh yên lành của lũy tre xanh ngõ xóm thì bọn Kiến cục tính[7] kia cũng có thể lăn ra đả ngay. Nhưng sớm nay, đường ngang lối dọc cứ trống trơn.

Trong cảnh trơ trọi ấy, thế mà đã lổm ngổm những anh Kiến xây dựng – Kiến Gió và Kiến Lửa, những tay thợ chăm chỉ và cần mẫn, có anh trôi suối, bơi suốt đêm mới trở về được, mình còn ướt lướt thướt mà đã ra đào lũy mới. Nhẫn nại và chăm việc quá. Mải miết, cắm cúi làm, chẳng anh nào ngó ra. Sự gian khổ và chịu đựng còn in trên từng cái bóng Kiến lủi thủi, đều đều vác đất. Và trông vào trong các lỗ, Kiến còn kéo ra đi dòng dài tưởng không bao giờ ngớt. Kiến có thói quen đi một hàng, trước sau, nghiêm ngặt. Sấm sét mưa gió khủng khiếp tưởng chết hết đêm qua, nhưng không phải, lúc nào Kiến cũng có kỉ luật nghiêm.

Và bao giờ Kiến cũng có hai thành trì để ở. Như đã biết lo xa. Một thành trên mặt đất và một ngầm dưới đất, có lỗ vào hang rất sâu. Bấy giờ, trên mặt đất bãi cỏ trống, hàng vạn Kiến bị trôi xuống suối mới tìm về được và hàng vạn Kiến trong các lỗ, các hang bò ra tấp nập và đắp lại thành lũy. Đông đặc nhưng khác mấy hôm trước, không ai hằm hè, không ai chú ý tới tôi. Tất cả lặng lẽ đều đặn tha đất, nhỏ bọt đắp lũy.

Chuồn Chuồn Tương chỉ đường cho tôi vào thẳng tận nơi Kiến Chúa. Chỗ lù lù cao ấy là bức tường kiên cố còn sót lại sau trận lụt. Đấy cũng là dinh lũy Kiến Chúa.

tuongxua.vn

Tôi xưng tên rồi vào. Hai Kiến Càng dẫn tôi vào. Các hang lúc này đều vẫn xâm xấp nước. Tôi thấy bùn lấm ngang các khoeo chân Chúa Kiến .

Chúa Kiến cũng đương làm .

Bà Kiến Chúa tất tả khuân đất đắp lại bờ lũy cửa hang. Kiến Chúa lớn gấp đôi gấp ba Kiến Bọ Dọt, vẻ tháo vát và thông minh. Cái đầu đỏ bóng như gỗ gụ, lấp ló trong chiếc khăn vuông lụa nâu nhỏ. Chân dài và cao, nhanh nhẹn lắm. Dưới đuôi đeo thanh kiếm nhọn sáng như cây kim. Đôi mắt lúc nào cũng long lanh rực rỡ nhô ra như hai mắt cua .

Trông thấy tôi, Kiến Chúa nói :

– Chúng tôi xưa nay chỉ biết làm ăn, sao các ông độc ác đến sinh sự rồi lại giội nước gây lụt lội đánh đuổi chúng tôi đi ?

Tôi ngạc nhiên. Câu chuyện tai nọ sang tai kia cứ lạc đi như thế đấy. Bọn Kiến Kim lầm lì đã gây sự thì có. Tôi bèn trình bày đầu đuôi câu chuyện cho Kiến Chúa nghe. Chúng tôi không gây sự. Chúng tôi chỉ vụng về không biết hỏi han và để hiểu nhầm. Còn việc lụt lội là việc của trời làm, không nên tưởng chúng tôi xui mấy cô bé học trò làm ra mưa gió.

Rồi tôi nói :

– Chị đây lịch lãm, hiểu biết rộng rãi, rất mong thông cảm chúng tôi lặn lội khó nhọc, không quản đi sông về núi, chỉ vì chúng tôi nghĩ đến những việc ích lợi ngoài tấm thân mình .

Nghe tôi nói xong, Kiến Chúa khóc mà rằng :

– Thưa anh, em đã lầm. Em chỉ nghe nói có kẻ cướp đến phá nhà. Mà anh biết, chúng em không bao giờ để ai bắt nạt, dù là thằng kẻ cướp hung dữ nhất có đi qua tổ Kiến thì Kiến vẫn đốt cho rất đau và đánh đuổi đi như thường. Thế ra không phải các anh đến phá tổ Kiến. Chao ôi, việc làm của các anh quý báu thay ! Sức chúng em giúp rập được bao nhiêu, xin chẳng từ nan .

Tôi cười, sung sướng và cảm động :

thuongmaitr

– Các bạn Kiến sẽ làm được tất cả, làm được rất nhiều, thế nào chúng ta cũng làm xong được .

Tôi kể Kiến Chúa nghe những nơi mà Châu Chấu Voi đã đi qua và mục đích chúng tôi đến đất Kiến. Kiến Chúa gật đầu khâm phục và có vẻ nghĩ ngợi, khi hình dung ra cái việc quan trọng mà họ Kiến sắp ghé vai gánh vác .

Ngay lúc ấy, Kiến Chúa cho mời cả Trũi, cả Xiến Tóc và các bạn Châu Chấu Voi vào .

Cũng ngay lúc ấy, câu chuyện quan trọng đã lọt ra. Các bạn Kiến nhanh thế, cả các làng mạc, hang ổ, thành lũy, và ở những nơi đương xây dựng lại đều đã biết đầy đủ câu chuyện mà Kiến Chúa đương bàn bạc với chúng tôi. Đâu đâu cũng bàn tán sôi nổi, tan hẳn vẻ buồn u ám như lúc tai họa hôm qua .

Chúng tôi còn đương trò chuyện với các bạn Kiến các hang kéo đến mỗi lúc một nhiều, bỗng nghe ầm ầm bốn phía chân trời. Thì ra cứu viện của chúng tôi, do Trũi nhờ các tay Chuồn Chuồn giang hồ bay đi gọi đã tới... Đầy mặt đất, những Châu Chấu, Bọ Ngựa, Bọ Muỗm. Và cả cái xóm lầy lội những Rắn Mòng, Ễnh Ương, Nhái Bén, Cóc, Ếch... cũng đến. Ếch ồm ộp. Cóc kèng kẹc. Chẫu Chàng chẳng chuộc. Ễnh Ương uôm oạp. Bọn có càng thì khua càng gõ mõ. Ầm cả lên. Chưa hết. Trong dòng suối dưới chân đồi, các loài cá và chú Rắn Mòng cũng đông đủ đi giúp chúng tôi. Đàn Săn Sắt lại múa đuôi cờ lên tung tóe mặt nước. Những anh Cua Núi mắt lồi, đen kịt như cái tàu bò[8],lịch kịch bò cả lên bờ, đi tìm cứu chúng tôi.

uongxua.vn

Khi các bạn tới, đã thấy trên mặt đất không phải là cảnh xô xát nữa mà cả làng Kiến kéo ra chào hỏi niềm nở, lễ phép. Một quang cảnh chan hòa thân ái diễn ra khắp vùng đồi đương mùa hoa tầm xuân, đến gió thổi cũng như hồng cả không khí.

Tôi ra nói mấy câu kể lại rồi đọc lời hịch[9] mà chúng tôi vừa thảo ra để cổ động "muôn loài cùng nhau kết anh em" thì họ reo ầm ầm, tất cả lại đâu kéo về đấy, vừa đi vừa nhảy múa và vui chơi.

Chúng tôi giã từ đất Kiến.

Cảm động quá, đi mấy ngày, lại đi mấy ngày, rồi đi nhiều ngày nữa cũng thấy đâu đâu đều bàn tán công việc các loài bây giờ đã thành anh em .

Kiến thông tin tới tấp đi khắp hang cùng ngõ hẻm. Kiến truyền tin ! Kiến truyền tin ! Trên thế giới không chỗ nào không có Kiến – đâu có khí trời thì đấy có Kiến ở. Kiến đến đâu thì ở đấy biết tin vui lớn .

Chẳng bao lâu, cả mọi loài, từ rừng xuống biển, đều gửi thư nhắn tin về hoan nghênh và hưởng ứng. Tất cả những nơi tôi đã đi qua, đều hoan hô hết cỡ. Cả cô Nhà Trò yếu đuối, các nàng Bướm và Ve Sầu lười biếng trước kia cũng có thư .

Tiếng vang cuồn cuộn khắp trời đất. Thôi thế đã xong phần công việc quan trọng. Tôi thở một hơi rõ dài.

Mấy anh Kiến Kim ngượng và thẹn vì đã hấp tấp choảng chúng tôi để sinh chuyện xích mích cuối cùng – vâng, chuyện xích mích cuối cùng đáng tiếc. Từ đấy các cậu Kiến Kim xấu hổ cứ lang thang kiếm ăn vơ vẩn ngoài đồng, không muốn giáp mặt ai nữa.

thuongmaitr

Chú giải

(1) *Giang hồ* : không ở một nơi cố định, sống nay đây mai đó một cách tự do theo ý thích.

(2) *Lưu huyết :* đổ máu. *Cuộc lưu huyết :* cuộc đánh nhau ác liệt, có sát thương.

(3) *Nhàn cư :* sống rỗi rãi, không làm công việc gì.

(4) *Phu la* (gốc từ tiếng Pháp) : khăn quàng cổ.

(5) *Thông hiệu :* thông tin với nhau bằng dấu hiệu.

(6) *Văn mòng :* tin tức, tăm hơi.

(7) *Cục tính :* tính cục cằn, dễ nổi nóng.

(8) *Tàu bò* (khẩu ngữ, cũ) *:* xe tăng, xe bọc thép.

(9) *Hịch :* bài văn kêu gọi mọi người cùng nhau làm một công việc quan trọng.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Trong chương này, xã hội loài Kiến được miêu tả như thế nào ? (Gợi ý : Tìm hiểu những chi tiết, hình ảnh miêu tả các loài Kiến, đời sống, công việc, khả năng, đức tính của Kiến để thấy tác giả tả loài Kiến rất giống, sinh động và hấp dẫn)

2. Dế Mèn và các bạn tìm đến đất Kiến với mục đích gì ? Vì sao ?

3. Trong đoạn tả Dế Mèn làm "sứ giả" đi gặp Kiến Chúa, Dế Mèn đã nói những gì với Kiến Chúa ? Lời lẽ và thái độ của Dế Mèn như thế nào mà đã làm cho Kiến Chúa cảm động và loài Kiến nghe theo ? Dế Mèn đã làm xong được công việc gì "quan trọng và to tát" ?

4. Quang cảnh vui tươi, rộn ràng, chan hòa thân ái khi muôn loài hưởng ứng lời kêu gọi "kết làm anh em" đã được diễn tả qua những hình ảnh, chi tiết, từ ngữ nào ở đoạn cuối chương này ? Em có nhận xét gì về giọng điệu lời văn ở đoạn ấy ? (Từ câu "Khi các bạn tới..." đến hết chương).

5. Qua ba chương đã học của tác phẩm *Dế Mèn phiêu lưu kí*, em thấy Dế Mèn ham thích và mơ ước điều gì ? Điều ấy có tốt đẹp không? Dế Mèn đã làm gì để thực hiện điều ham thích và mơ ước ấy ?

6. Hình ảnh chú Dế Mèn trong truyện gợi cho em những cảm nghĩ gì ? Điều gì làm em thích thú nhất ở hình ảnh ấy ?

ĐỌC THÊM

tuongxua.vn

RẺO CAO

NGUYÊN NGỌC

Tặng các đồng chí Bắc Kạn [1]

Thế là chuyến công văn hôm nay lại lên muộn rồi. Đồng chí Cắm bí thư xã Nà Lường sốt ruột lắm. Nước ở con suối đầu bản róc rách nhỏ từng giọt vào trong lòng, trong ruột Cắm.

– Mùa xuân lại làm chậm báo Đảng mất rồi. Ông trời đẹp lại giữ đồng chí giao thông huyện[2] ở dọc đường rồi. Lần này không thương nó được nữa, phải phê bình nó một trận chứ. Nó yêu cái hoa mùa xuân hơn cái báo Đảng sao ? Cái thằng !

Đồng chí giao thông huyện chính là cháu gọi Cắm bằng chú. Cắm biết nó từ khi nó lọt lòng mẹ, nó bằng cái nắm tay thế này, nó đỏ như một hòn máu. A, thế mà nó lớn nhanh hơn một cái cây bên suối đấy. Không biết cái gì nuôi nó lớn nhanh thế. Đi ra ngoài nương, đi về trong nhà đã thấy nó lớn bằng con lợn ba tháng rồi. Tra lúa, lúa có sữa, nó đã nhởn bằng con hoẵng con. Lúa chín thì nó biết ngồi. Gặt lúa thì nó biết đứng,

lại đốt rẫy thì nó biết đi. Từ đó, Cấm cứ tính tuổi nó bằng mùa mưa. Một mùa mưa, hai mùa mưa, ba mùa mưa. Thằng bé lúc đầu còn như một con bê, sau nó thành một con chó lài, sau dần dần thì nó đã trở thành một con cọp, một con cọp thật đấy. Rừng núi nào nó cũng không chừa. Bụng nó sáng như thấp đèn trong ấy. Cái gì nó cũng biết, chỉ cái sợ là nó chưa biết. Cứ mỗi mùa mưa, Cấm lại quệt cho nó một cái quệt than đen sì lên cây cột nhà. Năm cái quệt, sáu cái quệt, bảy cái quệt. Cấm tính tuổi cho nó, nhưng lại quên tính tuổi cho mình. Khi cây cột nhà của thằng bé được bảy cái quệt than, thì quanh mồm Cấm đã lún phún đầy râu là râu. Nhưng năm đó xảy ra một việc lớn lắm, việc đó làm cho Cấm bỏ cái cột nhà còn trơ bảy cái quệt than đấy, không quệt thêm được cái nào nữa. Năm ấy, ông Cụ qua bản. Thoạt đầu thì Cấm thấy lạ. Cái lạ đó đến bây giờ vẫn còn lạ, ừ, cũng mùa xuân như thế này đây. Cũng con suối đầu bản ấy, cũng nước róc rách chảy như thế đó. Cũng những vách núi cheo leo vây kín cái thung lũng hình sừng trâu này. Có gì khác đâu. Nhưng sao lại xảy đến một việc lạ như thế ? Trên cái bản Mèo chót vót trên đỉnh núi quanh năm mây phủ này, nếu khi nào có khách lạ đến thì khách lạ đó cũng chỉ là một con hổ đói mồi, một con lợn rừng lạc bẫy. Chưa bao giờ có khách lạ là người đến đây, lội qua cái suối này, leo lên hòn đá này, bước lên cái thang này, vào nghỉ trong nhà này. Thế mà lần ấy lại có người khách đến. Người gì ? Lúc đó không ai biết rõ. Ông Lái thì bảo người Tày đấy ! Ông Thá thì bảo người Nhắng đấy. Ông già Ri chột mắt cái gì cũng biết thì bảo : người Mèo ta thôi. Bà cụ Kiên thì bảo : không phải đâu, người Kinh đấy lố. Nhưng ông cụ già nhất làng gọi riêng Cấm ra đầu suối nói rằng : tất cả đều không ai nói đúng, đó là người Cách mạng.

Người Cách mạng là giống người ở núi nào, xưa nay Cấm chưa nghe nói đến.

Cấm được nhìn ông Cụ có mỗi một lần, một lần dài suốt một đêm. Thế mà bây giờ còn tiếc mãi, tiếc mãi. Biết thế khi đó ta nhìn nhiều nữa cho no mắt. Bởi vì ông Cụ có phải là ai lạ đâu. Ông Cụ chính là Bác bây giờ !

Ông Cụ chỉ ghé qua cái bản Mèo có mỗi một đêm mưa. Rồi đi. Ông Cụ đi về phía trước mặt kia, chỗ vách núi dựng cao vòi vọi. Sau đó ít lâu, Cấm cũng bỏ nhà, bỏ nương, bỏ cả thằng cháu bé, bỏ cả cây cột nhà mới quệt được bảy cái quệt than mà ra đi. Cấm đi năm năm, chưa một lần nào được gặp lại ông Cụ nữa. Nhưng Cấm biết rõ là mình đi theo ông Cụ đây. Mỗi con suối Cấm lội qua, mỗi ngọn núi Cấm leo lên, mỗi bước chân Cấm bước đi trên đường, Cấm đều nghĩ chắc chắn rằng : bước chân ông Cụ cũng đã giẫm lên chỗ này đây, chính chỗ này đây. Và như thế thì nhất định đi là đúng con đường tốt rồi. Con đường đó Cấm đi năm năm thì tới ngày độc lập.

Khi cách mạng đã lên rồi, Cấm trở về bản. Ờ, cái thằng bé gọi Cấm bằng chú. Coi kìa ! Nó đã thành một thằng con trai lớn tổng ngổng. Cái lưng nó đã rộng bè bè và hơi cong lại như lưng một con thú rừng sắp vồ mồi. Tóc nó đen và dài. Và cặp mắt nó thì đích là cặp mắt của người Mèo thực sự, xếch lên một chút, sáng như hai đốm lửa trong rừng khuya và sâu đến não lòng những cô gái vô tình nhìn vào đấy. Mới đầu nó không nhận ra Cấm. Cái thằng bé !

uongxua.vn

– Mày không biết tao nữa à ? Tao nuôi mày từ khi mày còn đỏ như hòn máu ấy. Tay tao tắm cứt trâu trên đầu cho mày ở suối này đây. Mày không biết sao ? Tao quệt cho mày bảy cái quệt than đen đấy !

Thế là nó nhảy tới, đúng là một con thú rừng thật, nó nhảy tới vồ lấy chú nó, rú lên :

– A, chú Cấm, chú Cấm, chú đi cách mạng đã về rồi. Thế còn ông Cụ có về với chú không ?

Cấm ngồi xuống sàn nhà, dựng khẩu súng vào giữa hai chân, gác mũi súng lên vai :

– Ừ, tao già rồi !

Anh ngồi trầm ngâm đến tàn một điếu thuốc.

– Ừ, tao già rồi. Cách mạng chưa xong đâu, tao về rồi mày lại đi đấy. Ông Cụ còn đi cách mạng, đã xong đâu mà về. Còn gian khổ đấy. Còn thằng giặc đấy.

Cấm đã già đi nhiều thật. Anh leo thang, hai đầu gối mỏi nhừ. Ngày trước đuổi con nai một ngày trong rừng, gối con nai nhão đi mà gối Cấm gõ còn boong boong như gỗ lim. Thế mà bây giờ... Các đồng chí bảo : Cấm già yếu rồi ! Cấm không nghe. Cách mạng chưa xong. Không chịu về đâu ! Các đồng chí phê bình. Phê bình thì phê bình Cấm cũng đi cách mạng cho đến cùng kia. Ông Cụ đấy, không già như ông nội Cấm sao, ông Cụ còn đi kia mà. Sau các đồng chí giao nhiệm vụ cho Cấm : Cấm về xã, và làm cách mạng ở xã. Ở xã cũng phải làm cách mạng chứ. Ở đâu còn có người khổ, ở đấy đều phải làm cách mạng. Ừ, thế thì Cấm về...

Mười năm qua, Cấm về làm cách mạng ở cái xã Mèo cheo leo trên đỉnh núi này. Mùa mưa đến, mùa mưa đi, rồi mùa mưa lại đến như một người bạn chí tình, không bao giờ lỡ hẹn. Tóc Cấm dần dần bạc đi từng sợi. Nhưng cách mạng thì Cấm không bỏ được. Cấm làm chủ tịch xã. Ừ, cũng vào dạo một mùa mưa, tiếng súng nổ dưới Phủ Thông, Đèo Giàng, Cấm dẫn một đoàn dân công Mèo đi vác súng đạn, gạo ăn, nước uống cho bộ đội. Đoàn dân công của Cấm đi gần một con trăng, đến khi về thì thiếu mất một người. Người đó là thằng cháu của Cấm. Nó chẳng mở miệng nói với Cấm một tiếng nào cả. Suốt mười ngày Cấm thấy nó lầm lầm lì lì, mặt lúc nào cũng như mặt hòn đá. Cấm bảo bụng : nó nghĩ cái gì thế ? Sao nó không hát nữa, sao nó không đùa nữa ? Hằng ngày nó hát hay đến cháy trái tim con gái Mèo kia mà ! Hay là nó mất tinh thần rồi. Hừ, tao nuôi mày lớn lên bằng này mà mày làm nhục tao à ?

Một buổi sáng, nó nói với Cấm :

– Chú à, cháu cũng đi cách mạng thôi.

– Đi dân công cũng là đi cách mạng chứ.

– Không, cháu đi cách mạng với bộ đội kia.

Thế là nó đi.

Mãi đến lúc đó Cấm mới sực nhớ ra rằng nó đi rồi thì mình còn có ai thân thích nữa đâu. Cấm lớn lên như một cái cây trơ trụi giữa bãi tranh. Không có cha, không có mẹ. Thằng

thuongmaitr

cháu của Cắm cũng thế, mới lọt lòng mẹ thì nó đã là một thằng bé mồ côi. Cắm nuôi nó, lo cho nó mà quên lấy vợ cho mình. Rồi Cắm đi cách mạng. Rồi Cắm lại về với nó. Bây giờ nó đi ư ? Cắm lại như cái cây đứng chơ vơ giữa đám tranh đây ! Trên đường từ mặt trận về nhà, leo qua đèo Kẹo Cọ trắng xóa, bụng Cắm lao lung như con suối khi gặp một ngã quẹo quá ngặt, nó dồn nước lại, lưỡng lự không biết chảy đi đâu, rồi nó tràn lên đầy ắp cả hai bờ...

Ít lâu sau, Cắm làm bí thư xã nữa. Lại đi tiếp tế cho bộ đội, lại đi họp trên huyện, lại lãnh đạo nhân dân tăng gia[3]. Mùa mưa đến. Mùa mưa đi...

Thế rồi một hôm thằng bé trở về, nó bảo :

– Chú ơi ! Thắng giặc rồi. Bây giờ tôi về làm cách mạng ở xã đây.

Nó làm giao thông cho huyện. Huyện chọn nó làm giao thông vì nó đã học được chữ ở bộ đội. Bụng nó vẫn như xưa, có thắp đèn trong ấy. Nó đọc báo, đọc công văn vanh vách :

– Cái giấy này là : Kính gửi ông Lí A Pù, ngày 17 tháng tư năm 195.. Ủy ban hành chính huyện trân trọng kính mời ông... Cái báo này là kính gửi ông Lò Văn Nàm, này nhé, xã luận : đế quốc Mĩ âm mưu can thiệp...

Nó đi công văn từ huyện về khắp các xã. Mỗi khi nhắc đến nó, Cắm nói :

– Đồng chí ấy công tác ở huyện. Bận lắm lố. Huyện ta có những hai mươi bốn xã. Mỗi xã một tên. Thế mà nó đọc không nhầm một tên nào.

Đọc tên từng đồng chí ghi trên giấy xong là nó cứ thế đi thẳng một mạch từ huyện xuống tận xã có cái tên đó. Xã gần nhất cũng là 30 cây số, ít ra cũng leo hai cái đèo. Phải nhận nó là một tay đi núi cừ khôi. Mùa mưa, nước lũ đánh tan tác những thân gỗ bốn, năm người ôm như ta lấy chân đạp giập một que nứa, thế mà nó cũng lội qua được suối. Có khi nó leo lên cây cao, chuyền từ ngọn cây này qua ngọn cây khác như vượn. Hai mươi cây số đường núi, nó đi một buổi, ngựa đi cũng thế thôi chứ gì. Nó còn bảo :

– Bao giờ Đảng cho cái xe về húc bớt mấy cái núi này, mở rộng con đường ra, thì tôi phải đi công tác xe đạp mới được.

Cấm cười.

– Ba hoa nhé !...

Nhưng nó còn mỗi một cái khuyết điểm nặng, chắc chắn là huyện chưa biết rõ. Cấm biết rõ, nhưng còn nể nó, chưa thẳng thắn phê bình : đó là nó công tác kém về mùa xuân. Hễ cứ đến mùa xuân, khi những sườn núi Mèo lẫn trong sương mai trắng xóa bắt đầu nở những đóa hoa màu tím nhạt, thì y như rằng hoa tím lại giữ chân đồng chí giao thông huyện ở dọc đường mất thôi. Nó giắt công văn, giấy tờ vào lưng quần bên cạnh con dao rừng lúc nào cũng sáng xạnh, nó lại bỏ con đường mòn mà lần theo các sườn núi hái hoa. Thành ra đường nó đi dài đến gấp đôi ngày thường. Cấm biết thấu ruột non, ruột già nó rồi : nó hái hoa cho gái. Nó tạt vào cái bản ở chỗ đỉnh núi xanh kia, nó lại lưng giắt công văn, chân nhảy cò cò thổi khèn tặng hoa cho một cô gái Mèo mà Cấm chưa biết mặt bao giờ. Mỗi năm nó lại thay đổi một cô. Nước mắt các cô gái Mèo khổ vì nó và sung sướng vì nó có lẽ đã chảy đầy một cái bát sứ to mua ở dưới phiên chợ tỉnh về...

thuongmaitr

Thế là hôm nay nó lại làm chậm báo Đảng nữa rồi. Cấm ngồi ở cửa nhà, nghe con chim kêu và thấy trời tím trên đỉnh núi, biết là đêm sắp đến, ruột nóng cồn cào.

Cái thằng !

Cấm đã chùi đi chùi lại khẩu súng trường đến một chục lần. Chùi súng xong lại lau đạn, những viên đạn trông hệt một đàn chuột con vàng chói. Chuẩn bị đến thế rồi mà nó cũng còn chưa về cho Cấm đi ngay. Cấm còn phải đi báo xuống xóm nữa chứ. Cấm là phát hành viên[4] của xã Nà Lường này kia mà. Ở dưới xóm báo đến chậm, người ta lại phê bình Cấm thôi !

– Đồng chí bí thư phát hành viên lên báo chậm lắm lố, khuyết điểm to lố. Chúng tôi chờ nghe báo mòn hết hai con mắt rồi còn gì.

Cấm làm phát hành viên xã từ một năm nay. Lúc đầu huyện giao công tác đó, Cấm có hai thắc mắc : một là công tác bận

lắm, nào vận động nhân dân chăm sóc làm cái nương cho tốt, nào lo dựng hai cái kho thóc ở xóm Nà Ngần, xóm Văn Thụ chưa xong, nào còn phải tổ chức phân đoàn thanh niên xóm Lằng Lường nữa chứ... Trăm công nghìn việc, bận lắm, người bí thư cũng như có hai tay, hai chân, không mọc được năm, sáu cái nữa đâu, còn phát hành sao nổi. Từ cơ quan xã – tức nhà Cấm – xuống xóm gần nhất – xã Nà Lường có bốn xóm – cũng mất 20 cây số. Hai là Cấm không biết chữ, đưa báo nhầm mất thôi ! Đồng chí bí thư huyện không nói gì cả, chỉ gọi Cấm đến trụ sở mở rộng một tờ báo ra trên bàn và đọc :

Nhân Dân

Cơ quan Trung ương của Đảng Lao động Việt Nam

Thế là Cấm đứng phắt dậy :

– Tôi sai rồi, đồng chí bí thư ạ. Tôi sửa chữa thôi. Báo này là cơ quan Trung ương của Đảng, thế thì tôi phải đi. Được, tôi đi được...

Từ đó, hằng ngày buổi chiều, Cấm lại chờ thằng cháu về nhận báo rồi đi xuống xóm. Cấm đi ngày đi đêm, vai đeo súng, báo cuộn tròn trong ống nứa đeo lưng. Mưa hay nắng, hay gió bão, báo Đảng cũng không dừng lại một ngày nào, một đêm nào, một giờ nào trên những sườn núi Mèo cheo leo, hiểm trở và ẩn hiện trong mây này...

*

* *

Nửa đêm, đồng chí giao thông huyện mới về thấy chú còn đốt lửa ngồi chờ, anh ta dừng lại trên ngưỡng cửa, đằng hắng ra hiệu. Cấm không ngửng đầu lên, giọng nói ồ ồ :

– Còn ho cái gì, vào đây, ngồi đây ! Tao phải phê bình mày một trận, không thương đâu.

Cánh cửa mở toang ra. Cùng với khí lạnh của đêm mùa xuân trên núi cao, bỗng tỏa vào nhà một thứ hương hoa tím nhạt, xa vắng và gần gụi, thoang thoảng, êm dịu tưởng như mùi thơm của cả mùa xuân, của cả rừng Mèo. Trong nháy mắt, mùi

thơm đến tận đáy lòng ấy làm nguội tất cả cơn giận của Cấm. Nhưng Cấm cũng còn cố làm ra vẻ càu nhàu :

– Hừ, thôi được, để tao đi kẻo chậm báo đã. Đi về rồi tao mới phê bình mày. Không chỉ phê bình bằng mồm đâu lố, phê bình bằng cả nắm tay này nữa nghe chưa ?

Một trận cười giòn tan bỗng vang lên. Cấm đốt lửa suốt đêm vẫn không ấm được căn nhà trống trải của một con người suốt đời không vợ con. Thế mà chỉ một trận cười của nó bỗng xua hết khí lạnh đêm khuya, xua hết cái lạnh lẽo trong cả cuộc đời đã đậu trên mái tóc Cấm thành những vết bạc ngày càng loang rộng ra.

Nó ngồi xuống bên cạnh Cấm, mở ống, lấy ra từng tờ báo. Nó đọc :

– Cái này của ông Lí A Pù lố.

Cấm bảo :

– Xóm Nà Ngần, biết rồi.

Anh cuộn tờ báo cẩn thận cho đến khi nó chỉ còn nhỏ bằng thân cây sậy khô, rồi buộc lại bằng sợi chỉ đỏ. Chỉ đỏ là ông Lí A Pù.

– Cái này của đồng chí Ma Văn Keo.

– Biết rồi, xóm Nà Thăn đấy.

Cấm buộc một sợi chỉ xanh.

– Cái này của ông Mã Thế Sinh.

– Biết rồi, xóm Văn Thụ.

Cấm buộc một sợi chỉ vàng.

– Cái này kính gởi đồng chí Chu Quốc Viên.

Cấm bảo :

– Ở tận xóm Lằng Lường đấy nhé.

Anh buộc một sợi chỉ trắng.

Anh nhét tất cả vào ống nứa, đậy nắp cẩn thận đeo bên hông. Rồi anh đứng dậy, khoác súng lên vai :

– Cơm trong bếp, còn nóng đấy. Thịt nai trong cái chảo. Ăn rồi ngủ đi !

Anh đi ra cửa. Thằng cháu cũng đi ra theo. Đêm đã khuya lắm. Những đỉnh núi Mèo nhọn hoắt in đậm trên một bầu trời lơ thơ rất ít sao. Gà rừng gáy hoảng, âm vang vào những vách núi vây tròn lấy cái thung lũng bé này. Cấm bảo cháu một lần nữa :

– Thịt nai trong cái chảo, ăn rồi đi ngủ !

Anh bước xuống thang.

Ôi, nhớ làm sao những đêm đi Cách mạng ngày còn trẻ, tóc còn đen. Đồng chí Văn cũng đến những đêm như thế này đây, có khi vài con gà rừng gáy hoảng âm vang và trên các đỉnh núi thì sao đã mờ như sắp tắt. Đồng chí Văn bây giờ cũng viết báo Đảng đấy. Không biết trong báo kì này đồng chí có viết không ? Xuống xóm phải ngồi nghe báo cho hết mới được. Lần nào cũng vậy, báo xuống tới nơi thì đồng bào cả xóm tập họp vây quanh lấy Cấm.

– Đồng chí bí thư phát hành viên !

– Đồng chí bí thư phát hành viên !

Một người biết chữ đứng ra đọc báo cho mọi người cùng nghe. Cấm cũng ngồi nghe. Anh gác mũi súng lên vai như những ngày còn đi bí mật xưa kia, chăm chú nhìn vào cái mồm người đọc. Bắt đầu là :

Nhân Dân

Cơ quan Trung ương của Đảng lao động Việt Nam

Trụ sở biên tập số... Hàng Trống...

Ra ngày...

Xã luận...

Người thanh niên đọc một đoạn rồi đứng lên. Cấm đứng lên dịch ra tiếng Mèo. Cấm dịch rành rọt từng câu, từng chữ. Này, Đảng nói về việc làm mùa. Này Đảng lại nói việc đi học chữ. Này Đảng lại nói việc thằng Mĩ – Diệm. Bà con ạ, nó vẫn giết người của mình đấy. Nó làm cái máy chém đấy ! Cấm chống súng xuống đất và giọng nói của anh âm vang. Cách mạng đã xong đâu. Nó còn giết người Cách mạng ở miền Nam kia mà.

truongxua.vn

Cấm phải đi chứ. Cấm già rồi, tóc bạc rồi, không đi xa tới tận miền Nam được để cứu đồng bào trong đó. Cấm phải đi phát hành viên trên rẻo cao này để báo nói cho mọi người biết. Cách mạng chưa xong đâu, còn phải đi, còn phải làm nhiều, làm nhiều...

Người đọc, người dịch hết tờ báo từ đầu đến cuối. Rồi Cấm lại đeo súng lên vai, chào mọi người, đi xóm khác. Trước khi đi, Cấm bước tới gần người đọc báo, cười bảo :

– Còn thiếu một chỗ anh chưa đọc đấy.

– Chỗ nào ?

Cấm đưa một ngón tay chỉ vào chỗ góc phía dưới của tờ báo.

– Chỗ này, nói về ông trời với cái gió ấy mà !

– À còn thiếu thật, còn thiếu thật. Này nhé tôi đọc nốt nhé ! Mọi người lại xúm đến.

– Tôi đọc đây :

"Ở miền Bắc nước ta hôm nay trời quang và nắng...

Riêng vùng núi phía bắc và tây Bắc Bộ, trời ít mây, thỉnh thoảng có mưa nhỏ rải rác ở một vài nơi..."

thuongmaitr

... Cấm đi một mình trong đêm. Đúng như báo Đảng nói, đêm nay trời ít mây và có gió nhẹ. Thỉnh thoảng có mưa nhưng là mưa nhẹ như sương. Mùa xuân về trên rẻo cao đã làm nở những thứ hoa chỉ thơm ban đêm, kín đáo như nụ cười tình của một cô gái Mèo. Tiếng kêu của một con hoẳng lạc bầy trong rừng khuya nghe như tiếng gọi thiết tha của một con người. Cấm nghĩ chưa bao giờ anh nghe báo nói về tiếng kêu của con hoẳng đó. Nhưng nói làm gì, trên khắp đất nước ta, có nơi nào mà một đêm mùa xuân lại không nghe thấy tiếng kêu thảm thương của một con hoẳng lạc mẹ. Cấm xốc lại dây súng, nhưng không phải để bắn. Anh đi nhanh trong đêm quen thuộc.

Cấm đi xóm nào trước bây giờ đây ? Đi cái chỉ xanh trước thôi, xa nhất mà. Đỉnh núi của đồng chí Ma Văn Keo mà Cấm ghi trong trí nhớ bằng một sợi chỉ xanh, chót vót đứng một mình lơ lửng trong mây trắng.

12 - 1959

Chú giải

Nguyên Ngọc, tên khai sinh là Nguyễn Văn Báu (còn có bút danh là Nguyễn Trung Thành), sinh năm 1932 tại Đà Nẵng. Tác phẩm chính : *Đất nước đứng lên, Rẻo cao, Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc, Đất Quảng, Trận đánh bắt đầu từ hôm nay.*

(1) *Bắc Kạn :* một tỉnh phía bắc.

(2) *Đồng chí giao thông huyện :* đồng chí cán bộ làm công tác giao thông đưa công văn, chỉ thị, tin tức từ bộ phận này đến bộ phận khác, từ nơi này đến nơi khác trong địa bàn huyện.

(3) *Tăng gia* (nói tắt) : công việc tăng gia sản xuất.

(4) *Phát hành viên :* người làm công việc phát hành sách, báo.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

Truyện ngắn *Rẻo cao* xây dựng hình tượng Cẩm, một cán bộ cách mạng từ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, vẫn tận tụy hết lòng với công tác cách mạng ở xã, và hình ảnh người cháu của Cẩm, cán bộ giao thông huyện. Hai nhân vật ấy là hình ảnh của hai thế hệ cán bộ cách mạng ở miền núi, làm việc cho cách mạng nhiệt tình, tận tụy mà cũng hết sức vô tư, hồn nhiên, chất phác.

uongxua.vn

MẦM NON

VÕ QUẢNG

Dưới vỏ một cành bàng
Còn một vài lá đỏ
Một Mầm Non nho nhỏ
Còn nằm ép lặng im.

Mầm Non mắt lim dim
Cố nhìn qua kẽ lá
Thấy mây bay hối hả
Thấy lất phất mưa phùn
Rào rào trận lá tuôn
Rải vàng đầy mặt đất
Rừng cây trông thưa thớt
Như chỉ cội với cành...
Một chú thỏ phóng nhanh
Chạy nấp vào bụi vắng.

Và tất cả im ắng
Từ ngọn cỏ làn rêu, ...
– Chợt một tiếng chim kêu
Chiếp chiu, chiu ! Xuân tới !
Tức thì trăm ngọn suối
Nổi róc rách reo mừng
Tức thì ngàn chim muông
Nổi hát ca vang dậy
Mầm Non vừa nghe thấy
Vội bật chiếc vỏ rơi
Nó đứng dậy giữa trời
Khoác áo màu xanh biếc.

Chú giải

Võ Quảng (sinh năm 1918) quê tỉnh Quảng Nam, là nhà văn chuyên viết cho thiếu nhi. Ông có nhiều tác phẩm, cả thơ và truyện – được bạn đọc nhỏ tuổi ưa thích. Tác phẩm chính : các tập thơ *Gà mái hoa, Nắng sớm, Anh đom đóm, Măng tre, Quả đỗ* ; các tập truyện : *Cái Thăng, Quê nội, Tảng sáng*...

thuongmaitr

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

Bài thơ miêu tả một cách hết sức sinh động, cụ thể như có thể tận mắt nhìn thấy được một Mầm Non ra đời như thế nào khi mùa xuân đến.

Cảnh vật thiên nhiên trong bài thơ được miêu tả ở hai thời điểm : trước và khi mùa xuân đến. Tín hiệu mùa xuân đến trong những âm thanh rộn rã, tưng bừng náo nức của tiếng chim, tiếng suối, đã đánh thức chiếc Mầm Non bật dậy. Hình ảnh Mầm Non thật đẹp tươi ở cuối bài thơ cũng là biểu tượng của sức sống mùa xuân, của vẻ đẹp tinh khôi của thiên nhiên.

MƯA XUÂN TRÊN BIỂN

HUY CẬN

Mưa xuân trên biển thuyền yên chỗ
Tôm cá chắc đầy phiên chợ mai
Sấm tết thuyền về dăm khóm đỗ
Đảo xa thăm thẳm vệt mưa dài.

Thuyền đậu thuyền đi hạ kín mui
Lưa thưa mưa biển ấm chân trời
Chiếc tàu chở đá về bên Cảng
Khói lẫn màu mây tưởng đảo khơi.

Em bé thuyền ai ra dỡn nước
Mưa xuân tươi tốt cả cây buồm
Biển bằng không có dòng xuôi ngược
Cơm giữa ngày mưa gạo trắng thơm.

Hòn Gai, 2-1959

Chú giải

Huy Cận (sinh năm 1919) quê ở tỉnh Hà Tĩnh, là một đại diện xuất sắc của Phong trào Thơ mới và cũng là một trong những tên tuổi ở hàng đầu của nền thơ Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945. Thơ Huy Cận từ sau 1945 thể hiện sự gắn bó với đời sống mới, với quê hương đất nước và giàu cảm xúc về thiên nhiên, vũ trụ. Hình ảnh cuộc sống mới trong thơ Huy Cận thường mang vẻ đẹp êm dịu, hài hòa. Huy Cận cũng có nhiều sáng tác cho thiếu nhi. Năm 1996, ông được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (đợt I).

Tác phẩm chính : các tập thơ *Lửa thiêng, Trời mỗi ngày lại sáng, Đất nở hoa, Bài thơ cuộc đời, Hai bàn tay em, Những năm sáu mươi, Ngày hằng sống ngày hằng thơ, Hạt lại gieo*...

truongxua.vn

Bài *Mưa xuân trên biển* được làm trong chuyến thâm nhập thực tế dài ngày của Huy Cận ở vùng mỏ Quảng Ninh. Bài thơ được đưa vào tập thơ *Đất nở hoa* (1960) của tác giả.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

Bài thơ là mấy bức tranh chấm phá đơn sơ mà gợi cảm về cảnh thiên nhiên vùng biển Hạ Long và một xóm chài trong mưa xuân. Mưa xuân dăng nhẹ làm cảnh vật như mờ ảo, hòa lẫn vào nhau ("Đảo xa thăm thẳm vệt mưa dài, Chiếc tàu chở đá về bên Cảng, Khói lẫn màu mây tưởng đảo khơi"). Bài thơ tả cảnh mưa nhưng không gợi cảm giác lạnh lẽo buồn mà mang không khí ấm áp rộn rịp của một ngày giáp tết : những chiếc thuyền của ngư dân về đậu quây quần sau buổi chợ sắm tết, con thuyền hạ kín mui tạo không gian ấm cúng bên trong khoang thuyền, đến cả chân trời cũng ấm lên trong màn mưa. Cảnh thiên nhiên và đời sống con người trong bài thơ toát lên niềm vui ấm áp của một cuộc sống thanh bình. Giữa những bức tranh phong cảnh vùng biển ngày mưa, tác giả dừng lại khắc họa một hình ảnh đẹp và nhiều ý nghĩa biểu tượng : "Mưa xuân tươi tốt cả cây buồm". Sức sống của mùa xuân, cái nhìn vui và tin yêu vào cuộc sống mới của nhà thơ đã đưa đến hình ảnh sáng tạo và kì thú ấy.

MƯA

TRẦN ĐĂNG KHOA

Sắp mưa
Sắp mưa
Những con mối
Bay ra
Mối trẻ
Bay cao
Mối già
Bay thấp
Gà con
Rối rít tìm nơi
Ẩn nấp
Ông trời
Mặc áo giáp đen
Ra trận
Muôn nghìn cây mía
Múa gươm
Kiến
Hành quân
Đầy đường
Lá khô
Gió cuốn
Bụi bay
Cuồn cuộn
Cỏ gà run tai
Nghe
Bụi tre
Tần ngần
Gỡ tóc
Hàng bưởi
Đu đưa
Bế lũ con
Đầu tròn
Trọc lóc
Chớp
Rạch ngang trời
Khô khốc
Sấm
Ghé xuống sân
Khanh khách
Cười
Cây dừa
Sải tay
Bơi
Ngọn mùng tơi
Nhảy múa
Mưa
Mưa
Ù ù như xay lúa
Lộp bộp
Lộp bộp
Rơi
Rơi ...
Đất trời
Mù trắng nước
Mưa chéo mặt sân
Sủi bọt
Cóc nhảy chồm chồm
Chó sủa
Cây lá hả hê
Bố em đi cày về
Đội sấm
Đội chớp
Đội cả trời mưa ...

1967

thuongmaitr

Chú giải

Trần Đăng Khoa sinh năm 1958, quê tỉnh Hải Dương, có năng khiếu thơ nảy nở rất sớm. Từ lúc là học sinh Tiểu học đã có nhiều bài thơ đăng báo và tập thơ đầu được in năm 1970, lúc tác giả mới 12 tuổi. Thơ Trần Đăng Khoa ở tuổi thiếu nhi viết về những cảnh vật quen thuộc của làng quê, về những người thân, từ góc sân nhà em mà nhìn ra thấy cả quê hương đất nước. Thơ tuổi thơ của Trần Đăng Khoa vừa có cái hồn nhiên trong sáng của tuổi thơ lại mang được tinh thần, khí thế của thời đại chiến đấu chống đế quốc Mĩ.

Tác phẩm thơ : *Thơ Trần Đăng Khoa, Góc sân và khoảng trời, Khúc hát người anh hùng, Bên cửa sổ máy bay.*

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

Bài thơ tả một trận mưa theo trình tự diễn ra với những hình ảnh rất sống động của mọi loài, từ cỏ cây đến loài vật, trước cơn mưa và trong trận mưa. Tác giả sử dụng rộng rãi phép nhân hóa, làm cho cảnh thiên nhiên càng sinh động và gần gũi với con người (*Cỏ gà rung tai nghe, Bụi tre tần ngần gỡ tóc, Hàng bưởi đu đưa bế lũ con, Sấm ghé xuống sân khanh khách cười, Cây dừa sải tay bơi...*). Cách nhìn thế giới thiên nhiên như vậy là một nét đặc trưng của tâm lí trẻ thơ, nhưng cũng chính vì thế mà rất nên thơ và sinh động. Tác giả đã quan sát rất tinh, nắm bắt và miêu tả từng sự vật với những nét hình dáng và hoạt động rất đặc trưng. Bài thơ có một nhịp điệu nhanh, mạnh, ngày càng dồn dập, với những dòng thơ ngắn và xuống dòng đột ngột, gợi ra âm thanh và nhịp điệu của trận mưa rào.

uongxua.vn

Ở cuối bài mới xuất hiện hình ảnh con người trong một công việc thật bình thường (đi cày về) nhưng chứa đựng sức mạnh và thể hiện một tư thế thật hào hùng : *Đội sấm, Đội chớp, Đội cả trời mưa...*

Bài 8. ÔN TẬP VỀ VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

1. Em đã học những bài thơ nào, của tác giả nào trong phần văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 ? Những bài thơ ấy nói về ai, thể hiện những tình cảm gì ? Những bài thơ ấy được làm theo thể thơ nào ?

2. Những bài văn mà em đã học và đọc thêm kể về chuyện gì ? Nhân vật chính là ai ? Những nhân vật ấy có gì nổi bật về hình dáng, công việc, tính tình, phẩm chất ? Trong các bài văn ấy, có những đoạn tả cảnh nào mà em thích thú và ghi nhớ ?

3. Qua ba chương trích truyện *Dế Mèn phiêu lưu kí,* em có nhận xét gì về thế giới loài vật qua ngòi bút của Tô Hoài ?

Hình ảnh chú Dế Mèn trong truyện có những nét gì làm em thích thú và ghi nhớ ?

Trong ba chương truyện, có những cảnh nào đặc sắc ?

Em học tập được gì về lối văn tả cảnh, kể chuyện của tác giả ?

4. Qua những bài văn, bài thơ đã học, em hiểu biết thêm những gì và gợi ra ở em những tình cảm, cảm xúc gì về thiên nhiên, về loài vật, về quê hương đất nước và con người Việt Nam trong chiến đấu và trong lao động ?

5. Tập đọc diễn cảm các bài thơ đã học và các đoạn trích trong truyện *Dế Mèn phiêu lưu kí.*

Học thuộc lòng hai bài thơ của Hồ Chí Minh và các đoạn (đã chỉ rõ trong mục Hướng dẫn học bài) của các bài thơ : *Lượm, Đêm nay Bác không ngủ, Từ Cu-ba.*

6. Tìm đọc toàn truyện *Dế Mèn phiêu lưu kí*. Tìm đọc thêm những truyện khác viết về loài vật. Tìm đọc thêm các bài thơ viết về thiên nhiên, quê hương đất nước trong tuyển tập *Thơ Việt Nam 1945-1985* (NXB Giáo dục, 1985, 1990).

thuongmaitr

PHẦN BA

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

Bài 1. NỮ OA VÁ TRỜI

(Thần thoại Trung Quốc)

Người Trung Hoa kể rằng Nữ Oa là vị thần sinh ra loài người. Con cháu bà đang sống trong cõi thế gian bình yên vô sự thì bỗng một hôm Thủy thần[1] Cung Công và Hỏa thần [2] Chúc Dung gây sự đánh nhau rất dữ dội. Cung Công thua to, tự nghĩ chẳng còn mặt mũi nào sống trong trời đất nữa bèn đập đầu vào núi Bất Chu, vốn là cây cột chống trời ở phía tây bắc, để tự tử. Vì sức đập không đủ mạnh nên Cung Công không chết, chỉ có cây cột chống trời là gẫy gập xuống, một góc trời bị sụt lở, gây ra tai họa khủng khiếp cho loài người.

truongxua.vn

Vòm trời rách toang, đất đai ầm ầm rung chuyển, núi rừng bốc cháy, nước ngập mênh mông, loài người hốt hoảng kéo nhau chạy trốn. Nhưng trời sập thì còn biết trốn vào đâu !

Bà Nữ Oa đau lòng thấy con cháu ngoi ngóp trong cảnh đất trời nghiêng ngửa tối tăm. Bà nghĩ chỉ còn một cách vá lại vòm trời cho nguyên lành như cũ mới mong cứu được loài người. Nhưng công việc vá trời đâu phải chuyện dễ, xưa nay đã có ai nghĩ đến, đừng nói dám làm ! Chỉ vì thương con mà ngày đêm bà không quản khó khăn, vất vả, một mình hì hục khuân đất, đội đá ở khắp nơi về để vá trời cho bằng được, kịp cứu đàn con.

Bà chọn đá ngũ sắc, chất lên thành núi, đốt lửa luyện đá thành keo rồi lần lượt vá hết các vết thủng trên vòm trời. Bà

lấy bốn chân lực lưỡng[3] của con rùa khổng lồ đem dựng ở bốn phương trái đất làm cột chống trời hết sức vững chãi. Vòm trời được nâng cao, ánh sáng trở lại chan hòa.

Bà còn lấy lau lách[4] ở các bờ sông đốt thành tro, chất đống lại để ngăn dòng nước lũ lan tràn trừ được tai họa do Thủy thần gây ra. Bà giết con rồng đen hung dữ xua đuổi các loài ác thú vẫn thường quấy phá khắp nơi. Bà lấy ống sậy[5] ghép lại với nhau thành một loại nhạc cụ hình giống đuôi con chim phượng rồi giao cho con cháu thổi lên nghe réo rắt vui tai.

Từ đấy, cảnh tượng bình yên đã trở về trên mặt đất. Con người sống dưới vòm trời trong xanh, điểm mây ngũ sắc, không còn lo trời sập, không sợ nước lũ và loài ác thú, chăm lo làm ăn, bốn mùa no đủ, vui tươi. Họ tưởng nhớ công ơn bà Nữ Oa luyện đá vá trời cho đàn con được hưởng yên vui, no ấm, nên lập miếu để thờ bà.

(Soạn lại theo bản dịch của
THÁI HOÀNG và BÙI VĂN NGUYÊN)

thuongmaitr

Chú giải

(1) *Thủy thần* : thần Nước.

(2) *Hỏa thần* : thần Lửa.

(3) *Lực lưỡng* : to lớn, khỏe mạnh.

(4) *Lau lách* : loài cỏ cao, lá như lá mía, có bông trắng.

(5) *Sậy* : loài cây dại thuộc họ lúa, cao độ hai, ba mét, thân cứng và thẳng như cái ống.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Em hãy so sánh truyện *Nữ Oa vá trời* với truyện *Thần Trụ Trời* và rút ra một số nét giống nhau của hai truyện này.

2. Truyện *Nữ Oa vá trời* cũng có đôi nét tương tự với truyện *Con Rồng, cháu Tiên*. Em hãy tìm ra những nét ấy.

3. Nữ Oa được coi là vị thần sinh ra loài người. Hình tượng vị nữ thần này có những nét đặc sắc gì ? Em thích những chi tiết nào của hình tượng này ?

Bài 2. CUỘC THI TÀI KÌ LẠ

Tiểu dẫn

Cuộc thi tài kì lạ trích trong kho thần thoại của các dân tộc sống trên bán đảo Xcăng-đi-na-vi ở Bắc Âu.

*

* *

Trong thế giới thần linh, thần Tho nổi tiếng là khỏe nhất. Lấp sông, đào núi, trị rắn to, thú ác, thần đều lập công đầu. Ở thiên đình[1] không có đối thủ[2], thần buồn chán, muốn ngao du[3] thiên hạ. Thần rủ thần Lô-ki và thần Than-phi cùng đi.

Ba thần đi đến xứ sở những người khổng lồ[4], vào bái kiến[5] vua, xin thi tài với những người giỏi nhất.

Thần Lô-ki ăn khỏe nhất thiên hạ, muốn thi ăn.

Nhà vua sai bày một cái máng to, dài, đầy ắp thịt, cá, rau, củ, đủ cho cả một xóm ăn no, rồi gọi một người khổng lồ ra thi ăn với thần. Giao hẹn mỗi bên ăn một đầu máng, ai tới vạch giữa trước thì thắng cuộc. Thần Lô-ki ăn như mưa gió, ngốn vùn vụt từng mảng thịt to như đầu người. Người khổng lồ ăn như bão táp, dồn thịt xương, rau củ thành từng ôm mà nuốt, lại nhai rau ráu cả từng mảng máng. Thần Lô-ki mới ăn được một phần tư của mình đã thấy người khổng lồ sắp ăn tới giữa máng. Thần giơ tay xin thua, sợ rằng trong giây lát nữa, khi ăn hết thức ăn, sẵn đà hắn nhai nốt cái đầu mình cũng nên.

Thần Than-phi chạy nhanh hơn ngựa, hơn thỏ, hơn cả chim cất bay. Thần muốn trổ tài. Nhà vua lại đòi một người khổng lồ khác đến thi. Đường tranh giải gồm năm chặng và bốn hòn núi đá. Vút một cái, người khổng lồ đã chạy xong chặng thứ nhất, vượt núi như đi trên đồng bằng, phóng luôn một mạch tới đích, rồi chạy ngược trở lại đứng xem thần Than-phi ỳ ạch leo quả núi thứ hai. Thấy vậy thần bỏ cuộc.

Chỉ còn thần Tho. Thần khỏe nhờ cái bụng to, khi uống đầy bụng, xuống tấn thì voi húc cũng không đổ, muốn giở ngón tuyệt luân[6] của mình ra, nên trước hết thần đòi uống nước.

truongxua.vn

một vật gì màu sắc rất đẹp vướng trên cành thông. Chàng lại gần. Đó là một chiếc áo khoác phụ nữ kết bằng lông chim, đẹp chưa từng thấy : lông trắng mịn màng trên cổ cò, lông xanh biêng biếc ở cánh chim trả, lông vàng óng ả dưới bụng vàng anh... Chàng trai tự nhủ : "Vật này đẹp quá và hiếm có thật ! Ta hãy đem về cho bà con xem, chắc thế nào rồi người có áo cũng tìm đến nhận". Nói đoạn chàng với tay lấy áo, toan ra về.

Bỗng đâu có một người con gái nhan sắc tuyệt trần đi tới, dáng đi thướt tha, uyển chuyển[3]. Nàng cất giọng trong trẻo nói :

– Thưa, áo kia của tôi. Chàng cho tôi xin lại.

– Không, áo tôi vừa bắt được ở cành cây này mà. Nàng ở đâu mới đến, tôi nào có biết ? Đưa cho nàng, khi chủ có áo hỏi, tôi biết liệu làm sao ?

– Đây là áo tiên, tôi cởi ra mắc trên cành thông để đi dạo hưởng ngọn gió mát và nhìn xem phong cảnh. Chàng ơi ! Tôi không có áo đó thì không bay về trời được, rồi trong hôm sớm sẽ chết rũ nơi đây. Xin chàng nghĩ lại cho.

thuongmaitr

Nước mắt lưng tròng, nàng tiên đứng im chờ đợi. Chàng đánh cá động lòng :

– Thôi, nàng đừng khóc nữa, để tôi trả áo lại cho. Nhưng tôi nghe nói tiên múa đẹp lắm, xin nàng hãy múa cho tôi xem một điệu đẹp nhất.

– Không có áo ấy múa không đẹp. Chàng cứ đưa áo cho tôi, rồi tôi múa cho chàng xem. Và cũng xin thưa rằng giờ này đã khá muộn, xin cáo biệt chàng luôn, ơn chàng xin ghi lòng tạc dạ.

Chàng đánh cá trao áo, nàng tiên mặc vào trông lại càng đẹp. Rồi nàng bắt đầu múa, là con sáo nhảy, con công xòe đuôi, con thiên nga rỉa cánh, con gà mái tơ tắm nắng, con chim chèo bẻo lộn mình giữa tầng không..., ấy là tất cả, hòa hợp thành một điệu múa thần tình[4]. Chàng đánh cá ngây ngất nhìn, quên cả việc trần thế... Nàng tiên càng múa càng lên cao dần, cuối cùng nàng chỉ còn là con chim nhạn trên trời thu, rồi mất hút trong xa thẳm.

Chàng đánh cá về nhà cố nhớ điệu múa, diễn tả lại cho các cô gái trong thôn xóm xem. Các cô cũng kết lông chim làm áo, ra sức luyện tập, rồi múa cho bà con xem. Tuy không thể bằng chính tiên múa, nhưng bà con cũng vô cùng thích thú, từ đấy cứ gọi điệu múa kia là Điệu múa của nàng tiên áo lông chim.

(VÕ PHI HỒNG
và HUỲNH LÝ kể)

Chú giải

(1) *Núi Phú Sĩ :* ở Nhật, nguyên là núi lửa, đã tắt, hình nón, chóp núi bị tuyết phủ.

(2) *Hòa nhã :* dịu dàng, lễ phép với mọi người. *Tiếng sóng hòa nhã* : tiếng sóng êm ả, không dữ dội, ồn ào.

(3) *Uyển chuyển :* mềm mại, nhịp nhàng, không có cử động gấp gáp, thô kệch.

(4) *Thần tình :* ở đây ý nói đẹp khéo và tài tình.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Chàng đánh cá thấy cái áo lông chim trong hoàn cảnh nào ? (chú ý những chi tiết về cảnh vật)

truongxua.vn

2. Thấy chiếc áo lông chim rất lạ, rất đẹp, chàng đánh cá nghĩ gì ? Điều chàng tự nhủ chứng tỏ chàng là một người con trai như thế nào ?

Chi tiết này về con người chàng đánh cá có liên quan gì đến việc chàng được chiếc áo lông chim và gặp nàng tiên không ?

3. Việc chàng trai trả áo cho nàng tiên đã được nàng tiên đền ơn như thế nào ?

4. Câu chuyện về nguồn gốc "Điệu múa của nàng tiên áo lông chim" nói lên ước mơ gì của nhân dân Nhật Bản xưa kia ?

Bài 4. HÊ-RA-KLEX ĐI TÌM NHỮNG QUẢ TÁO VÀNG

Tiểu dẫn

Hê-ra-klex là nhân vật nổi tiếng trong thần thoại Hi Lạp, một trong những kho thần thoại xa xưa nhất và phong phú nhất của loài người. Chàng là con của thần Dớt – vị chúa tể trên thiên đình và của người phụ nữ xinh đẹp An-cơ-men. Chàng có sức khỏe phi thường.

*

* *

Chú giải

(1) *Kì công :* công trạng kì lạ. Hê-ra-klex, còn gọi là Héc-quyn, có lần phạm tội, bị thần linh buộc phải lập 12 kì công trong 12 năm để chuộc tội; các kì công của chàng: giết con sư tử ở Nê-mê, giết con mãng xà ở Lec-nơ, bắt sống con lợn rừng ở E-ri-măng-tơ, bắt sống con hươu cái trên núi Xê-ri-ni, tiễu trừ đàn chim ác ở hồ Xtim-phan, dọn sạch chuồng bò của Ô-gi-at, bắt sống con bò mộng ở Cơ-ret, đoạt bầy ngựa của Đi-ô-met, đoạt chiếc thắt lưng của Hip-pô-lit, đoạt đàn bò của Giê-ri-ông, bắt sống chó ngao Xec-be, và đi lấy những quả táo bằng vàng của các nàng He-xpê-rit.

(2) *Mi-xen :* một thành bang ở Hi Lạp cổ đại.

(3) *Khổng lồ :* rất to lớn, tới mức không tưởng tượng được.

(4) *Tật :* thói xấu đến mức dường như không chữa được.

(5) *Sa mạc :* vùng đất cát rộng mênh mông, cây cỏ và động vật hầu như không thể sinh sống được.

(6) *Tính mệnh* (còn gọi là tính mạng) : sự sống của con người.

(7) *Lực sĩ :* xem chú giải (2) trang 29.

(8) *At-lax :* nhân vật trong thần thoại, vì phạm tội nên bị biến thành núi, vì quả núi này rất cao nên người xưa hình dung At-lax bị thần linh bắt vác cả bầu trời trên vai; At-lax cũng là tên một dãy núi cao ở Bắc Phi.

(9) *Dũng mãnh :* có sức khỏe và lòng can đảm phi thường.

(10) *Thiên hạ :* dưới gầm trời, ở đây ý nói: mọi người.

(11) *Ngao du sơn thủy :* dạo chơi non nước, ý nói đi dạo chơi ngắm phong cảnh.

(12) *Thâm ý :* ý thâm kín, muốn hại ngầm người khác.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Nêu lên hai sự kiện quan trọng trong kì công của Hê-ra-klex đi tìm những quả táo bằng vàng. Trên cơ sở đó, tìm bố cục đoạn văn.

2. Chứng minh rằng qua từng sự kiện, Hê-ra-klex đều tỏ ra vừa có sức khỏe phi thường, vừa có mưu trí.

3. Ăng-tê lấy sức mạnh từ đâu? Tại sao người ta thường dùng câu chuyện Ăng-tê để khuyên mọi người phải gắn bó với nhân dân ?

4. Liên hệ những điểm giống nhau trong quan niệm của người xưa qua chàng khổng lồ At-lax của thần thoại Hi Lạp, thần Trụ Trời trong thần thoại Việt Nam và bà Nữ Oa ở thần thoại Trung Quốc.

thuongmaitr

Bài 5. MÂY VÀ SÓNG

TA-GOR

Mẹ ơi, kìa ai đang gọi con trên mây cao.
Họ bảo : "Chúng ta vui chơi từ tinh mơ đến hết ngày.
Chúng ta giỡn với sớm vàng(1) rồi lại đùa cùng trăng bạc"(2).
Con hỏi : "Nhưng mà làm thế nào tôi lên trên ấy được ? ".
Họ trả lời : "Con hãy đi đến hết cõi đất, rồi giơ tay lên trời,
con sẽ bay bổng lên mây".
Nhưng con nói : "Mẹ đợi tôi ở nhà, tôi có lòng nào
bỏ được mẹ tôi".
Họ bèn mỉm cười, và lửng lơ họ bay đi mất.
Nhưng con biết trò chơi còn hay hơn của họ :
Con làm mây nhé, mẹ làm mặt trăng,
Hai tay con ôm mặt mẹ, còn mái nhà ta là trời xanh.
Mẹ ơi, kìa những ai đang gọi con dưới sóng rì rào :

"Chúng ta ca hát sớm chiều, chúng ta đi mãi mãi, không
biết là đi qua những đâu".
Con hỏi : "Nhưng mà làm thế nào tôi đuổi được theo bây giờ ?".
Họ bảo : "Cứ đi, con cứ đi đến bờ biển, đứng im,
con nhắm mắt lại, sóng sẽ cuốn con đi".
Con trả lời : "Nhưng đến tối, mẹ tôi nhớ thì sao ?
Tôi làm thế nào mà rời mẹ tôi được ? ".
Họ bèn mỉm cười, và nhảy nhót, họ dần đi xa.
Nhưng con biết trò chơi còn hay hơn của họ.
Con làm sóng nhé, mẹ làm mặt biển,
Con lăn, lăn như làn sóng vỗ, tiếng con
cười giòn tan vào gối mẹ.
Và không ai trên đời này biết được là mẹ con ta đang ở đâu.

(Bản dịch của NGUYỄN ĐÌNH THI)

Chú giải

Ta-gor, nhà thơ lớn nhất của Ấn Độ thời hiện đại (1861 - 1941), sinh ở Can-cut-ta.

(1) *Sớm vàng :* gọi sớm vàng vì buổi sớm có nắng màu vàng, mây màu vàng.

thuongmaitr

(2) *Trăng bạc :* trăng màu trắng. Cũng có khi người ta nói trăng ngà : trăng có màu trắng ngà. Ở đây "sớm vàng, trăng bạc" diễn tả rõ thêm ý "vui chơi từ tinh mơ đến hết ngày".

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Bài có hai cảnh thơ được sáng tạo bằng trí tưởng tượng : Cảnh đầu, em bé nói chuyện với mẹ về ai ? Về việc gì ? Cảnh sau, em bé nói chuyện với mẹ về ai ? Về việc gì ?

2. Em bé đã tưởng tượng mây nói với em bé những gì ? Những cuộc vui chơi của mây được miêu tả bằng câu nào, hình ảnh nào trong bài thơ ? Lời nói nào của em bé chứng tỏ em thích đi chơi với mây ?

3. Em bé đã tưởng tượng sóng nói với em những gì ? Những cuộc vui chơi của sóng được miêu tả bằng hình ảnh nào, câu nào trong bài thơ ? Lời nói nào của em bé chứng tỏ em thích đi chơi với sóng ?

4. Vì sao em bé lại từ chối lời rủ của mây và sóng ? Những câu trả lời nào của em bé chứng tỏ em yêu mẹ em hơn tất cả.

5. Em bé đã tưởng tượng như thế nào mà cho rằng trò chơi của em nghĩ ra còn thú vị hơn là trò chơi của mây và sóng ?

6. Em viết lại bằng văn xuôi bài thơ này (dưới dạng một câu chuyện em bé thỏ thẻ nói với mẹ những điều theo nội dung bài thơ).

Bài 6. LÒNG YÊU NƯỚC

I-LI-A Ê-REN-BUA

Tiểu dẫn

I-li-a Ê-ren-bua (1891 - 1962) là một nhà văn nổi tiếng của Liên Xô (cũ). Ông còn là một nhà báo lỗi lạc. Bài văn trích *Lòng yêu nước* được trích từ bài báo *Thử lửa* viết cuối tháng 6 năm 1942, vào thời kì ác liệt nhất của cuộc chiến tranh vệ quốc của nhân dân Liên Xô chống phát xít Đức xâm lược (1941 - 1945).

*

* *

ruongxua.vn

Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất : yêu cái cây trồng ở trước nhà, yêu cái phố nhỏ đổ ra bờ sông, yêu vị thơm chua mát của trái lê mùa thu hay mùa cỏ thảo nguyên có hơi rượu mạnh. Chiến tranh khiến cho mỗi công dân Xô viết nhận ra vẻ thanh tú[1] của chốn quê hương. Người vùng Bắc nghĩ đến cánh rừng bên dòng sông Vi-na hay miền Xu-cô-nô, thân cây mọc là là mặt nước, nghĩ đến những đêm tháng sáu sáng hồng[2] và tiếng "cô nàng" gọi đùa người yêu. Người xứ Uy-cơ-ren[3] nhớ bóng thùy dương tư lự bên đường, cái bằng lặng của trưa hè vàng ánh, vào lúc ấy, đời sống thấy đầy đủ và phong phú thay, vào lúc ấy thời gian dường như không trôi đi nữa. Chỉ có tiếng ong bay khẽ xua động cái yên lặng trọng thể. Người xứ Giê-ooc-gi[4] ca tụng khí trời của núi cao, những tảng đá sáng rực và nỗi vui bất chợt của một dòng suối óng ánh bạc, vị mát của nước đóng thành băng, rượu vang cay sè tu trong bọc đựng rượu bằng da dê, những lời thân ái giản dị và những tiếng cuối cùng của câu chào tạm biệt vọng lại. Người ở thành Lê-nin-gơ-rat[5] bị sương mù quê hương ám ảnh, nhớ dòng sông Nê-va rộng và đường bệ[6] như nước Nga

đường bệ, nhớ những tượng bằng đồng tạc những con chiến mã lồng lên, và lá hoa rực rỡ của công viên mùa hè, nhớ phố phường mà mỗi căn nhà là một trang lịch sử. Người Mạc Tư Khoa nhớ như thấy lại những phố cũ chạy ngoằn ngoèo lan man như một hoài niệm[8], để rồi đổ ra những đại lộ của thành phố mới. Xa nữa là điện Cơ-rem-lanh[9], những tháp cổ ngày xưa[10], dấu hiệu vinh quang của đất nước Nga và những ánh sao đỏ của ngày mai[11].

Dòng suối đổ vào sông, sông đổ vào dải trường giang Vôn-ga, con sông Vôn-ga đi ra bể. *Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc.* Có thể nào quan niệm được sức mãnh liệt của tình yêu mà không đem nó vào lửa đạn gay go thử thách. Người ta giờ đây đã hiểu lòng yêu của mình lớn đến dường nào, yêu người thân, yêu Tổ quốc, yêu nước Nga, yêu Liên bang Xô viết. Điều đó ta đã hiểu, khi kẻ thù giơ tay khả ố động đến Tổ quốc chúng ta. Ai là kẻ chẳng cảm thấy, mùa thu qua[12], điều giản dị này : "Mất nước Nga thì ta còn sống làm gì nữa".

Tại sao tinh thần Ri-sa Gơ-rô-men[13] rữa nát trước khi hắn bị một chiến sĩ Xô viết giết chết ? Bởi vì cuộc chiến tranh Hít-le đương gây nên kia không có linh hồn. Có những tiểu thuyết trinh thám và có những người ưa đọc thứ văn chương ấy. Cốt truyện trinh thám chẳng có gì rắc rối : hung phạm gây nên những tội khổng lồ, thám tử truy nã. Hai bên rút súng bắn nhau, giết nhau và cùng dấn thân vào chỗ nguy hiểm. Vậy mà người đọc thấy họ chết như thế là một chuyện thường của nghề họ. Thế thôi. Kẻ gian và thám tử có thể làm những chuyện liều lĩnh, song chẳng ai bảo chúng là anh hùng. Chúng để hết tâm trí vào công việc, song công việc của chúng chẳng có hồn. Lịch sử quên ngay tên những hung phạm có tài, những kẻ mạo hiểm thần tình. Lịch sử giữ lại những tên khác : tên những người bỏ mình vì một lí tưởng, vì nhân dân, vì loài người, cho một xã hội mới tốt đẹp hơn. Khí cụ chiến tranh của quân đội Xô viết có thể giống khí cụ chiến tranh của quân đội Đức. Chiến lược hai bên có những điểm gặp nhau. Song chẳng có gì là giống nhau giữa một người lính Hồng quân và một người lính quân đội Hít-le. Người anh hùng và đứa hung phạm, con người dũng cảm bảo vệ Tổ quốc và quân sát nhân nhà nghề là hai thế giới không đội trời chung.

Chúng ta đã biết Ri-sa đã đem theo xuống dưới mồ hắn những mối nghĩ gì. Đối lại những điều hắn nghĩ, chúng ta có thể đem thuật lại những câu chuyện năm người thủy quân đã chết, anh dũng bảo vệ Xê-vat-xtô-pôn[14]. Họ đã ôm lấy nhau, gửi nhau lời chào vĩnh biệt và quấn lựu đạn vào người, lăn ra cản xe tăng địch. Người ta thường nói đến thắng cái chết. Điều đó làm tôi nghĩ đến không phải những công trình của nhà bác học đương lo tính cách kéo dài đời sống con người mà nghĩ đến năm người thủy quân đỏ, tràn ngập vui sướng và say sưa yêu mến sự sống. Đấy chẳng là chiến thắng cái chết đấy ư ! Đấy chẳng là bất tử đấy ư ? Chiến công năm người thủy quân đỏ đã không những chỉ ngăn cuộc tấn công của quân thù : nó thổi một nguồn sống mới vào lòng triệu con người ; nó đã mở rộng và luyện chắc linh hồn nước Nga ; nó sống mãi giữa những trận chiến đấu ác liệt nhất trong năm nay ; nó còn sống cả sau ngày thắng lợi giữa muôn hoa rực rỡ tung nở trên khắp các đồng quê và trong những giọng hát trong trẻo nhất của một bầy thiếu nữ đồng ca.

26-6-1942

(Bản dịch của THÉP MỚI)

uongxua.vn

Chú giải

(1) *Vẻ thanh tú* : đẹp một cách tao nhã.

(2) *Đêm tháng sáu sáng hồng* : ở miền bắc Liên Xô (cũ), tháng sáu có những "đêm trắng" tức là quãng thời gian giữa mặt trời lặn và mặt trời mọc rất ngắn, chỉ vài ba tiếng.

(3) *Uy-cơ-ren* : một nước cộng hòa thuộc Liên Xô (cũ), nay là U-crai-na.

(4) *Giê-ooc-gi* : còn gọi là Gru-di-a, một nước cộng hòa thuộc Liên Xô (cũ).

(5) *Thành Lê-nin-gơ-rat* : bây giờ đổi tên là Xanh Pê-tec-bua.

(6) *Đường bệ* : bệ vệ, oai nghiêm.

(7) *Chiến mã* : ngựa được sử dụng tham gia chiến trận.

(8) *Hoài niệm* : kỉ niệm được ôm ấp.

(9) *Điện Cơ-rem-lanh* : quần thể kiến trúc cung điện được xây dựng ở vùng trung tâm Mat-xcơ-va. Sau Cách mạng tháng Mười, trụ sở các cơ quan đầu não của Liên Xô (cũ) được đặt ở đây. Thủ đô Mat-xcơ-va gọi theo âm Hán Việt là Mạc Tư Khoa.

(10) *Những tháp cổ ngày xưa* : ở điện Cơ-rem-lanh có những tháp được xây dựng từ thế kỉ XIV.

(11) *Những ánh sao đỏ của ngày mai :* sau Cách mạng, trên những tháp và những vòm nhà cao của điện Cơ-rem-lanh đều có cắm ngôi sao đỏ, biểu trưng cho cách mạng.

(12) *Mùa thu qua :* tức là mùa thu năm 1941, tình hình quân sự của Liên Xô (cũ) rất xấu.

(13) *Tinh thần Ri-sa Gơ-rô-men đã rữa nát :* ở phần đầu của bài báo *Thử lửa* tác giả có nói đến trường hợp của Ri-sa Gơ-rô-men, một lính phát xít Đức tử trận để lại những trang nhật kí bộc lộ tâm trạng hết sức bi quan, chán chường.

(14) *Xê-vat-xtô-pôn :* một hải cảng ở Biển Đen (miền nam Liên Xô (cũ)), nơi đây chiến tranh diễn ra hết sức ác liệt.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Câu mở đầu của bài văn trích : "Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất : yêu..., yêu..., yêu..."

Em hãy điền vào những chỗ để trống theo ý riêng của em.

2. Trong bài văn trích, người vùng Bắc (Liên Xô (cũ)), người xứ Uy-cơ-ren, người xứ Giê-ooc-gi, người dân thành Lê-nin-gơ-rat... nhớ đến quê hương thì nghĩ đến vài ba nét "thanh tú" của vùng quê hoặc thành phố của mình. Em hãy nêu vài ba nét "thanh tú" em thường nghĩ đến khi nhớ về vùng quê hoặc thành phố của em.

3. Kẻ gian và thám tử trong truyện trinh thám cũng "dấn thân vào chỗ nguy hiểm", cũng "làm những chuyện liều lĩnh", vì sao không ai bảo họ là những anh hùng ?

4. Sự bất tử của năm người lính thủy hi sinh ở Xê-vat-xtô-pôn là ở chỗ nào ?

thuongmaitr

ĐỌC THÊM

ĐỢI ANH VỀ

XI-MÔ-NỐP

Em ơi đợi anh về
Đợi anh hoài, em nhé
Mưa có rơi dầm dề
Ngày có dài lê thê
Em ơi em, cứ đợi !

Dù tuyết rơi gió nổi
Dù nắng cháy, em ơi
Bạn cũ có quên rồi
Đợi anh về, em nhé !

Tin anh dù vắng về
Lòng ai dù tái tê
Chẳng mong chi người về
Thì em ơi, cứ đợi !

Em ơi em, cứ đợi !
Dù ai nhớ thương ai
Chẳng mong có ngày mai...
Dù mẹ già con dại
Hết mong anh trở lại
Dù bạn viếng hồn anh
Yên nghỉ nấm mồ xanh
Nâng chén tình dốc cạn
Thì em ơi, mặc bạn
Đợi anh hoài, em nghe
Tin rằng anh sắp về !

Đợi anh, anh lại về
Trông chết cười ngạo nghễ
Ai ngày xưa rơi lệ
Hẳn cho sự tình cờ.

Nào có biết bao giờ
Bởi vì em ước vọng
Bởi vì em trông ngóng
Tan giặc, bước đường quê
Anh của em lại về !

Vì sao anh chẳng chết
Nào bao giờ ai biết ?
Có gì đâu em ơi
Chỉ vì không ai người
Biết như em chờ đợi.

(Bản dịch của TỐ HỮU)

ruongxua.vn

Chú giải

Xi-mô-nôp là một nhà thơ nổi tiếng của Liên Xô (cũ). Thời chiến tranh chống phát xít Đức, bài *Đợi anh về* là một bài thơ được truyền tụng rộng rãi. Những người lính Xô viết ra trận đều mang theo bài thơ này.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

Bài thơ nói đến những gian khổ và những sự bất hạnh trong chiến tranh, nhưng cảm hứng chủ đạo của bài thơ là lòng tin và tinh thần lạc quan. Đến câu cuối mỗi khổ thơ, điệp khúc lòng tin trở đi trở lại : "Đợi anh về, em nhé! Thì em ơi, cứ đợi... Đợi anh hoài, em nghe... Anh của em lại về...". Khổ thơ kết thúc bài thơ là sự khẳng định lòng tin của người lính và lòng tin của người con gái biết đợi chờ.

THỎ THẦY KIỆN

(Truyện cổ tích Cam-pu-chia)

Ở một làng kia, có hai người láng giềng, một người tốt, siêng năng, hiền lành, một người xấu, tham lam, quỷ quyệt. Người tốt tên là Rôc-say. Người xấu tên là Thi-say.

Một hôm hai người rủ nhau vào rừng đặt bẫy bắt thú. Rôc-say đặt bẫy dưới đất, còn Thi-say đặt bẫy trên cây. Xong đâu đấy, cả hai cùng quay về nhà ngủ.

Mờ sáng hôm sau, Thi-say trở dậy, lần ra rừng. Chàng ta trèo lên cây, thấy bẫy rỗng không, chẳng có con thú nào mắc bẫy của mình cả. Thi-say liền mò sang bẫy của Rôc-say. Một con hươu đã bị mắc bẫy, nằm đấy, Thi-say liền tháo ngay bẫy của Rôc-say, vác con hươu, trèo lên cây, mắc vào bẫy của mình. Xong đâu đấy, anh ta quay về nhà, làm nốt giấc ngủ còn dở dang.

Khi Rôc-say ra xem bẫy thì thấy bẫy của mình đã sập, trong bẫy còn vết máu, nhưng thú thì chẳng thấy đâu. Anh biết ngay là có kẻ đã phỗng tay trên mất con thú của mình. Anh lần theo vết máu dưới đất để tìm. Vết máu dẫn Rôc-say tới gốc cây có bẫy của Thi-say. Chàng ta vội trèo lên cây thì thấy con hươu của mình nằm gọn trong bẫy của ông bạn láng giềng.

Anh về nhà, kể lại chuyện ấy cho vợ nghe, rồi nói :

– Chuyện đâu có chuyện lạ đời. Hươu mà lại biết chạy lên cây chui vào bẫy ! Đúng là Thi-say đã đánh tráo con hươu của mình.

Vợ Rôc-say liền xui chồng đi kiện. Anh chàng nghe lời, vội đi trình quan ngay. Quan cho đòi cả hai bên nguyên bị[1] lên hầu rồi xử rằng :

– Xưa nay vật nào đã nằm ở đất của nhà ai, thì thuộc về nhà ấy. Con hươu đã nằm trong bẫy của Thi-say, vậy thì Thi-say được con hươu ấy.

Xử xong, quan cho hai người về. Nhưng Rôc-say không chịu. Anh ta xin quan hoãn việc thi hành bản án lại một ngày để anh ta tìm thầy kiện. Quan bằng lòng và hẹn đến sáng sớm ngày hôm sau sẽ xử lại vụ kiện này. Rôc-say ra về, lòng buồn phiền, mặt cau có, giận dữ vì nỗi thua kiện oan. Dọc đường anh tình cờ gặp một con thỏ đang gặm cỏ ở bên đường. Thỏ hỏi :

– Này bác, có việc gì mà vẻ mặt bác buồn phiền làm vậy ?

– Đang bực vì thua kiện đây – Rôc-say trả lời. Rồi anh chàng Rôc-say đem đầu đuôi câu chuyện kể cho Thỏ nghe.

truongxua.vn

Nghe xong, Thỏ nói :

– Này bác, để đấy tôi giúp cho. Nhưng nếu mà được kiện thì bác trả công tôi những gì ?

Rôc-say trả lời :

– Được ta sẽ biếu chú năm "bất"[2].

Thỏ cười :

– Tôi thì cần gì tiền. Chỉ cần bác cho tôi một nải chuối thật to, chín là tốt rồi.

Rôc-say trả lời :

– Cái đó thì có khó gì ! Nếu chú giúp ta được kiện, ta sẽ biếu chú cả buồng chuối, chứ chẳng phải là một nải chuối đâu !

Hai bên tạm biệt nhau, hẹn sáng mai lại gặp.

Sáng sớm hôm sau, Rôc-say ra chỗ hẹn gặp Thỏ. Nhưng đợi hoài mà chẳng thấy Thỏ đâu. Mãi đến lúc mặt trời đã lên cao bằng con sào mới thấy Thỏ lững thững đi tới. Thỏ gặp Rôc-say, chào hỏi vồn vã nhưng chẳng nói gì tới việc kiện cáo cả. Nó hỏi Rôc-say :

– Thế nào, bác đã sắp sẵn chuối cho tôi chưa ?

Rôc-say sốt ruột trả lời :

– Đâu đã vào đấy rồi. Nhưng này, ta đi hầu kiện thôi chứ, quá muộn rồi !

Nhưng Thỏ vẫn nhởn nhơ gặm cỏ, rong chơi, làm như không biết gì đến vẻ sốt ruột của Rôc-say. Nó bảo :

– Trời hôm nay nóng thật !

Rôc-say ừ hữ cho qua chuyện rồi lại giục :

– Này, chú Thỏ, đi thôi chứ ? Quan hẹn là sáng sớm đã phải có mặt rồi !

Lúc ấy, Thỏ mới nói :

– Đừng có cuống lên thế. Mọi việc đã có tôi thu xếp, bác cứ để mặc tôi.

thuongmaitr

Nói đoạn Thỏ lại nằm khểnh, gãi đầu, gãi bụng. Rôc-say nén lòng đợi một lúc, nhưng rồi ruột nóng như lửa đốt, anh lại nói :

– Chủ định thế nào, chú Thỏ ? Quá hẹn lâu rồi !

Thỏ bực quá, gắt lên :

– Đã bảo là cứ mặc tôi mà lại ! Lúc nào tôi thấy cần đi, tôi khắc bảo.

Thỏ đợi đến lúc mặt trời gần đứng bóng mới cùng Rôc-say đi đến quan hầu kiện. Lúc ấy đã gần tan buổi hầu. Quan thấy Rôc-say đến liền mắng :

– Sao bây giờ ngươi mới vác mặt đến ? Đã đến muộn như vậy thì ta cho ngươi biết tay : ta sẽ không xử lại nữa, cứ y án[3] hôm qua mà thi hành !

Thỏ lúc ấy mới tiến ra. Nó vái chào quan rất cung kính, rồi nói :

– Xin quan hãy bớt giận. Để cho bác Rôc-say đến hầu kiện muộn, chính là tại tôi. Tôi đã giữ bác Rôc-say lại giữa đường để cùng xem một chuyện thật kì lạ ! Từ thuở cha sinh mẹ đẻ, quả là bây giờ tôi mới thấy là một ! Quan mà trông thấy việc kì lạ như vậy, thì chắc chắn là quan cũng không thể nhấc chân mà bước đi được.

Quan nghe Thỏ nói thế, lấy làm lạ, ra lệnh :

– Ngươi hãy kể chuyện ấy cho ta nghe xem nào !

Thỏ liền nói :

– Bẩm vâng ! Số là tôi đang đi ở giữa đường, thì bỗng thấy một đàn cá đông không biết đâu mà kể. Chúng bò lên đường rồi nối đuôi nhau leo thẳng lên cây, hái quả ăn. Bẩm quan quả là như vậy, tôi cứ đứng sững mà nhìn, không sao đi được nữa. Quan nghe đến đây thì đập bàn quát :

– Nói láo. Ngươi nói không thể tin được. Đời thuở nhà ai mà lại có chuyện cá trèo lên cây hái quả ăn.

Thỏ đợi quan quát xong, liền mỉm cười nói :

– Bẩm quan, thế mà có người lại cho là thực đấy. Có đời thuở nhà ai hươu lại trèo lên cây chui vào bẫy không ? Quan không tin là cá biết trèo cây thì sao quan lại cho là hươu biết trèo ? Tại sao quan lại cho Rôc-say thua kiện ?

Nghe Thỏ nói vậy, quan tỉnh ngộ, hủy ngay bản án hôm trước, cho Rôc-say được kiện, bắt Thi-say phải trả con hươu lại cho Rôc-say.

Rôc-say sung sướng vác hươu, cùng Thỏ về và tất nhiên, Thỏ đã được chén một bữa chuối no nê, thỏa thích.

(Theo *Truyện dân gian Cam-pu-chia*[4])

Chú giải

(1) *Hai bên nguyên bị* : tức là bên nguyên cáo và bên bị cáo, bên đi kiện và bên bị người ta kiện.

(2) *Bát* : đồng tiền Cam-pu-chia thời xưa.

(3) *Y án* : theo án, theo như án đã xử mà làm.

(4) Ở Việt Nam, đồng bào Khơ Me, đồng bào Ka Dong... cũng có những truyện tương tự về chú Thỏ khôn ngoan.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Trong truyện này, Thi-say đã làm việc gì xấu ? Rốc-say bị thua kiện oan về việc gì ? Viên quan xử kiện lúc đầu đã xử như thế nào ?

2. Viên quan đã xử vụ kiện như thế nào ? Vì sao viên quan phải xử lại vụ kiện như vậy ?

3. Con Thỏ trong truyện đã nói và làm gì để giúp Rốc-say ? Nó có những đức tính gì nổi bật ?

4. Tóm tắt truyện bằng cách chia câu chuyện ra thành các đoạn rồi đặt tên cho các đoạn ấy.

CÁ BỨC[1] SÔNG MÉ KHOỎNG

(Thần thoại Lào)

thuongmaitr

Ngày xưa, sông Mé Khoỏng[2] từ phía bắc đang chảy xuôi về huyện Xiêng Khoảng thuộc tỉnh Xiêng Rai, thì gặp con sông Ping bé nhỏ cũng đang cặm cụi chảy về xuôi.

Thấy sông Ping, sông Mé Khoỏng cười khinh bỉ :

– Này, anh bé nhỏ thế này thì anh chảy được đến đâu ?

Sông Ping đáp :

– Tôi tuy bé nhỏ nhưng tôi rất khỏe. Tôi có thể chảy cong queo bất cứ chỗ nào. Còn bác, tuy bác to nhưng lại kềnh càng, muốn chảy đi đường nào cũng vướng víu, chậm chạp.

Nói rồi, sông Ping lại chỉ về ngọn núi Ruông Pa Băng và nói :

– Nếu bác giỏi, bác hãy chảy thi với tôi xem ai ra đến biển trước. Ở biển có loài cá bức rất to. Nếu ai ra đến biển trước thì cá bức sẽ thuộc về người đó.

Sông Mé Khoỏng nhận lời chảy thi. Khi bắt đầu cuộc thi, sông Mé Khoỏng tự thấy mình to kềnh càng, lại phải vượt qua những rặng núi đá vừa rộng vừa dài nên sông Mé Khoỏng không dám lơ là. Sông kiên nhẫn chảy về hướng đông rồi vòng sang hướng nam, chảy luồn qua các dãy núi một cách nhanh chóng. Còn sông Ping cũng vội vàng chảy qua núi Phi Ban Năm và núi Đun Ca, chảy gấp về hướng nam để mong giành phần thắng. Trên đường ra biển, sông Ping gặp con sông Vang. Hai con sông vừa chảy vừa tâm sự. Ra đến tỉnh Na Kha Xa Văn, lại gặp hai con sông khác là sông Nhuôn và sông Nan. Cả bốn nhập lại, vừa chảy vừa kể cho nhau nghe về việc đánh cuộc với sông Mé Khoỏng. Sông Nhuôn và sông Nan nói :

– Từ đây xuống biển, không có núi rừng nữa, chúng mình chẳng cần phải vội vàng. Anh chàng Mé Khoỏng kia còn vất vả lắm mới vượt qua được mấy ngọn núi sau kia.

Vì vậy, cả bốn con sông cứ vừa chảy vừa nhởn nhơ. Chúng loanh quanh ngách này ngách khác, có khi lại phải chờ nhau để cùng đi một thể. Cùng lúc đó thì sông Mé Khoỏng ào ào vượt qua các rặng núi, tạo nên những cái thác lớn để thúc dòng chảy cho được nhanh hơn. Thấy Mé Khoỏng lao đi băng băng như vậy, cả bốn con sông Ping, Vang, Nhuôn, Nan mới hoảng hốt. Chúng cùng nhau hợp lại thành con sông lớn (tức là sông Chao Pha Da hiện nay) rồi vội vàng dồn sức ra biển. Nhưng không sao kịp được nữa. Sông Mé Khoỏng đã tới đích trước rồi. Sông Ping và các sông kia thua cuộc. Thực hiện đúng lời cam kết, loài cá bức đua nhau bơi vào sông Mé Khoỏng . Vì vậy, ngày nay chỉ có sông Mé Khoỏng là sông duy nhất có cá bức, còn các con sông khác, kể cả biển cũng hoàn toàn không có loài cá này.

Chú giải

(1) *Cá bức :* tên một loại cá chỉ có ở sông Mé Khoỏng.

(2) *Sông Mé Khoỏng :* tức là sông Mê Công (sông Cửu Long). Các tên riêng trong bài (tên núi, sông, đất, v.v...) đều phiên âm theo cách đọc ở Lào.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

Câu chuyện dân gian này giải thích một số hiện tượng về sông núi nước Lào. Những hiện tượng về dòng chảy, về hình thể các con sông, về một loài cá chỉ có ở sông Mê Khoỏng của Lào đều có thật nhưng đã được giải thích bằng một cuộc chạy thi giữa các con sông.

Một cuộc thi tài hấp dẫn vì có nhiều chi tiết bất ngờ thú vị.

Nhưng điều thú vị hơn cả là câu chuyện khiến người ta cảm thấy sông núi như có hồn và thân thương.

thuongmaitr

MỤC LỤC

		Trang
Bài mở đầu		
(Đỗ Bình Trị *biên soạn chỉnh lí*)	(1 tiết)	3

PHẦN MỘT

VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM

(Đỗ Bình Trị *biên soạn chỉnh lí*)

Bài 1. Văn học dân gian là gì ?	(1 tiết)	10
Bài 2. Thần thoại		
1. Thần Trụ Trời	(1 tiết)	2
2. Đi san mặt đất	(1 tiết)	14
Bài 3. Những truyền thuyết về thời các vua Hùng		
1. Con Rồng, cháu Tiên	(1 tiết)	17
2. Sơn Tinh, Thủy Tinh	(1 tiết)	20
3. Thánh Gióng	(1 tiết)	22
Bài 4. Những truyền thuyết sau thời các vua Hùng		
1. Mị Châu, Trọng Thủy	(2 tiết)	25
2. Truyền thuyết về Hồ Gươm	(1 tiết)	30
Đọc thêm :		
1. Cóc kiện trời		33
2. Kinh và Ba Na là anh em		36
3. Lê Lợi		38
4. Lê Như Hổ		41
Bài 5. Ôn tập về thần thoại, truyền thuyết	(2 tiết)	45

PHẦN HAI

VĂN HỌC VIỆT NAM
TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

(Nguyễn Văn Long *biên soạn chỉnh lí*)

Bài 1. Thơ Hồ Chí Minh : Cảnh khuya, Rằm tháng giêng	(1 tiết)	47
Bài 2. Lượm – Tố Hữu	(2 tiết)	49

ruongxua.vn

Bài 3. Đêm nay Bác không ngủ – Minh Huệ (2 tiết) 53
Bài 4. Cỏ non – Hồ Phương (2 tiết) 56
Bài 5. Ông lão vườn chim – Anh Đức (2 tiết) 64
Bài 6. Từ Cu-ba –Tố Hữu (2 tiết) 71
Bài 7. Dế Mèn phiêu lưu kí – Tô Hoài (6 tiết) 74

– Chương I – Tôi sống độc lập từ thuở bé – Một sự ngỗ nghịch đáng ân hận suốt đời 76

– Trích chương VI – Tranh hùng với võ sĩ Bọ Ngựa – Chánh phó thủ lĩnh tổng Châu Chấu – Thề rằng sinh tử có nhau 83

– Chương IX – Lại một chuyện rủi ro với các bạn Kiến – Sự tức giận của mấy cô bé học trò – Ai có công nhất ? 92

Đọc thêm :

Rẻo cao – Nguyễn Ngọc 103
Mầm Non – Võ Quảng 113
Mưa xuân trên biển – Huy Cận 114
Mưa – Trần Đăng Khoa 116

Bài 8. Ôn tập về văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 (2 tiết) 117

PHẦN BA
VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

Bài 1. Nữ Oa vá trời
(Đỗ Bình Trị *biên soạn chỉnh lí*) (1 tiết) 119

Bài 2. Cuộc thi tài kì lạ
(Phùng Văn Tửu *biên soạn chỉnh lí*) (1 tiết) 121

Bài 3. Điệu múa của nàng tiên áo lông chim
(Đỗ Bình Trị *biên soạn chỉnh lí*) (1 tiết) 123

Bài 4. Hê-ra-klex đi tìm những quả táo vàng
(Phùng Văn Tửu *biên soạn chỉnh lí*) (1 tiết) 125

Bài 5. Mây và sóng – Ta-gor
(Đỗ Bình Trị *biên soạn chỉnh lí*) (2 tiết) 129

Bài 6. Lòng yêu nước – I-li-a Ê-ren-bua
(Hoàng Ngọc Hiến *biên soạn chỉnh lí*) (2 tiết) 131

Đọc thêm :

– Đợi anh về – Xi-mô-nôp
(Hoàng Ngọc Hiến *biên soạn chỉnh lí*) 134

– Thỏ thầy kiện
(Đỗ Bình Trị *biên soạn chỉnh lí*) 136

– Cá bức sông Mê Khoông
(Đỗ Bình Trị *biên soạn chỉnh lí*) 140

ruongxua.vn

45 NĂM 1957-2002
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 6

1.	Tiếng Việt 6/1	*Tái bản*
2.	Tiếng Việt 6/2	*Tái bản*
3.	Văn học 6/1	*Tái bản*
4.	Văn học 6/2	*Tái bản*
5.	Tập làm văn 6	*Tái bản*
6.	Dàn bài tập làm văn 6	*Tái bản*
7.	Lịch sử 6	*Tái bản*
8.	Địa lí 6	*Tái bản*
9.	Tài liệu Giáo dục công dân 6	*Tái bản*
10.	Toán 6/1	*Tái bản*
11.	Toán 6/2	*Tái bản*
12.	Sinh học 6	*Tái bản*
13.	Kĩ thuật 6 (TC - ĐL)	*Tái bản*
14.	English 6	*Tái bản*
15.	Bài tập Toán 6/1	*Tái bản*
16.	Bài tập Toán 6/2	*Tái bản*
17.	Tiếng Pháp 6	*Tái bản*
18.	Bài tập Tiếng Việt 6/1	*Tái bản*
19.	Bài tập Tiếng Việt 6/2	*Tái bản*
20.	Bài tập English 6	*Tái bản*
21.	Mĩ thuật 6	*Tái bản*
22.	Âm nhạc 6	*Tái bản*

thuongmaitruongxua.vn

8 934980 001318

VĂN HỌC 6 – Tập một

Mã số : 2H623t1

In 50.000 bản, khổ 14,3 x 20,3 cm. In tại Xí nghiệp in II – Công ty in Ba Đình
Số in : 78/01 Số XB : 1105/131-00
In xong và nộp lưu chiểu tháng 2 năm 2001.

Giá : 3800 đ